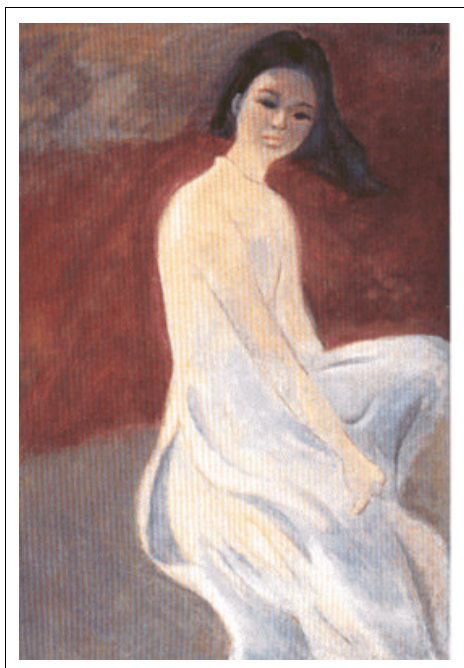


F O R U M



Dương Bích Liên, *Thiếu nữ áo trắng*, sơn dầu (1988)

Vụ Tổng cục 2

Bộ chính trị cù cưa Tướng Nguyễn Nam Khánh tiếp tục phản đối

Như chúng tôi đã đưa tin trong số 143 (tháng 9.2004), đại tướng Võ Nguyên Giáp (tháng 1.2004) và thượng tướng Nguyễn Nam Khánh (tháng 6, thay mặt một số tướng lĩnh) đã gửi thư cho Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, yêu cầu xử lý tận gốc những sai phạm của Tổng cục 2 (cơ quan an ninh và tình báo quân đội), và đằng sau bộ máy này là vai trò của tướng Lê Đức Anh. Mặc dầu hai tác giả đều thận trọng, không sao chụp và phổ biến, và mặc dầu Bộ chính trị đã làm một việc trái nguyên tắc là không chuyển thư cho các uỷ viên trung ương mà chỉ thu hẹp trong diện uỷ viên Bộ chính trị và Ban bí thư, hai lá thư này đã nhanh chóng lan truyền qua mạng internet. Mùa hè vừa qua, « vụ Tổng cục 2 » đã trở thành vấn đề nóng bỏng đối với dư luận trong và ngoài đảng.

Dưới sức ép của dư luận, Bộ chính trị lâm vào thế tiến thoái lưỡng nan. Không thể nào án binh bất động, ban lãnh đạo buộc phải quyết định một vài biện pháp kỉ luật đối với dăm ba cán bộ TC2 được chọn làm vật hi sinh. Song đó chỉ là chiếc lá nhỏ, không che đậy được ý đồ hiển nhiên là « chôn chắt » vụ việc này : chỉ báo cáo thu hẹp trong Bộ chính trị, « *chứ không báo cáo cho Trung ương, có việc không nói cụ thể cho Trung ương và không thảo luận* » (lời ông Phan Diễn, uỷ viên Bộ chính trị, nói với tướng Khánh, xem dưới), không chịu xét tới trách nhiệm chủ chốt của tướng Lê Đức Anh, « *vì đưa ra vấn đề này, sẽ tranh cãi rồi không kết luận được, sẽ làm cho tình hình phức tạp thêm* » (như trên).

Rõ ràng những biện pháp kỉ luật ở cấp « tép riu » hoàn toàn không thoả đáng, không tương xứng với một vụ án mà chính ông Phan Diễn cũng phải thừa nhận là « *một vụ án chính trị nghiêm trọng* ».

Dễ hiểu là giới tướng lĩnh Quân đội Nhân dân Việt Nam và dư luận đảng viên không thể chấp nhận giải pháp nửa vời, « mua thời gian » đó của lãnh đạo. Điều này biểu lộ trong lá thư ngày 15.7 của tướng Khánh.

(xem tiếp trang 4)

Mục lục

2 Sinh hoạt & điểm sách

Thời sự, những vấn đề

1 Vụ Tổng cục 2

5 Tin tức

10 Sổ tay

Kiến Văn

12 Thư từ Mĩ

Tiểu Hằng Ngôn

Hồ sơ đặc biệt

14 Nhật kí Rồng Rắn

Trần Độ

Văn hoá, Khoa học, Nghệ thuật

18 Địa vị Vũ Trọng Phụng

Trương Từ

20 Tản mạn về đại học Mĩ

Nguyễn Lộc

22 Gần xa Sagan

Đặng Tiến

24 Thơ

La Quốc Tiến

25 Thơ

Ngô Thị Hạnh

26 Thương quá rau răm

Nguyễn Ngọc Tư

28 Champa và di sản (2)

Nguyễn Đức Hiệp

31 Một dấu tích giao thoa văn hoá

Văn Ngọc

MÊ THẢO Thời xa vắng

(ME THAO Il fut un temps)

sẽ ra mắt công chúng Paris từ ngày 8.12 tại rạp Le Reflet Médicis, Paris 5 (5-7 rue Champollion, tél : 08 92 89 28 92, 08 92 68 48 24, M° Cluny, St-Michel)

Phim Việt Nam, phụ đề tiếng Pháp, phòng theo Chùa Đàn của Nguyễn Tuấn, huy chương vàng Liên hoan Bergamo (Ý)

Đạo diễn : Việt Linh. Diễn viên : Minh Trang, Thuý Ngam Dũng Nhi, Đơn Dương. Giọng hát : Thanh Hoài

MÙA LEN TRÂU

của Nguyễn Võ Nghiêm Minh (dựa theo tác phẩm của Sơn Nam) sẽ ra mắt công chúng Paris vào đầu năm 2005 (chứ không phải tháng 10.04 như công ti phát hành đã thông báo). Tác phẩm đầu tay của Nguyễn Võ Nghiêm Minh đã được giải thưởng đặc biệt của Ban giám khảo trẻ tại Liên hoan điện ảnh Locarno (tháng 8.2004), giải thưởng Đạo diễn Silver Hugo của Festival quốc tế Chicago (10.2004) và được tuyển chọn tham gia nhiều liên hoan quốc tế (Toronto, Pusan, Rotterdam, Amiens).

KHÔNG GIAN Lê Bá Đảng

từ 21.10 đến 13.11.2004 tại Galerie HOA MAI
25 rue Guénégaud, Paris 6e (tél : 01 43 25 58 10)
www.hoamaiparis.com

Triển lãm hội hoạ tại Thụy Sĩ

Bùi Suối Hoa, Đào Anh Khánh, Đinh Quân,

Lê Quảng Hà, Nguyễn Văn Cường

từ 3.9.2004 đến 25.2.2005 tại Hotel Arte

Riggenbachstrasse 10

4600 OLTEN – Suisse (đt +41.62.286.68.00)

thứ hai - thứ sáu : 9g00 - 18g00 ; thứ bảy : 9g00 - 12g00

Xem lịch sinh hoạt văn hoá cập nhật trong mục Sổ Tay trên mạng internet của báo Diễn Đàn

www.diendan.org

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đỗ

Tổng biên tập : Hà Dương Tường

Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,

Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc

Ban biên tập, quản lý, kỹ thuật :

Vũ An, Trần Hữu Dũng, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,

Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Thoại Phong

Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh,

Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuý, Đặng Tiến, Nam Trân,

Hoài Văn, Kiên Văn, Hải Vân, Hoà Văn

Giới thiệu sách mới

Anna Moï, Riz noir, tiểu thuyết, nxb Gallimard, Paris, 2004, 178 tr, 14,50 €

Riz noir, cơm/gạo đen ? Không phải là thuốc phiện hay gạo dự, nếp than. Đây là bát cơm tù ở Chuồng Cọp Côn Đảo, đen ngòm ruồi nhặng.

Tiểu thuyết đầu tay của Anna Moï (Trần Thiên Nga), do Gallimard xuất bản (hai tập truyện ngắn trước, *L'Echo des rizières* và *Parfum des pagodes*, do Editions de l'Aube).

Người kể chuyện (ngôi thứ nhất) trong *Riz noir* tên là Tần. Chuyện trong tù, tra tấn, chuồng cọp là chuyện thật của Thiều Thị Tần, Thiệu Thị Tảo, nữ sinh Marie Curie, làm giao liên cho cách mạng, đã bị bắt ở tuổi 15 và 16. Tên tuổi của hai chị đã xuất hiện trên báo chí khi một phái đoàn quốc hội Mỹ, do sự hướng dẫn của Don Luce, đã phát hiện ra chuồng cọp và tố cáo trước dư luận.

Tự truyện được tiểu thuyết hoá, với văn phong sáng sủa, kiệm lời nên có tác động lớn. Chỉ tiếc là đôi khi tác giả có những đoạn tả cảnh hình như để chào mời độc giả Âu Tây đi du lịch, không ăn nhằm gì tới lôgic của văn mạch. Những đoạn có tính chất tư liệu lịch sử thì có một vài lầm lẫn đáng ngạc nhiên (thí dụ : ông Ngô Đình Nhu được « hạ » xuống làm thủ tướng). Tuy nhiên, những khuyết tật này không làm giảm giá trị văn học của tác phẩm.

Nghiêm trọng và đáng tiếc hơn là vụ kiện về tác quyền : luật sư của bà Thiệu Thị Tần cho rằng Anna Moï đã chiếm đoạt tác quyền lời kể của bà và có những đoạn hư cấu xúc phạm tới nhân phẩm của mình, luật sư của Anna Moï thì bảo vệ quyền sáng tác, hư cấu của một tiểu thuyết gia. Ngày 19.10, toà sơ thẩm Paris vẫn chưa quyết án và không cho biết đến ngày nào mới tuyên án.

François JULLIEN, Minh triết phương Đông & Triết học phương Tây, tập hợp bản dịch 5 tác phẩm, nxb Đà Nẵng, 2004, 1050 tr.

F. Jullien là giáo sư Trường đại học Paris 7, giảng dạy triết học và mỹ học cổ đại Trung Hoa. Ông giữ một vị trí độc đáo trong học thuật với khoảng hai chục công trình đối sánh triết học phương Tây (đặc biệt là triết học cổ đại Hi Lạp) với triết học cổ đại Trung Hoa.

Điều ấy giải thích tại sao tác phẩm của ông, tuy đến Việt Nam hơi muộn màng, đã nhanh chóng chinh phục độc giả. Được vậy cũng nhờ chất lượng các bản dịch của các nhà văn Hoàng Ngọc Hiến (*Bàn về tính hiệu quả, Xác lập cơ sở cho đạo đức*) và Nguyễn Ngọc (*Một bậc minh triết thì vô ý*). Nhà xuất bản Đà Nẵng đã có sáng kiến tái bản 3 bản dịch kể trên, gộp chung với *Bàn về chữ thời* (bản dịch của Đinh Chân và Đào Hùng), và *Bàn về cái nhạt* (bản dịch của Trương Thị An Na), thành một cuốn sách quý.

Giả Bình Ao, Cuộc tình, tiểu thuyết, La Gia Tùng dịch từ nguyên tác Trung văn, nxb Hội nhà văn, Hà Nội, 2004, 374 trang.

Tiểu thuyết Việt Nam (trong nước và hải ngoại) đang khủng hoảng, tiểu thuyết Trung Quốc tiếp tục được mùa. Phải

chăng vì thế mà độc giả Việt Nam đổ xô đọc văn học Trung Quốc qua các bản dịch chất lượng không đồng đều. Chúng tôi đã có dịp ca ngợi các tác phẩm của Mạc Ngôn (*Mo Yan*) qua bản dịch tuyệt vời của Trần Đình Hiến (***Báu vật của đời, Đàn hương hình, Cây tỏi nổi giận, Rừng xanh lá đỏ***, và gần đây nhất, ***Tiểu quốc***).

Bản dịch ***Cuộc tình*** chưa thật thoả đáng, song cũng tạm đủ để chúng ta được đọc Giả Bình Ao (*Jia Pingwa*) mà nhiều người đã biết qua tiểu thuyết ***Phế đô***. Nếu dám nhại Gabriel Garcia Marquez, có thể đề nghị một cái tên khác : *Tình yêu thời thổ tả*. Thổ tả thật ra chỉ là thứ bệnh ngoài da so với tai hoạ của chủ nghĩa Mao, từ thời Diên An đến « Đại cách mạng văn hoá vô sản », mà hai nhân vật chính, Hồ Phương và Giang Lam, đã phải trải qua. ***Cuộc tình*** độc đáo ở chỗ mỗi chương được kể từ góc nhìn của một nhân vật (chính và phụ). Có lẽ nhờ đó mà nó có được sự đa dạng, phong phú của cuộc sống. Phải thêm vào đó là cá tính mạnh mẽ của các nhân vật, và cuộc sống trong cả chiều kích tính dục giúp cho người ta tồn tại qua những thời kì bi thảm của lịch sử Trung Quốc.

Viet Nam une coopération exemplaire & Henri Van Regemorter / Parcours d'un militant, textes réunis par Nicole Simon-Cortés et Alain Teissonnière, nxb L'Harmattan, Paris, 2004, 254 tr.

Có hai cuốn sách trong tập sách (không dày) này, cả hai đều đáng đọc. Một là : mô hình hợp tác khoa học & kĩ thuật Pháp-Việt (quá trình hình thành từ phong trào ủng hộ Việt Nam chống Mỹ thập niên 60, sự đa dạng và hiệu quả của nó hiện nay, với chứng từ của nhiều người trong cuộc). Hai là : cuộc đời xuyên suốt ¾ thế kỉ của một nhà vật lí thiên văn lớn (mà những phương pháp tính toán về « va chạm nguyên tử » vẫn còn được dùng trong vật lí thiên văn học và vật lí plasma) đồng thời là một militant suốt đời gắn bó với sự nghiệp giải phóng và phát triển của các nước thế giới thứ ba, qua chứng từ sinh động và cảm động của đồng nghiệp, đồng chí, bạn bè đủ các quốc tịch.

Cuốn sách « đa tạp » này vẫn giữ được tính thống nhất và sống động của nó, vì sợi chỉ đỏ xuyên suốt là Henri Van Regemorter (1925-2002), người sáng lập (và phải nói, *linh hồn* của) *Tập hợp liên công đoàn*, rồi *Ủy ban vì hợp tác khoa học kĩ thuật với Việt Nam*. Sách in vừa kịp ngày giỗ thứ nhì của Henri.

Kiến Văn

Tín buồn

Bà **Khương Quang Viên**

(nhũ danh **Lý Thị Hiếu** pháp danh **Diệu Hoà**)

đã từ trần ngày 10.10.2004 tại Paris, thọ 82 tuổi. Lễ an táng đã cử hành ngày 13.10 tại nghĩa trang L'Orme à moineaux (Les Ulis).

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng anh chị Khương Quang Đồng, anh Khương Quang Đính, chị Vũ Quỳnh Châu và toàn thể gia đình.

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên :

Địa chỉ :

Email :

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng (số)

Kèm theo đây là ngân phiếu : €

Giá mua 1 năm báo (11 số)

Pháp (các tỉnh, lãnh thổ DOM TOM) : 40 €

Châu Âu ngoài Pháp : 45 €

Các nước ngoài Châu Âu : 50 €

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào trương mục của Diễn Đàn : CCP 4.414.16 W PARIS-DIENDAN (nhưng xin báo cho toà soạn tên và địa chỉ).

Châu Âu thuộc khối Liên hiệp Âu châu UE : có thể chuyển số tiền 45 € vào trương mục của DIENDAN FORUM, số IBAN (International Bank Account Number) đầy đủ là : FR 90 30041 00001 0441614W02076 Bank Identifier Code : PSSTFRPPPAR

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 45 € cho ông Trần, Am Stadtpark 6, D-92237 SULZBACH-ROSENBERG, hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank: SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto: 380 48 94 76, blz 752 500 00).

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70FS/năm) vào trương mục JOURNAL DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1. Xin viết thư để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt 15\$ US, xin gửi ngân phiếu tương đương (bằng zloti) đề tên CHWISTEK và gửi về toà soạn, hoặc chuyển vào trương mục của M. CHWISTEK, Bank : SLASKI - ODDIZIAL GLIWICE, số ngân hàng và tài khoản : 15 1050 1285 1000 0022 5595 5185.

Bạn đọc ở **Canada** xin gửi séc 70\$ CND đề tên ông DUNG TRAN và gửi về MR TRAN, 4817 Lalande Blvd, Pierrefonds, QUEBEC H8Y 3H4.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 50\$ US đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (DIENDAN, B.P. 50, 92340 BOURG LA REINE, France).

Úc và các nước khác : xin gửi 50 € bằng *money order* đề tên Diễn Đàn về địa chỉ toà soạn :

DIỄN ĐÀN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE)

FAX : 33 1 43 68 91 44 (quốc tế), 01 43 68 91 44 (Pháp)

Email : diendan@diendan.org

Địa chỉ mạng : www.diendan.org

Tướng Nguyễn Nam Khánh.....

(tiếp theo trang nhất)

Mở đầu lá thư gửi Ban chấp hành trung ương ĐCS và các Ban kiểm tra, nội chính, bảo vệ chính trị nội bộ, thượng tướng Khánh kể lại cuộc gặp ông Phan Diễn (ủy viên Bộ chính trị và thường trực Ban bí thư) chiều ngày 8.7.2004. Theo đó, ông Phan Diễn đã thừa nhận « vụ T4 (1) là một vụ án chính trị nghiêm trọng » và thông báo :

« Bộ Chính trị đã giao cho cơ quan Pháp luật truy tố, đưa ra xử 4 người : Cháp, Nguyễn, Vinh, Diệu Hà từ 5 năm tù trở lên, đã giao cho Đảng ủy Quân sự Trung ương xem xét các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy Tổng cục II. Đảng ủy Quân sự Trung ương đã báo cáo lên Bộ Chính trị và Bộ Chính trị đang xem xét » (bình luận của chúng tôi : vụ án chưa bắt đầu, nhưng ông Phan Diễn đã « biết trước » kết quả).

« Bộ Chính trị đã giao cho Thường vụ Quốc hội xem lại Pháp lệnh Tình báo và giao cho Văn phòng Chính phủ xem lại Nghị định 96/CP. Đồng thời đã chỉ thị cho Bộ quốc phòng hướng dẫn cho Tổng cục II xác định một số quy định và chỉ thị cho Tổng cục II không được theo dõi nội bộ. »

« Trong vụ T4, có ý kiến anh [Võ Nguyên] Giáp, anh [Chu Huy] Mân, anh và một vài đồng chí nữa, nhưng Bộ Chính trị không báo cáo ý kiến của các anh với Ban Chấp hành Trung ương, ngay cả ý kiến anh [Lê Khả] Phiêu cũng không báo cáo với Ban Chấp hành Trung ương. Ý kiến đề nghị có rất nhiều ý kiến khác nhau. Nếu đã đưa là đưa hết thì Ban Chấp hành Trung ương khó khăn trong việc xem xét, và không thể kết luận được, làm cho nội bộ phức tạp thêm. » (bình luận của chúng tôi : ông Phan Diễn khinh thường Ban chấp hành trung ương, coi nó không bằng quốc hội, hay đây là một sự thật : BCHTƯ chỉ có quyền và khả năng xem xét những vấn đề... chỉ có một ý kiến ?).

Về hơn 200 « bản tin » của « điệp viên T4 » lọt vào nội bộ CIA gửi về để tố cáo một loạt cán bộ (xem ĐĐ số 123), ông Phan Diễn tỏ ra rất lúng túng qua một câu nói kì quặc : « Tôi biết, trong số bản tin này, Tổng cục II có đoạn đưa ra 10 bản tin có ký tên, một số không ký tên. Như vậy là thuộc về tài liệu mật và tài liệu không phổ biến. Nếu tài liệu này lộ ra ngoài, kẻ địch sẽ lợi dụng phá hoại Đảng. Nên tôi phê bình đồng chí là không tuân thủ nguyên tắc giữ bí mật tài liệu ».

Về điểm này, tướng N. N. Khánh đã trả lời dứt khoát : « Với tầm quan trọng của vấn đề và theo đúng Điều lệ Đảng, tôi đã viết thư gửi cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban kiểm tra Trung ương và cơ quan chức năng. Tôi trực tiếp niêm phong mang đến văn phòng Trung ương nhờ văn phòng Trung ương chuyển và ngoài bì tôi ghi rõ : - Chỉ người có tên mới được bóc. Như vậy là hết sức cẩn thận về bảo mật. Tôi gửi cho Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cơ quan chức năng, chứ không gửi cho địch. Nếu làm lộ tài liệu là do các đồng chí nhận tài liệu, chứ tôi không làm lộ. »

Vào thẳng nội dung vấn đề, ông khẳng định : « Tôi đồng ý là Bộ Chính trị, Ban Bí thư có quyền lựa chọn vấn đề để giải quyết. Nhưng lựa chọn vấn đề gì để giải quyết là trên nguyên

tắc bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước, bảo vệ Chế độ. Không phải trên nguyên tắc cơ hội, hữu khuynh ». Ông đòi hỏi xét xử tất cả những người trách nhiệm các vụ việc như vụ Sáu Sứ, và nhất là vụ T4, « vì nếu không làm rõ vụ T4, những người chỉ huy Tổng cục II hiện nay và người lãnh đạo cấp cao liên quan đến T4 và Tổng cục II thì sẽ ảnh hưởng đến Đại hội 10, ảnh hưởng trực tiếp đến lựa chọn nhân sự cho Đại hội 10 và về sau nữa ».

Tướng Khánh cực lực phản đối việc quy trách nhiệm lên đầu 4 người cấp dưới : « những đề nghị lập chuyên án người này, người kia là CIA đầu phải do Cháp, Nguyễn, Vinh, Diệu Hà đưa ra mà do lãnh đạo, chỉ huy Tổng cục II hiện nay (Vũ Chính, Nguyễn Chí Vịnh), 255 bản tin dù có ký hay không đều do chỉ huy Tổng cục II gửi lên lãnh đạo cấp cao. Không phải do Cháp, Nguyễn, Vinh, Diệu Hà gửi. Cho nên không chỉ đưa ra 4 người : Cháp, Nguyễn, Vinh, Diệu Hà xử trước pháp luật, còn số chỉ huy, lãnh đạo Tổng cục II hiện nay (Vũ Chính, Nguyễn Chí Vịnh) xử lý nội bộ là không đúng ».

Cuối cùng, ông cảnh báo Bộ chính trị : « Nếu các đồng chí không gửi tài liệu của tôi đến Ban Chấp hành Trung ương khóa 9 thì tôi có quyền và tôi có cách đến Hội nghị Trung ương lần 10/khoá 9 hoặc Hội nghị Trung ương sau đó để trao văn bản rồi ra về ».

Trong phần thứ nhì của lá thư, tướng Khánh trực tiếp nhắc lại các yêu cầu của mình và nhấn mạnh « Ban Chấp hành trung ương bầu ra Bộ Chính trị, Bộ Chính trị không được đặt mình cao hơn Trung ương » ; « giấu diếm, ngăn cản, không làm rõ sự thật của tội phạm là phạm pháp, vi phạm đường lối, bản chất, truyền thống, và Điều lệ Đảng » ; « Ủy ban Kiểm tra Trung ương là do Trung ương bầu ra, Ủy ban kiểm tra Trung ương có trách nhiệm độc lập của mình, phải kiên quyết, trung thực, dũng cảm vạch ra sự thật, vạch ra tội phạm. Nếu có điều gì Ủy ban Kiểm tra không thống nhất với Bộ Chính trị thì có quyền báo cáo với Ban Chấp hành Trung ương. »

Trở lại những phần tử chủ mưu mà ông đòi hỏi « phải đưa ra trước pháp luật » chứ không « xử lí nội bộ », tướng Khánh viết : « Vũ Chính và Nguyễn Chí Vịnh là những kẻ đồng chủ mưu các vụ vu khống của lãnh đạo hiện nay của Tổng cục II » ; « Trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, dưới sự chỉ đạo của các đồng chí thế hệ trước, Cục II đã có một đóng góp. Nhưng từ ngày Tư Văn, Vũ Chính nắm Cục 12 và Tổng cục II thì một bộ phận quan trọng Tổng cục II đã trở thành một công cụ vu khống chính trị. ».

Không nêu đích danh tướng Lê Đức Anh là người đã « nâng cấp » cục quân báo thành Tổng cục 2 với nhiệm vụ chủ yếu là theo dõi nội bộ, vu khống và trấn áp cán bộ các cấp, tướng Nam Khánh nhấn mạnh : « Trung thực mà nói, ngay trong số đồng chí nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Ủy viên Ban Bí thư, cũng có người, cá biệt dính líu đến các vụ của lãnh đạo Tổng cục II hiện nay ». □

(1) « T4 » là mật danh của một điệp viên kiểu James Bond mà Tổng cục 2 đã phịa ra là đã « gài » vào cơ quan tình báo Mi CIA. Từ trong lòng « địch », T4 đưa tin CIA đã tiếp cận, chỉ đạo nhiều lãnh đạo. Điều khó tưởng tượng là trong hơn 10 năm qua, giới lãnh đạo đã tin vào những bản báo cáo ngây ngô đến như vậy. Đó quả thật là một bí mật để lộ ra thì khác nào « Nhà vua cởi truồng ! ». Xem ĐĐ số 143, và toàn văn các bức thư trên mạng www.diendan.org

Tin Tức - Tin Tức Tin Tức - Tin Tức Tin Tức - Tin Tức

ASEM 5 và những gặp gỡ bên lề

Sau một ngày rưỡi thảo luận, hội nghị thượng đỉnh ASEM 5 đã khép lại trưa ngày 9.10.2004, với 3 bản tuyên bố về chính trị, hợp tác kinh tế và văn hóa Á-Âu. Bản tuyên bố chính trị khẳng định «ASEM cần trở thành nền tảng và khuôn khổ để thúc đẩy quan hệ đối tác toàn diện giữa Châu Á và Châu Âu trong thế kỷ 21», và để đạt được mục đích đó, cần «làm cho Diễn đàn hợp tác ASEM sống động hơn và thực chất hơn, chuyển sang tăng cường hợp tác với những mục tiêu và chương trình/dự án cụ thể». Bản tuyên bố cũng khẳng định các thành viên của ASEM đều ủng hộ Việt Nam và Lào gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới.

Đối với nước chủ nhà, kết quả trước hết là một thành công chính trị với việc chứng minh khả năng tổ chức suôn sẻ một hội nghị quốc tế có tầm vóc lớn như vậy, trước mắt những đại diện cấp cao của nhiều cường quốc trên thế giới : Trung Quốc, Nhật, Hàn, Pháp, Đức, Anh, Ý, Ủy ban châu Âu (EC) v.v. Thực ra, đây là lần thứ hai Việt Nam tổ chức một hội nghị thượng đỉnh quốc tế. Lần trước, năm 1997, là hội nghị các nước trong cộng đồng Pháp ngữ, còn nhiều thành viên hơn ASEM. Tuy nhiên, sức nặng trên chính trường quốc tế của 38 nước ASEM, với 2,3 tỷ người (40 % dân số thế giới), 50 % sản lượng toàn cầu..., dĩ nhiên ở cấp cao hơn so với cộng đồng Pháp ngữ. Việt Nam cũng đạt được thành quả ngoại giao quan trọng trong cuộc thương thảo mở rộng ASEM, với giải pháp «trộn gói» 10 nước thành viên mới của Liên hiệp châu Âu đối với 3 thành viên còn lại của ASEAN (Lào, Cam-Bốt, Myanmar), mặc dù nhiều cường quốc châu Âu rất không mặn mà với Myanmar, vì tình hình vi phạm nhân quyền ở nước này. Ngược lại, nước chủ nhà cũng phải nhượng bộ, chỉ mời đại diện Myanmar ở cấp bộ trưởng thay vì thủ tướng chính phủ...

Trước và sau hội nghị, Hà Nội cũng đã có dịp tiếp đón một số nguyên thủ các nước đối tác, kết hợp việc tham dự hội nghị với thăm hữu nghị chính thức Việt Nam : tổng thống Pháp Jacques Chirac trong hai ngày 6-7.10, thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo ngày 7.10, thủ tướng Đức Gerhard Schroeder chiều ngày cuối hội nghị (9.10) và tổng thống Hàn Quốc Roh Moo-Hyun hai ngày 10-11.10...

Tổng thống Chirac đã có cuộc gặp gỡ trao đổi với một số học sinh, sinh viên VN về hai chủ đề đa dạng văn hoá và cơ hội học tập tại Pháp. Cùng đi với ông trong chuyến thăm này, có bộ trưởng đặc trách ngoại thương François Loos và một đoàn doanh nhân khoảng 30 người. Trong ngày 6.10, hai nước đã ký kết một số văn kiện hợp tác như thỏa thuận về

việc thành lập hai Trung tâm đại học Pháp, một tại Hà Nội và một tại TP HCM ; thỏa thuận hành chính về việc công nhận quá trình đào tạo và văn bằng ; hiệp định tài trợ xây dựng tuyến xe điện tại Hà Nội (trị giá khoảng 165 triệu euro) ; thỏa thuận về việc VN cho Pháp mượn các cổ vật để triển lãm tại Paris về văn hóa Champa ; và một bản ghi nhớ về việc Hàng không VN mua 10 máy bay Airbus A-321 v.v.

Về phía Đức, chuyến thăm chính thức VN của thủ tướng Gerhard Schroeder (lần thứ hai trong hai năm) cũng là dịp ký kết 5 văn bản hợp tác giữa hai nước, trong đó có các hiệp định hợp tác tài chính năm 2003 và 2004, hợp đồng giữa tổng công ty Đường sắt Việt Nam và Siemens & Vossloh về việc mua 16 đầu máy xe lửa (trị giá 46 triệu euro)... Chiếm tỷ phần 28 % trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa EU và VN, Đức là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam trong EU. (tin báo chí VN và các hãng thông tấn, ĐĐT tổng hợp)

Việt Nam – Châu Âu kết thúc đàm phán về WTO

14g chiều ngày 9.10, bộ trưởng Thương mại VN Trương Đình Tuyển và cao uỷ Thương mại Ủy ban châu Âu (EU) Pascal Lamy đã họp báo thông báo hai bên vừa kết thúc phiên đàm phán cuối cùng về việc VN gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Hai đoàn đàm phán đã làm việc liên tục từ sáng ngày 5.10 đến gần 13g ngày 9.10.

Theo bộ trưởng Trương Đình Tuyển, “EU là một trong những đối tác thương mại hàng đầu của VN, là một đối tác chiến lược của VN nên kết thúc đàm phán với EU là tiền đề quan trọng để kết thúc đàm phán với các đối tác khác”.

Ông P. Lamy cho biết rõ hơn về những vấn đề gây tranh cãi nhất trên bàn đàm phán giữa EU và VN cho đến tận giờ phút cuối cùng. “Lĩnh vực dịch vụ thực sự là một lĩnh vực khó khăn. VN đã đồng ý cho EU tiếp cận thị trường trong các lĩnh vực: dịch vụ tài chính, bưu chính, các dịch vụ kinh doanh, viễn thông, vận tải, chuyển phát nhanh, phân phối, môi trường, du lịch, xây dựng.” Riêng đối với viễn thông, lĩnh vực được coi là nan giải nhất trên bàn đàm phán, ông Lamy cho biết, “VN cho phép EU có thể đầu tư 30% vào các công ty của VN trong lĩnh vực này”.

Riêng về lĩnh vực hàng hoá, mức thuế nhập khẩu trung bình mà VN đồng ý áp dụng với hàng hoá của EU là vào khoảng 16 % đối với hàng hóa công nghiệp, 22 % đối với hàng thủy sản và 24 % đối với sản phẩm nông nghiệp. Theo ông Hoàng Phước Hiệp - vụ trưởng vụ Pháp luật quốc tế, bộ Thương Mại, thành viên đoàn đàm phán, thuế suất bình quân 16 % đó chắc chắn là sẽ có tác động đến hàng hoá trong nước : “Minh chứng lớn nhất là lộ trình AFTA hiện nay đang thực hiện, theo đó 2006 sẽ có khoảng 80 % các dòng thuế mà VN cam kết giảm xuống từ 5-0 %. Cho đến nay quá trình thực hiện trên cơ bản là tốt, song vẫn có 19 mặt hàng của ta không chịu nổi, cuối cùng đã phải xin lui lại lộ trình cắt giảm”. Về những mặt hàng sẽ chịu ảnh hưởng nhiều nhất, theo ông Hiệp, sẽ là nhóm ngành công nghiệp ô tô, xe máy bởi đây là những mặt hàng hiện nay đang có mức thuế suất nhập khẩu rất cao.

Theo ông Lamy “ *Thời gian quá độ (mà EU dành cho VN để thực hiện các cam kết gia nhập WTO) sẽ tùy theo lĩnh vực, nhưng không lâu hơn 7 năm kể từ khi VN chính thức gia nhập WTO* ”.

Trả lời câu hỏi về những đàm phán tiếp theo, ông Trương Đình Tuyển cho biết ông và bộ trưởng Thương mại Trung Quốc Bạc Hy Lai vừa thỏa thuận sẽ nỗ lực kết thúc đàm phán giữa VN và Trung Quốc càng sớm càng tốt và VN cũng sẽ có vòng đàm phán tiếp theo với Mỹ trong tháng 10 (tin giờ chốt : từ 25 đến 28.10 tại Washington). Việt Nam và Mỹ đã có hiệp ước thương mại song phương nên đây sẽ chỉ là một cuộc đàm phán bổ sung về những vấn đề hai bên chưa thỏa thuận nhưng nằm trong quá trình gia nhập WTO của VN.

Một đối tác lớn khác có thể đặt ra nhiều khó khăn cho VN là Nhật. Trong bài trả lời phỏng vấn của báo mạng VietNamNet ngày 9.10, ông Chiba Akira, Trợ lý báo chí của thủ tướng Nhật Bản Koizumi cho rằng thật khó có thể nói trước về thời hạn có thể kết thúc phiên đàm phán song phương này. Theo ông, “ *hai bên vẫn chưa bước vào đàm phán thực chất* ”. Ông Akira nhấn mạnh rằng, “ *Tổ chức Thương mại thế giới là cuộc chơi của những quy tắc và điều luật chặt chẽ, chứ không phải là nơi để chấp nhận nhau. Nhật Bản luôn ủng hộ Việt Nam gia nhập WTO, nhưng không thể vì thế mà dễ dãi với chính mình. Việt Nam cần cố gắng hơn nữa trong quá trình gia nhập WTO...*”

Nếu không kịp gia nhập WTO vào đầu năm tới, các doanh nghiệp dệt may của VN sẽ phải chịu một sự cạnh tranh rất lớn từ Trung Quốc và Ấn Độ, do việc WTO sẽ chấm dứt chế độ buôn bán theo hạn ngạch có hiệu lực suốt 40 năm qua đối với hàng dệt may trên toàn cầu vào đầu năm tới.

Nhóm 7 nước đang phát triển phụ thuộc vào hàng dệt may xuất khẩu đã kiến nghị WTO kéo dài chế độ hạn ngạch này thêm 2-3 năm nữa để tìm các biện pháp khắc phục hậu quả của việc hủy bỏ chế độ trên. Tuy nhiên, Mỹ và Liên minh châu Âu đã bác bỏ kiến nghị này. (tin tổng hợp báo trong nước và các hãng thông tấn).

Ấn Độ sẵn sàng giúp VN xây dựng một Bangalore về CNTT

Theo VietNamNet 18.10, với hai dự án đang triển khai tại Hà Nội, Ấn Độ hy vọng sẽ giúp VN phát triển hơn nữa về CNTT, không loại trừ một Bangalore VN (Bangalore được coi như là *thung lũng Silicon* của Ấn Độ). Ngoại trưởng Ấn Độ Natwar Singh khẳng định như vậy với nhà báo trước giờ ra sân bay, kết thúc chuyến thăm và làm việc 4 ngày tại VN (15-18.10.2004). Hai dự án đó là *Trung tâm Nguồn lực cao Việt Nam - Ấn Độ* với sự giúp đỡ của UBND TP Hà Nội. Và dự án thứ hai, cũng là dự án lớn nhất : *Trung tâm Phát triển nguồn lực con người Việt - Ấn về lĩnh vực CNTT* với sự tham gia của 6 trường đại học trên khắp Việt Nam. Trong dự án này, các giảng viên VN sẽ được mời sang Ấn Độ để tham gia các khóa đào tạo về CNTT.

Theo ông Singh, « *khoa học công nghệ là lĩnh vực hợp tác lâu đời nhất giữa Việt Nam và Ấn Độ. Hai nước đã có*

những hiệp định cấp chính phủ về hợp tác trong lĩnh vực này. Ngoài việc cấp học bổng cho sinh viên VN sang Ấn Độ, chúng tôi sẵn sàng hợp tác với VN thành lập một chuỗi các phòng thí nghiệm nghiên cứu khoa học trong rất nhiều lĩnh vực. Chẳng hạn như Công nghệ Thông tin, hiện có 35 cơ sở đào tạo công nghệ thông tin do các doanh nghiệp Ấn Độ và Việt Nam lập ra ». (Diễn hình là trung tâm FPT APTECH liên doanh giữa FPT của VN và APTECH của Ấn Độ nhằm đào tạo các chuyên gia CNTT cho VN tại Ấn Độ). Ông Singh cũng cho rằng hai nước phải có tham vọng đưa kim ngạch thương mại lên từ 500 triệu USD hiện nay lên 5 tỉ USD trong vài năm tới, tương đương với trao đổi thương mại giữa TQ và VN hiện nay.

Một sinh viên VN bị bọn đầu trọc sát hại tại Nga

Đêm 13/10, Vũ Anh Tuấn, 20 tuổi, sinh viên Việt Nam học tại thành phố St Peterburg, Nga đã bị một nhóm thanh niên đầu trọc giết hại một cách dã man. Theo cảnh sát St Peterburg, khoảng 22h, Tuấn, khi trên đường về nhà sau một bữa tiệc sinh nhật, bị một nhóm người từ 15 đến 20 tên đuổi đánh và dùng dao đâm nhiều nhát làm Tuấn chết tại chỗ. Theo lời kể của nhân chứng, những kẻ tấn công Tuấn cạo đầu trọc, mặc đồng phục kiểu quân đội, áo khoác và giày da. Đây là kiểu ăn mặc thường thấy của các nhóm phân biệt chủng tộc cực đoan. Theo Reuters, giới chức Nga cho biết Vũ Anh Tuấn tử vong do bị ít nhất 5 vết đâm. Nguồn tin từ cảnh sát Nga cho biết 15 kẻ tình nghi tham gia vụ giết người đã bị bắt giữ.

Đêm 15.10, hơn 100 sinh viên học cùng trường nạn nhân, chủ yếu là SV Á-Phi, đã tập chung tại hiện trường tổ chức biểu tình phản đối hành động dã man trên, và yêu cầu cảnh sát tăng cường các biện pháp bảo vệ sinh viên Việt Nam trước những cuộc tấn công mang tính chất phân biệt chủng tộc. Cảnh sát St Peterburg cũng đã thừa nhận rằng họ đang gặp nhiều khó khăn trong việc đối phó với bọn tội phạm mang màu sắc phân biệt chủng tộc.

Tháng 2 vừa qua, một bé gái 9 tuổi người Tajikistan bị đâm chết cũng tại St Peterburg. Trước đó, một sinh viên người Guinea-Bissau và một nhà buôn Afghanistan bị sát hại ở hai thành phố khác. Đêm 17/10, một nhóm thanh niên Nga đã vây đánh một sinh viên Congo thuộc ĐH Bách khoa St.Petersburg khi anh này đang đi trên phố cùng một phụ nữ. Những kẻ tấn công đã chạy thoát. Hậu quả là sinh viên Congo phải nhập viện với nhiều vết thương trên đầu. Vụ việc trên là diễn biến mới nhất trong hàng loạt vụ bạo lực nhằm vào người nước ngoài ở Nga, diễn ra chỉ vài giờ sau lễ tưởng niệm sinh viên Việt Nam Vũ Anh Tuấn bị gần 20 thanh niên đâm đến chết trên đường phố St.Petersburg hôm thứ tư tuần trước.

Đường dây « chạy » quota : bộ thương mại không minh bạch

« Một phi vụ quota = 100 000 USD » ! Đó là món tiền hối lộ mà một cán bộ của bộ thương mại đã vùi vĩnh một doanh nghiệp dệt may để « chạy » giấy phép xuất 100 000 tá (1 tá : 12 chiếc) sản phẩm sang Mỹ. Đầu tháng 10 vừa qua, chuyên viên vụ xuất nhập khẩu Mai Văn Hải đã bị bắt giữ sau khi

công ty Qualitex tố giác ông, bởi vì doanh nghiệp chỉ nhận được từ bộ hạn ngạch cho 28 000 tá sản phẩm dệt may. Làm việc dưới quyền trực tiếp của vụ phó Lê Văn Thắng - nhân vật đầu mối của đường dây bán buôn hạn ngạch đã bị công an bắt giam từ tháng 9 (xem *Diễn Đàn* số 144) -, ông Hải còn là con trai của thứ trưởng thương mại Mai Văn Dâu, cấp trên trực tiếp của ông Thắng và là người chính thức ký các giấy cấp hạn ngạch...

Cho đến nay, đã có đến 12 cán bộ và « cò » quota bị khởi tố trong vụ án tham nhũng lớn của bộ thương mại. Tuy vậy, giới doanh nghiệp không mấy vội mừng, bởi vì điều chính yếu đối với họ không chỉ là phát hiện tham nhũng, và kinh nghiệm đã dạy cho họ là : « *Cán bộ này bị phát hiện, kỷ luật, cách chức, sa thải hay truy tố thì cán bộ khác thay thế, ít lâu sau cũng theo vết xe đổ* ». Cho đến khi nào bộ thương mại chưa hoạt động « *minh bạch* », chưa thông tin công khai và đầy đủ qui trình phân bổ hạn ngạch thì các cán bộ quản lý quota sẽ còn có điều kiện sách nhiễu doanh nghiệp để ăn hối lộ, đường dây bán buôn hạn ngạch bị phá vỡ ngày hôm nay sẽ hình thành lại trong tương lai. Các doanh nhân đã cụ thể hoá yêu sách minh bạch ở các khâu của qui trình phân bổ quota.

- *Khâu nộp hồ sơ* : Cho đến nay, khi nộp hồ sơ ở bộ thương mại, các doanh nghiệp không được cấp giấy biên nhận dù có yêu cầu. Do vậy, họ luôn lo lắng vì hồ sơ có thể bị « thất lạc » mà không ai chịu trách nhiệm...

- *Khâu xét hồ sơ* : Cho đến nay, sau khi nộp hồ sơ, các doanh nghiệp đều phải tìm cách liên hệ và hỏi dò các chuyên viên của bộ để biết tình trạng xét hồ sơ của mình, đề phòng một « sai sót » chi tiết nào đó dẫn đến chỗ cả hồ sơ bị loại ra. Minh bạch ở đây có nghĩa là bộ thương mại phải qui định một thời hạn cụ thể buộc các chuyên viên *thông báo bằng văn bản và đưa ngay lên mạng* tình trạng của mỗi hồ sơ để doanh nghiệp có thể theo dõi

- *Khâu cấp hạn ngạch* : Đây là điểm thiếu minh bạch nhất (xem *Diễn Đàn* số 144), và các doanh nhân ngành dệt may đều kiến nghị bộ *công khai hoá* các thông tin trên báo và trên mạng để cộng đồng doanh nghiệp và xã hội có thể kiểm tra tính chính xác : đó là cơ chế kiểm soát hiệu quả nhất - chứ không phải các hội đồng liên ngành hay các ban thanh tra hiện nay của bộ.

Công khai thông tin chưa hẳn đã ngăn hết tiêu cực, nhưng chắc chắn nó là một công cụ giám sát hữu hiệu - vì dân chủ - hoạt động của cán bộ nhà nước. Phải chăng vì thế mà, cho đến nay, bộ thương mại luôn thoái thác ? Mới vừa được bổ nhiệm vụ phó xuất nhập khẩu thay ông Lê Văn Thắng, ông Nguyễn Đức Thanh tuyên bố rằng cơ chế phân bổ hạn ngạch hiện tại « *tương đối minh bạch* » và nguyên nhân chính gây tham nhũng là « *tính phức tạp của cơ chế* ». Còn về đề xuất công khai hoá thông tin, ông Thanh cho rằng « *cần phải được bộ làm việc lại với bộ phận công nghệ thông tin* ». Chẳng phải đến cuộc họp này các doanh nghiệp mới ngán ngẩm mà, từ lâu, họ đã quá nản trước cách trả lời : « *Bộ lắng nghe, ghi nhận và sẽ tìm cách giải quyết* » - nhưng có giải quyết hay

không và bao giờ giải quyết thì chỉ là câu hỏi mãi không có lời giải. [*Tuổi Trẻ* 26 và 30.9 ; 1 và 3.10 - *Thời báo Kinh tế Sài Gòn* 7.10.04]

Phát hiện dầu khí ngoài khơi biển Hải Phòng

Sáng ngày 20.10 tại Hà Nội, công ty ATI Petroleum, thuộc tập đoàn công nghệ Mỹ ATI ra tuyên bố, ngày 17.9 vừa qua, khi khoan thăm dò tại giếng Yên Tử -1X thuộc lô 106 thềm lục địa Việt Nam, cách Hải Phòng 70km về phía đông, đã phát hiện được dầu và khí.

Giếng khoan Yên Tử thuộc lô 104-106 có trữ lượng ước tính 541 triệu thùng dầu. Theo báo cáo kỹ thuật, dầu đã được tìm thấy ở độ sâu 1.300m, là loại dầu nhẹ và ngọt. Theo tính toán địa chất học, một số giếng khác thuộc lô 104-106 cũng có trữ lượng dầu rất khả quan như giếng Chí Linh: 134 triệu thùng, giếng Đồ Sơn: 47 triệu thùng... Toàn bộ diện tích lô 104-106 là 14 nghìn km², có trữ lượng vào khoảng 722 triệu thùng dầu và 40 tỷ m³ khí.

“ *Đây là một phát hiện quan trọng vì dầu của Việt Nam từ trước đến nay chủ yếu được khai thác tại phía Nam. Khu vực Hà Nội và các tỉnh phụ cận có mật độ dân cư dày đặc, khả năng phát triển công nghiệp lớn nhưng lại thiếu nguồn năng lượng* ”, ông Đinh Đức Hữu, tổng giám đốc ATI Petroleum, nói.

“ *Thông thường các mỏ có trữ lượng từ 20 triệu thùng trở lên đều có khả năng thương mại. Một lợi thế rất lớn là lô dầu khí này chỉ cách cảng Hải Phòng khoảng 70km, mực nước chỉ khoảng 28m, mũi khoan nông sẽ giảm chi phí* ”, ông Hữu cho biết.

Tham gia vào chương trình khoan thăm dò này có các nhà thầu dầu khí Petronas Carigali Overseas (Malaysia), là nhà điều hành, ATI Petroleum (Mỹ) – chủ đầu tư, công ty Đầu tư và phát triển dầu khí (Việt Nam) và Singapore Petroleum Company (Singapore).

Trước đó, một số tập đoàn dầu khí như Total, Petro Vietnam cũng đã khoan thăm dò tại khu vực này nhưng các giếng chỉ tìm thấy khí mà không thấy dầu. Ông Hữu cho biết chi phí đã bỏ ra để thực hiện việc khoan thăm dò vào khoảng 20 triệu USD, nhưng “ *sẽ cần khoảng 50 triệu USD để khoan tiếp và khoản hơn 50 triệu USD nữa để phát triển mỏ. Điều này còn phụ thuộc vào yêu cầu và quy mô phát triển mỏ trong tương lai* ”.

Thông thường, sau 24 đến 36 tháng, các nhà thầu sẽ quyết định vị trí các mũi khoan tiếp theo.

“ *Đón đầu dòng dầu Yên Tử, tháng 8.2002 chính phủ đã phê duyệt tiền khả thi dự án nhà máy lọc dầu số 2, đặt tại Nghi Sơn (Thanh Hoá). Tổng mức đầu tư khoảng 2,488 tỉ USD* ”. Nếu tin này quả thực chính xác, người ta chỉ có thể mong rằng chính phủ Việt Nam biết rút kinh nghiệm của « nhà máy lọc dầu số 1 » (Dung Quất) mà cho nghiên cứu kỹ lưỡng hơn kế hoạch này trước khi quyết định đầu tư thực sự.

Báo Lao Động ngày 15.9 nhắc lại, dự án NMLD Dung Quất được phê duyệt ngày 10.7.1997, theo hình thức Việt

Nam tự đầu tư với công suất thiết kế 6,5 triệu tấn dầu thô/năm, tổng mức đầu tư là 1,5 tỉ USD. Kế hoạch đến năm 2001 là hoàn thành. Chưa đầy một năm sau, kế hoạch lại thay đổi: Liên doanh với Nga, vốn tự xuống còn 1,3 tỉ USD theo hình thức 50/50. Hơn 4 năm sau, 25.12.2002, dầu không thấy, chỉ thấy phía Nga rút, Việt Nam quay lại tự đầu tư.

Oái oăm là, khi "tự đầu tư" thì thiết kế của một số gói thầu của nhà máy này không còn phù hợp nữa. Ví như phân xưởng sản xuất xăng A83, dầu diesel đã lạc hậu... Một lần nữa, Ban Quản lý dự án NMLD lại phải làm việc với nhà thầu Technip để họ thiết kế lại gói thầu số 1. Ngay cả gói thầu số 5 - đề chắn sóng - cũng chấp chừa, dù rằng nó chẳng liên quan gì đến thiết kế của gói số 1. Làm được vài trăm mét "lấn biển", bỗng nhà thầu "phát hiện túi bùn" ! Giờ lại phải thêm 10 triệu USD nữa, con đề kia mới có thể vươn đến nơi cần đến. Bến cảng số 1 - dùng để tập kết vật liệu xây dựng nhà máy, mấy năm qua không thấy động tĩnh gì nên chuyển sang "tập kết" gỗ dăm và bột sản !

Và, theo tờ báo, mới đây bộ Chính trị đã có kết luận về việc chuyển đổi Khu công nghiệp Dung Quất thành Khu kinh tế Dung Quất... (theo Lao Động 15.9, 20 và 23.10.2004)

Vĩnh biệt giáo sư, bác sĩ Ngô Gia Hy

Sau thời gian trọng bệnh, Giáo sư (GS), bác sĩ Ngô Gia Hy - người vừa được Bộ Y tế trao giải thưởng khoa học Tôn Thất Tùng (ngày 22/9) đã từ trần tại Bệnh viện FV chiều ngày 6.10.2004, thọ 90 tuổi.

GS Ngô Gia Hy tốt nghiệp bác sĩ tại Trường Đại học Y Hà Nội năm 1948, đã có nhiều năm làm việc với GS Tôn Thất Tùng. Ông là người đã có công xây dựng ngành niệu khoa trong nước và là một trong hai thành viên chủ chốt tạo lập nên Bệnh viện Bình Dân (TP Hồ Chí Minh). Từng là chủ nhiệm bộ môn Niệu cho cả hai trường (Đại học Y-Dược và Trung tâm Đào tạo - bồi dưỡng cán bộ y tế TP Hồ Chí Minh), tham gia nhiều Hiệp hội Niệu khoa của nhiều nước trên thế giới và là sáng lập viên Hội Niệu học Đông Nam Á... GS Ngô Gia Hy đã có 160 công trình khoa học, viết nhiều sách về niệu khoa và đã được trao tặng Huân chương Lao động hạng ba, danh hiệu Nhà giáo ưu tú, Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục, Huy chương Vì thế hệ trẻ... Rất nhiều GS, bác sĩ hiện đang công tác tại các trường đại học và các bệnh viện trên cả nước từng là học trò của GS Ngô Gia Hy.

Cúm gia cầm đe dọa bùng phát ở các tỉnh phía Nam

Chiều 20/10, tại Long An, quyền bộ trưởng NN&PTNT Cao Đức Phát đã họp với các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long để bàn biện pháp ngăn chặn dịch cúm gia cầm tái phát. Nửa tháng qua, dịch bệnh đã tái xuất ở 4 tỉnh với gần 6.000 gà, vịt, chim cút bị tiêu hủy. 4 tỉnh đó là Long An, Tiền Giang, Bến Tre và Sóc Trăng, trong đó đặc biệt nghiêm trọng là 2 tỉnh Long An và Tiền Giang.

Trao đổi với báo giới chiều 18.10, cục trưởng cục Thú y Bùi Quang Anh thừa nhận, đồng bằng sông Cửu Long là một trong những điểm nóng về nguy cơ tái dịch. Nguyên nhân là

mầm bệnh còn tiềm ẩn, trong khi công tác khử trùng chuồng trại, khu vực chăn nuôi chưa tốt trước khi chăn nuôi trở lại. Công tác kiểm soát, vận chuyển gia cầm, sản phẩm gia cầm, con giống qua biên giới cũng như giữa các địa phương trong nước chưa chặt chẽ.

Theo ông Quang Anh, tình hình dịch bệnh tại Việt Nam được báo cáo hàng tuần với tổ chức y tế thế giới. Do vậy, không có chuyện bộ Nông nghiệp che giấu hoặc chậm công bố tình hình dịch bệnh. Đầu tháng 10, Cục Thú y đã đến Hong Kong trao đổi, học tập kinh nghiệm phòng, chống bệnh cúm gia cầm, đặc biệt là kinh nghiệm sử dụng vacxin. Tuy nhiên, theo ông Quang Anh giữa Việt Nam và Hong Kong có sự khác biệt về môi trường, điều kiện, phương thức chăn nuôi. Trong đó, điểm khác biệt lớn nhất là Hong Kong chủ yếu chăn nuôi chuồng trại với quy mô lớn, việc tiêm phòng dịch tại chỗ, quản lý được thực hiện dễ dàng. Trong khi, gia cầm ở Việt Nam lại được thả thả tự do, rất khó kiểm soát. (theo VnExpress 19.10.2004)

Vụ Phú Mỹ Hưng đổ bể, làm lung lay chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh

Đêm ngày 23 tháng 9 vừa qua, Thành phố Hồ Chí Minh được tin chủ tịch hội đồng quản trị công ty liên doanh Phú Mỹ Hưng, ông Lawrence Ting, đã tự tử chết ở Đài Loan bằng cách nhảy lầu từ tầng 15 của một văn phòng luật sư tại Đài Bắc. Ông Ting còn là chủ tịch hội đồng quản trị của tập đoàn Đài Loan CTD hiện nắm 70% cổ phần của Phú Mỹ Hưng. Thành lập với vốn của Quốc dân đảng Trung Hoa, CTD là một nhà đầu tư có mặt tại Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM) từ đầu những năm 90 với nhiều đề án xây dựng và kinh doanh lớn : xa lộ Bắc Nhà Bè - Nam Bình Chánh và khu đô thị mới Nam Sài Gòn (Phú Mỹ Hưng), khu chế xuất (Tân Thuận), nhà máy điện (Hiệp Ước). Năm 1997, ông Ting đã được tặng bằng khen của chính phủ Việt Nam vì thành tích phát triển kinh tế của TPHCM. Về nguyên nhân dẫn đến cái chết của ông Ting, báo chí Đài Bắc nói đến mâu thuẫn của ông với cổ đông chính trong công ty CTD đã kiện ông ra toà vì biến thủ hàng triệu USD, và áp lực của nợ ngân hàng - 190 triệu USD - đã đến lúc đáo hạn. Thực trạng này không phải không có liên quan với các vấn đề mà liên doanh Phú Mỹ Hưng cùng lúc gặp phải ở Việt Nam : không những không chuyển được 20 triệu USD lợi nhuận về Đài Loan do thiếu nợ thuế, mà còn bị điều tra về hàng loạt vi phạm trong hoạt động kinh doanh cơ sở hạ tầng và đô thị mới .

Từ cuối năm 2003, cục thuế TPHCM đã tiến hành biện pháp chế tài đối với Phú Mỹ Hưng vì công ty đã không trả thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế trên lợi nhuận) từ năm 2000 là năm công ty khai có lãi, tổng cộng thuế lên đến 457 tỷ đồng (ngót 30 triệu đô la Mỹ). Con số này được cơ quan thuế tính trên cơ sở phân biệt hai mức thuế suất : thuế suất bằng 10 % lợi nhuận, được miễn bốn năm đầu và giảm 50 % bốn năm tiếp theo, áp dụng cho các hoạt động kinh doanh cơ sở hạ tầng, như đã ghi trên giấy phép đầu tư do bộ kế hoạch và đầu tư cấp cho Phú Mỹ Hưng năm 1993 ; và thuế suất bằng 25 % lợi nhuận, không có miễn giảm, áp dụng cho các hoạt

động kinh doanh đô thị mới, như ghi trên các giấy phép đầu tư do ủy ban nhân dân TPHCM cấp cho công ty trong các năm 1998 đến 2000. Tháng 6 năm 2003, các giấy phép đầu tư kinh doanh đô thị mới bị thu hồi vì ủy ban nhân dân thành phố đã cấp sai thẩm quyền. Từ đó, viện lẽ các giấy phép nói trên không còn hiệu lực, Phú Mỹ Hưng đã đòi áp dụng thuế suất 10 % của giấy phép đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng năm 1993 cho cả hoạt động kinh doanh địa ốc : điều này đồng nghĩa với việc công ty không phải đóng thuế vì còn được miễn thuế bốn năm kể từ khi kinh doanh có lãi ! Điều đáng nói là chính chủ tịch ủy ban nhân dân TPHCM Lê Thanh Hải lại đứng ra bên vực cho đòi hỏi vô lý đó, và có đến 5 bộ và cơ quan ngang bộ - tài chính, xây dựng, thương mại, tư pháp, tổng cục thuế - tích cực kiến nghị với chính phủ cho Phú Mỹ Hưng hưởng thế suất 10 %, trong khi mọi công ty kinh doanh địa ốc đều phải chịu thuế suất 25 %. Duy chỉ có bộ kế hoạch và đầu tư với một số tờ báo như *Tuổi Trẻ*, *Doanh Nhân Sài Gòn* hay *Đại Đoàn Kết* bảo vệ lập trường của cục thuế TPHCM. Ủng hộ yêu sách của Phú Mỹ Hưng, báo *Thanh Niên* (25.6.04) thẳng thừng viết : « Một người đề nghị có thể phải xem xét lại về sự chuẩn xác của nội dung đề nghị, một bộ đề nghị cũng có thể vì lý do nào đó bị sai lệch, nhưng 5 bộ và ủy ban nhân dân TPHCM đề nghị thì không thể coi là một việc làm tùy tiện được. Nếu chừng ấy cơ quan mà cùng trình lên với chính phủ một đề nghị tùy tiện đối với một việc rất cụ thể thì còn gì là bộ máy nhà nước nữa ! ».

Trước sự phân hoá nội bộ, thủ tướng Phan Văn Khải đã cho thành lập một tổ công tác liên ngành của chính phủ để xác định nghĩa vụ thuế và hoạt động kinh doanh của Phú Mỹ Hưng, do ông Nguyễn Thiện Nhân, phó chủ tịch thường trực của ủy ban nhân dân TPHCM, chủ trì. Tuy không thống nhất được các ý kiến, ông Nhân mạnh dạn bảo vệ một quan điểm cá nhân ngược lại với lập trường chính thức của ủy ban nhân dân TPHCM, dựa trên tư liệu của Phú Mỹ Hưng tự đề xuất thuế suất 25 % khi xin các giấy phép đầu tư kinh doanh địa ốc. Vào trung tuần tháng 8, thủ tướng Phan Văn Khải cho công bố kết luận của chính phủ theo đó công ty Phú Mỹ Hưng phải chấp hành mức thuế doanh thu doanh nghiệp 25 % trong các hoạt động kinh doanh nhà đất như mọi doanh nghiệp khác trong lĩnh vực này. Kết luận của chính phủ còn yêu cầu lãnh đạo ủy ban nhân dân TPHCM tiến hành « kiểm điểm và rút kinh nghiệm » vì đã cấp giấy phép đầu tư không đúng thẩm quyền và đã không thanh lý nghĩa vụ thuế của Phú Mỹ Hưng khi chấm dứt hiệu lực của các giấy phép đó, « tạo lỗ hổng về mặt pháp lý ». Chính phủ cũng chỉ thị cho cục cảnh sát kinh tế điều tra các vi phạm trong qui hoạch, xây dựng và sử dụng đất của công ty Phú Mỹ Hưng trong thời gian qua. Bởi vì, qua cuộc tranh chấp về thuế của Phú Mỹ Hưng, hàng loạt hành vi của công ty vi phạm pháp luật ở khu đô thị mới Nam Sài Gòn đã được phơi bày ra trước công luận.

Nào là : phân lô và bán 1900 nền nhà khi chưa được phép tiến hành hoạt động này (321 000 m² đất, giá trung bình 52 000 USD/nền) ; xây dựng không giấy phép 23 công trình nhà ở (260 000 m² đất, 500 000 m² sàn) ; xây dựng chung cư cao tầng Sky Garden tại bờ rạch Ông Kịch trên một khu đất chưa

qui hoạch chi tiết (101 000 m² đất, 377 000 m² sàn) ; lấn chiếm đất công và san lấp toàn bộ rạch Ông Kịch (3 km, 45 000 m²) ; xây cầu bắc qua rạch Cả Cầm không đúng qui định độ tĩnh không (1,5m thay vì 2,5m)... Thật ra, các vi phạm này đã từng được phát hiện khá sớm, nhưng đến nay chính quyền thành phố chưa làm gì để khắc phục. Nhắc đến một quyết định năm 2003 của ủy ban nhân dân TPHCM là cho đập bỏ 470 căn nhà ở Tân Bình và Gò Vấp vì đã vi phạm những qui định về qui hoạch và xây dựng, báo *Tuổi Trẻ* (4.9.04) đặt câu hỏi : « Cùng một sai phạm nhưng những nhà của người dân trong hai quận Tân Bình và Gò Vấp phải bị đập bỏ, còn đối với Phú Mỹ Hưng dù đã phát hiện những sai lầm rất sớm và rất lớn vẫn không có biện pháp xử lý nào, vì sao và do ai ? ». Phải chăng vì đô thị mới Nam Sài Gòn là vùng biệt thự, cao ốc của tầng lớp cán bộ cao cấp và giới thượng lưu (có cả khu dành cho người Việt Nam ở nước ngoài) của TPHCM ? Còn đối với người dân ở vùng này đã bị chính quyền buộc bán đất vào đầu những năm 90, với giá « đền bù » 17 000 đồng/m², để chuyển giao cho Phú Mỹ Hưng : họ nghĩ gì khi nhận thấy cũng đất đó được bán ra ngày hôm nay với mức giá 10 triệu đồng/m², tức gấp 600 lần ?

Vụ Phú Mỹ Hưng đổ bể, không thể không có hậu quả trên nhân sự lãnh đạo TPHCM. Các kết luận của chính phủ hầu như nhắm đích danh chủ tịch ủy ban nhân dân Lê Thanh Hải là người đã ký và cũng là người đã rút lại các giấy phép đầu tư kinh doanh đô thị mới mà không thanh lý nợ thuế của Phú Mỹ Hưng. Là chỗ dựa được tin tưởng của lãnh đạo Phú Mỹ Hưng từ những năm ở cương vị phó chủ tịch ủy ban nhân dân, ông Hải còn dự kiến trao huân chương lao động cho bà Dah Wen, tổng giám đốc công ty Phú Mỹ Hưng (kiêm chủ tịch hội đồng quản trị công ty sau khi ông Ting mất). Tin hành lang cho biết ông Lê Thanh Hải mất chức chủ tịch ủy ban nhân dân TPHCM là điều không thể tránh khỏi. Tuy chưa có thông báo, người ta được biết bộ chính trị Đảng cộng sản đã điều ông Lê Hoàng Quân, bí thư tỉnh ủy Đồng Nai đến TPHCM để làm phó bí thư Thành ủy và chuẩn bị thay ông Hải ở cương vị chủ tịch ủy ban nhân dân.

Bước vào giai đoạn tiền đại hội của đảng, khi cuộc đấu đá về nhân sự ngày càng trở nên gay gắt, vụ Phú Mỹ Hưng ắt sẽ ảnh hưởng đến địa vị và thế lực của nhiều ủy viên bộ chính trị. Trước tiên là thủ tướng Phan Văn Khải, người lâu nay bảo hộ ông Lê Thanh Hải ở TPHCM. Từ nhiều tháng nay, đã có tin ông Khải sẽ về hưu sau đại hội tới. Bản thân ông cũng đã nhiều lần đề đạt nguyện vọng này. Song, về trong thế bị kẹt này liệu có làm an lòng những người kẻ tục ông ở chính phủ ? Thứ đến là trường hợp của ông Nguyễn Minh Triết, bí thư thành ủy TPHCM. Tuy không dính líu trực tiếp với những đề án đầu tư của Phú Mỹ Hưng, nhưng ông Triết đã tán thành lập trường của ông Hải trong vụ tranh chấp về thuế của công ty này. Trước khi vụ việc xảy ra, nhiều tin đồn cho rằng ông Triết có khá nhiều khả năng trở thành ủy viên thường trực ban bí thư, tức số 2 trong đảng, ở đại hội năm 2005. Liệu sắp xếp đó có còn hiện thực ?

(Mỹ An soạn tin và bình luận)

Vừa nghe đi động, vừa hiền kế chấn hưng giáo dục !

LTS. Ngày 27.9 tại TP. Đà Nẵng, phó thủ tướng Phạm Gia Khiêm cùng bộ trưởng Nguyễn Minh Hiền đã trực tiếp chủ trì cuộc hội thảo góp ý Dự thảo báo cáo của Chính phủ chuẩn bị trình Quốc hội về tình hình giáo dục của nước nhà. Tham dự hội thảo có 20 nhà giáo dục, quản lý giáo dục, các chuyên gia hàng đầu trên lĩnh vực giáo dục ở khu vực miền Trung-Tây Nguyên. Tại hội trường, một đại biểu, quan chức cao cấp của ĐH Đà Nẵng, đã hùng hồn tuyên bố « Nếu so sánh giữa trình độ của nền kinh tế với tỷ lệ người dân biết chữ thì có thể nói trình độ dân trí của Việt Nam ở vào hàng... nhất thế giới ! ». Nhà báo Hải Châu, trên báo mạng VietNamNet cùng ngày, viết tiếp :

Đáng tiếc, những gì diễn ra trong suốt buổi sáng đầu tiên của cuộc hội thảo mà phóng viên VietNamNet đã được tận mắt mục kích lại chẳng thấy toát lên cái tinh thần « vào hàng... nhất thế giới về trình độ dân trí » tẹo nào !

Mặc dù các đại biểu đều được phó thủ tướng gửi gắm mong mỏi “ được vắt trí tuệ của các đồng chí để đóng góp cho báo cáo của Chính phủ ”, thế nhưng giữa lúc phó thủ tướng đang phát biểu đề dẫn hội thảo thì... chuông điện thoại di động đã réo lên từ hàng ghế đại biểu. Những tiếng réo đó chỉ là “ sự cố ” và các đại biểu ngành giáo dục đang có mặt tại hội thảo sẽ có cách ứng xử hay hơn với chiếc máy điện thoại (như chuyển từ chế độ đổ chuông sang chế độ rung). Thế nhưng chuông điện thoại vẫn tiếp tục réo lên ở góc này, góc khác.

Đỉnh điểm của “ sự cố ” là lúc vị giám đốc một sở GD-ĐT ở Tây Nguyên phát biểu. Đang ngon trớn, bất ngờ, chiếc điện thoại di động ông để trên bàn réo vang. Nhà quản lý giáo dục này phải dừng ít phút, mở điện thoại ra rồi vừa cầm vừa tiếp tục... đọc bài phát biểu. Gần như cùng lúc, chiếc điện thoại của ông hiệu trường trường ĐH trong vùng, đang ngồi ngay bên cạnh, cũng... cất tiếng. Thế là trong khi vị giám đốc sở phải phát biểu với chiếc điện thoại mở nắp trong tay thì ông hiệu trưởng lại thoải mái trò chuyện với ai đó !

Vẫn chưa hết, có vẻ như ngồi lâu không thấy ai gọi điện thoại cho mình cũng... buồn, nên vị đại biểu của trường ĐH Q. đã thản nhiên mở điện thoại ra... chụp ảnh các đại biểu dự hội thảo. Đến nước này, một số phóng viên có mặt tại hội thảo chỉ còn biết... thờ dài !

(...) liệu qua cách hành xử như vậy tại một hội nghị về giáo dục do Phó Thủ tướng cùng bộ trưởng Bộ GD-ĐT trực tiếp chủ trì có cho thấy một “ trình độ dân trí của VN vào hàng... nhất thế giới ” hay chẳng ? Câu trả lời xin được dành cho các nhà giáo dục.

Lời bình luận của người đánh máy : nhà báo hình như bỗng dưng quên rằng mình đang tường thuật một buổi hội thảo của các quan chức. Ngụ ý của câu hỏi cuối bài, nhằm lên án tính chất vô giáo dục của cách hành xử mà ông thuật lại ấy, người đọc chỉ có thể chia sẻ tuy hiểu rằng ông không tiện nói trắng ra. Nhưng nó phản ánh trình độ quan trí chứ đâu phải dân trí ?

Sổ tay

Tôi may mắn được xem cuốn phim *Mùa len trâu* của Nguyễn Võ Nghiêm Minh chiếu lần đầu tại Trung tâm Wallonie-Bruxelles (Paris) trong khuôn khổ Liên hoan điện ảnh các nước sử dụng tiếng Pháp (theo tin giờ chót, phim này sẽ ra mắt công chúng 15 thành phố Mỹ vào cuối năm nay, và sẽ được phát hành tại Pháp vào đầu năm 2005).

Hôm ấy ở Paris, trời mưa tầm tã, suốt ngày. Tình cờ, ông trời đã chuẩn bị lòng người. Bởi vì, có thể nói, chủ đề và « nhân vật » chính của *Mùa len trâu* là nước. Cảm hứng từ *Hương rừng Cà Mau* của Sơn Nam, Nguyễn Võ Nghiêm Minh đã đưa chúng ta trở về miền tây đồng bằng sông Cửu Long vào một mùa mưa cách đây hơn 60 năm. Mặt đất đắm chìm dưới mặt nước mênh mông đến tận chân trời, ngày mưa thì, ngoại trừ mấy túp lều và những chiếc ghe nhỏ bé, tứ bề trên dưới là nước. Người ta sống trong nước, chết cũng phải « chôn ngâm » trong nước. Người ta vật lộn với mưa, bão, vật lộn với nhau, chống trả với thuế má trấn áp, và như để thay ngôi đổi chỗ, người ta (tôi muốn nói, đàn ông) hiệp đáp cái gì hiệp đáp được ở trong tầm tay : đàn bà. *Mùa len trâu* đưa người xem vào vào thế giới ấy qua « chuyến đi trường thành » (*voyage initiatique*) của một thiếu niên, mùa nước phải len đôi trâu nhà lên miệt núi Ba Thê để kiếm cỏ mà ăn.

Đạo diễn kiêm tác giả kịch bản là một Việt kiều. Anh sinh trưởng ở miền đông Nam Bộ, chưa hề sống ở vùng nước lụt mùa ấy bao giờ. Du học tại Pháp rồi sang Mỹ nghiên cứu trong ngày vật lý nhiều năm trước khi quyết định đeo đuổi đam mê của mình : điện ảnh. *Mùa len trâu* là cuốn phim đầu tay mà anh ấp ủ từ lâu và phải mất nhiều năm để tìm vốn. Cuối cùng, cuốn phim được quay tại miền tây Nam Bộ trong mùa mưa năm 2003, do hai công ti Bỉ, Pháp cộng tác sản xuất cùng hãng phim Giải phóng (TPHCM), với toàn bộ diễn viên và hầu hết kỹ thuật viên Việt Nam.

Đáng mừng là tác phẩm đầu tay này đã được đánh giá cao : được tuyển chọn tham gia nhiều festival điện ảnh (*Pusan, Rotterdam, Amiens, Namur*) và giành giải thưởng tại hai liên hoan lớn (giải đặc biệt Ban giám khảo Trè Locarno tháng 8.04, giải đạo diễn Silver Hugo Chicago tháng 10).

Phải nói Locarno và Chicago đã biết chọn mặt gửi vàng. Vì ở Nguyễn Võ Nghiêm Minh, đam mê gắn liền với sự vững tay, tinh tế và trữ tình. Sinh viên điện ảnh ở UCLA, ngay từ năm đầu, được học rằng làm điện ảnh có 3 thứ rất khó đạo diễn, viết tắt bằng 3 chữ cái : A, B, C, là súc vật (Animals), tàu thuyền (Boats) và trẻ em (Children). Vô tình hay cố ý, với *Mùa len trâu*, NVNM đã chọn con đường ba khó ấy. Với một ngân sách tương đối rất khiêm tốn (chưa tới 1 triệu đôla), mấy móc thiết bị thuê tại chỗ, quay phim trong mùa mưa tại những nơi « khi (không có mà) ho, cò (mọi cánh không) gáy », kiếm ra đủ số trâu để lập đàn khi đồng bằng Cửu Long đã cơ khí hoá cao và đạo diễn được đàn trâu bất kham, cũng như đạo diễn được những diễn viên hầu hết đều là nghiệp dư, ngày đêm phải lội nước hay chèo thuyền... và anh đã

thành công.

Góp phần vào thành công đó là khâu phân vai rất đạt, rất trúng (và có lẽ, chính vì diễn viên không chuyên nghiệp nên tránh được lỗi diễn xuất thường rất... cái lương của phim Sài Gòn), và âm nhạc của Tôn Thất Tiết. Nhạc phim tiết kiệm, không ồn ào mà hiệu quả (giống như tác giả). Còn một điều, rất bình thường trong điện ảnh quốc tế, nhưng lại hiếm hoi trong phim Việt Nam : *Mùa len trâu* được quay đồng bộ, không lồng tiếng như các phim Việt Nam. Cho đến nay, các đạo diễn Việt Nam thường viện dẫn nhiều lý do, không phải không chính đáng (điện chạy bằng máy nổ, thiết bị cũ kỹ, ngoại cảnh quá nhiều tạp âm...) để quay « câm » rồi sau đó lồng tiếng (và nhiều khi, không phải chính diễn viên lồng tiếng của mình). Kết quả không những là xem rất khó chịu mà điều này còn tác động ngay từ hơi thở, nét mặt và diễn xuất... Khuyết tật này không chỉ xảy ra ở Việt Nam. Ở Đài Loan trước đây cũng vậy. Phải đến năm 1985, Hầu Hiếu Hiền và các bạn của anh mới quyết định « làm phim cho ra phim », quay đồng bộ. Và trong vòng mười lăm năm, điện ảnh Đài Loan đã nhảy vọt như thế nào, mọi người đều biết. *Mùa len trâu* quay toàn bộ ở Việt Nam, với những thiết bị tại chỗ, với kĩ thuật viên của xưởng phim Giải phóng : những lí do viện dẫn ở trên như vậy không còn vững nữa (ngoại trừ quay ngoại cảnh vào... mùa ve sầu). Bao giờ cho đến năm.. 1985 của nền điện ảnh Việt Nam ?



Cách đây vài năm tôi đã lăm bằm về những chữ *ôm*. Bắt đầu từ cái *xe ôm* ngày nay vẫn còn là phương tiện đi lại thuận tiện không những ở thành phố mà ở cả ngoại ô và nông thôn. Hai mươi năm qua, theo đuôi *xe ôm* là một loạt *ôm* khác, không thuộc phạm trù giao thông vận tải : *bia ôm, cắt tóc ôm, tắm ôm, đọc báo ôm, ngủ trưa ôm*... Nghe lời kể của một sư cô từ Sài Gòn sang thăm Mỹ trở về, tôi có nói tới cả *thiền ôm*. Sau đó được một bạn đọc Phật tử giải thích mới biết *thiền ôm* là chuyện nghiêm chỉnh, không nên lẫn lộn với những thứ ôm trên. Hôm nay (16-10-2004), đọc báo *Người lao động* trên mạng lại học thêm một chữ khác : *quan họ ôm*. Một này đang thịnh hành ở hàng quán tại một thị xã Bắc Bộ trên bờ Sông Đuống, chứng tỏ sức sống mãnh liệt không ngờ của quan họ, bành trướng ra khỏi quê hương của nó là đất Bắc Ninh. Đến quan họ cũng bị ôm như vậy, ta chỉ còn một cách là cười. Nhưng thú thật là tôi cười không nổi. Chua xót, phải chăng vì Bắc Ninh là quê tôi ? Chắc bạn đọc quê ở tỉnh khác, Cà Mau hay Quảng Ninh, cũng đau lòng như nhau. Lại nhớ tới những công thức lười gối « đậm đà bản sắc dân tộc » của giới quan lại tân thời. Nó khôi hài như cái bằng tiết hạnh khả phong của các bà Phó Đuan hay của cô Tư Hồng.



Lần đầu tiên, một loạt tác phẩm « *Espaces* » (*Không gian*) của Lê Bá Đảng được ra mắt công chúng Paris ở phòng tranh Hoa Mai, một galerie đẹp và trang nhã, phố Guénégaud (xem *khung sinh hoạt*, trang 2). Có những tác phẩm mới, thấp thoáng khuôn mặt trầm tư, phảng phất nét Angkor mà công chúng đã gặp trong loạt tranh « *Xanh* » triển lãm năm trước ở phố Jacob. Nhưng toàn bộ các tác phẩm trưng bày ở đây cho ta một cái nhìn tổng quan về dòng « Không gian » mà Lê Bá Đảng đã khai phá từ nhiều năm trước, và đã chinh phục công chúng nghệ thuật ở Nhật Bản và Hoa Kỳ.

Tôi dùng chữ *tác phẩm* thay vì *tranh*, bởi vì đây không

phải là những hoạ phẩm trên mặt phẳng 2 chiều kích. Có tấm hiện ra như bức bản đồ địa hình nổi. Có tấm phải treo lên giữa nhà để ta có thể nhìn, ngắm cả hai mặt, từ những góc độ khác nhau, dưới những ánh sáng khác nhau. Sáng tạo của Lê Bá Đảng không ngừng ở chất liệu tác phẩm, đường nét, sắc màu (về mặt này, bộ « *Espaces* » lần này có phần nào đơn điệu, với hai sắc thái chủ đạo là nâu và xám) mà quan trọng hơn hết, là sự mời gọi, đưa đẩy người xem đi xa, đi sâu vào cõi suy tư. Chất thiền, chất phương Đông trong « không gian » Lê Bá Đảng không thể hiện bằng những quy ước và phương tiện truyền thống. Nó như toát ra, tự nhiên, từ trải nghiệm của tác giả, và nó mời gọi mỗi người du hành trong những « không gian » ấy bằng hành lí nội tâm của riêng mình, bằng phương tiện của mình. Tác phẩm nghệ thuật trở thành tác phẩm chung của nghệ sĩ và người thưởng ngoạn.



Tôi có chủ quan và vọng ngoại quá không, nếu tôi quảng cáo ngay từ bây giờ một cuốn phim mà tôi chưa được xem, cũng chưa được đọc tóm tắt kịch bản, ngày mai (27.10) nó mới xuất hiện trên màn ảnh lớn ở Pháp ?

Đó là cuốn phim *Samaria* của đạo diễn Hàn Quốc *Kim Ki-duk* (âm Hán Việt, theo sự phụ của tôi, anh Vĩnh Sinh, là *Kim Cơ Đức*).

Tôi dám giới thiệu, không phải vì nó đoạt giải Con gấu bạc đầu năm nay ở Berlin, mặc dầu Liên hoan phim Berlin rất đáng tin cậy, hầu như không bị những sức ép thương mại tác động vào việc tuyển lựa và chấm giải.

Mà vì tác giả của nó. Kim Cơ Đức là tác giả tuyệt phẩm *Xuân, Hạ, Thu, Đông... lại Xuân* đã được chiếu ở Tây Âu và Bắc Mỹ năm ngoái. Một người đã làm một cuốn phim như vậy thì bất cứ phim nào của anh ta, dù dở đến đâu, cũng vẫn có những cái hay hơn người.



Nhìn lại ban biên tập Diễn Đàn và các anh chị cộng tác viên gần xa, phải nói hầu hết đều thích đọc sách, đọc nhiều, và ít khi dừng dưng trong và sau khi đọc. Chỉ phải cái tội lười viết. Lười, có thể vì thận trọng và tôn trọng các tác giả, nhưng vẫn là lười, có lỗi với bạn đọc, và với các tác giả đã có nhã ý gửi tặng sách hoặc bạn đọc xa gần đã giới thiệu sách hay.

Lỗi thì phải sửa. Trong khi chờ đợi, xin liệt kê một số tác phẩm có giá trị, chúng tôi đã nhận được và rất tiếc chưa viết giới thiệu cho tương xứng :

Trịnh Văn Thảo, *Les compagnons de route de Hồ Chí Minh, Histoire d'un engagement intellectuel au Việt-nam*, Karthala, Paris, 2004, 320p.

Lê Thị Kinh (tức Phan Thị Minh), *Phan Châu Trinh qua những tài liệu mới*, nxb Đà Nẵng, tập I, 2001, tập II, 2003.

Emmanuel Poisson, *Mandarins et subalternes au nord du Vietnam*, Maisonneuve et Larose, Coll. Monde asiatique, 2004.

Nguyễn Tài Cẩn, *Tư liệu Truyện Kiều, Từ bản Duy Minh Thị đến bản Kiều Oánh Mậu*, nxb Văn học & Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, 2004, 344 tr.

Lê Xuân Khoa, *Việt Nam 1945-1995, Chiến tranh Tị nạn Bài học lịch sử*, Tập I *Tị nạn 1954 và Bài học Bốn cuộc chiến (1945-1979)*, Tiên Rồng, California, 2004, 568 tr.

Kiến Văn

Thư từ Mỹ

Tiểu Hằng Ngôn

Cuối tháng 10, 2004

Bạn quý,

Khi thư này đến tay bạn thì bầu cử Mỹ đã xong và bạn đã biết ai thắng (trừ khi tái diễn màn “ Florida ” như hồi năm 2000, mãi đến tháng 12 mới ngã ngũ). Lúc viết những dòng này thì tôi chưa biết như bạn, song kết quả ra sao thì tiên đoán của tôi đều là đúng ! Nếu Bush đã tái đắc cử thì bi quan của tôi về triển vọng của Kerry đã thành sự thực, còn nếu Kerry thắng thì cũng ... như tôi nói : ba lần xuất hiện chung trên truyền hình là cơ hội tốt cho Kerry kêu gọi dân Mỹ so sánh hai ứng cử viên, và quả là Kerry đã thuyết phục được nhiều cử tri hơn Bush trong các cuộc tranh luận này.

Nhưng thôi, để tháng sau chúng ta sẽ lại mổ xẻ cuộc bầu cử vừa rồi. Trong thư này tôi xin nói rõ thêm về một hiện tượng mà tôi đã nói phớt qua trong thư tháng 9 : một số không ít trí thức thường được xem là cấp tiến, là phóng khoáng (liberal) ở Mỹ ủng hộ Bush “ thay đổi chế độ ” Iraq bằng vũ lực.

Nói cách giản dị hoá, những người phái tả này cho rằng Mỹ phải can thiệp (1) vì lí do nhân đạo (để ngăn ngừa tàn sát diệt chủng), (2) để truyền bá dân chủ (nhất là nữ quyền), và (3) để chống khủng bố (nhất là khủng bố với vũ khí sinh hoá, hạt nhân). Đa số những người này là trí thức thanh bạch nên không thể cáo buộc là họ trục lợi cá nhân. Họ cũng ôn hoà, tâm huyết, không cực đoan ngoan cố như bọn tân bảo thủ. Và đúng là sự cố 11/9 là thực tế có tính quyết định đối với họ. Nhưng tôi nghĩ rằng trong góc sâu tâm tưởng của những người này là sự khinh thị đạo Hồi (cho tôn giáo này có bản chất phát xít, phản hiện đại), và họ cũng bị mê hoặc bởi sức mạnh quân sự của Mỹ, nổi bật là chiến thắng quá dễ dàng của Mỹ ở vùng Vịnh năm 1991, ở Kosovo, cũng như ân hận là họ đã không hối thúc chính quyền Mỹ ngăn chặn những cuộc tàn sát ở Phi Châu.

Có lẽ nổi tiếng nhất là Christopher Hitchens, đã từng chống chiến tranh Việt Nam và vẫn khẳng khái đòi đem Henry Kissinger ra tòa án tội phạm chiến tranh, nhưng ủng hộ chiến tranh Iraq kịch liệt đến độ li khai với tờ *The Nation* mà ông đã cộng tác gần hai mươi năm. Chính Hitchens, hơn ai hết, đã lặp đi lặp lại rằng Iraq không phải là Việt Nam. Triết gia Peter Berman (cũng trong hàng ngũ phản chiến những năm 60-70, trong ban biên tập tạp chí phái tả *Dissent*) cũng quay sang hùng hồn (đưa ra sáu lí do) biện hộ lật đổ Saddam Hussein bằng vũ lực. Nhóm tuần san *The New Republic*

cũng thế. Tạp chí này do Martin Peretz làm chủ và, dù là tương đối tiến bộ trong các vấn đề xã hội và văn hoá, lại cực lực bênh vực quyền lợi Israel. Lập trường của họ về Iraq phản ánh thái độ này. Thậm chí một người chủ chốt của *The New Republic* là Lawrence Kaplan lại đứng ra viết chung với William Kristol (“ giáo hoàng ” tân bảo thủ của tờ cực hữu *Weekly Standard*) một cuốn sách biện hộ Mỹ nên xâm chiếm Iraq. Trên báo này cũng có một loạt bài của Kenan Makiya, người trí thức Iraq lưu vong (theo tôi, là một nhân vật “ đáng thương ”, không như tên hoạt đầu chính trị Ahmed Chalabi của bọn tân bảo thủ) đem những kinh nghiệm bản thân để hô hào “ giải phóng ” quê hương ông. Và thêm vào đó là tiếng nói của chuyên gia tình báo Kenneth Pollack, cho rằng an ninh nước Mỹ (trước hiểm hoạ Iraq có vũ khí giết người hàng loạt) không cho Mỹ lựa chọn nào khác hơn là vào Iraq. Kí giả George Packer và tổng biên tập David Remnick ở tờ *New Yorker* (thường được coi là “ thành trì ” của những nhà văn hoá tiến bộ) cũng thế.

Vậy, bạn thấy, đa số cơ quan ngôn luận thường được coi là cấp tiến (và đã từng chống chiến tranh Việt Nam) đều có những cộng tác viên nồng cốt ủng hộ chiến tranh Iraq. Hầu như chỉ còn một tờ duy nhất là chống chiến tranh trước sau như một : *The Nation* của Katrina vanden Heuvel. Mà, cũng phải nói, những người này (trừ Hitchens) khi ủng hộ chiến tranh Iraq thì cũng có vẻ bùi ngùi trần trối đủ lắm, không hí hửng hăm hở như bọn tân bảo thủ. Và hiển nhiên, như những người tiến bộ khác, họ rất chống những chính sách kinh tế xã hội nội bộ của Bush.

Nhưng chỉ nói đến những người cấp tiến (hãy cho vẫn còn như thế) quay sang ủng hộ chiến tranh Iraq cũng chưa đủ, cần phải nói thêm về nhóm ngược lại, tức là nhóm bảo thủ nhưng lại chống chiến tranh ấy. Nổi tiếng nhất có lẽ là Patrick Buchanan, bảo thủ cực hữu, từng là người viết diễn văn cho Nixon, và nhiều lần muốn làm ứng cử viên tổng thống của đảng Cộng hoà (nhưng chưa bao giờ lọt qua vòng sơ bộ của đảng này). Ông này (và một người nữa hơi giống ông là kí giả Robert Novak) chống chiến tranh Iraq vì hai lẽ, thứ nhất là ông có tính chủ nghĩa biệt lập (isolationism) của Mỹ, và thứ hai cũng vì có khuynh hướng không ưa Israel. Vì quá bức tức với chính sách của Bush ở Trung Đông, Buchanan vay tiền, cho ra tờ bán nguyệt san *The American Conservative*. Đọc tờ này nhiều lúc thấy không khác gì tờ cấp tiến phái tả *The Nation* của Katrina vanden Heuvel (mà tôi đã nói trong *Thư từ Mỹ* tháng 9). Năm ngoái, có một trận lòi qua tiếng lại khá gay gắt giữa nhóm Buchanan (thường được gọi là “ paleo-con ” - cổ bảo thủ) và nhóm tân bảo thủ (đầu sỏ là David Frum trong vụ này) của tờ *National Review*.

Nhưng gần đây thì hàng ngũ (tương đối) bảo thủ nhưng chống chính sách ngoại giao của Bush (nhất là về Iraq) đã lan ra ngoài nhóm cực hữu của Buchanan. Vừa

gây nhiều chú ý là một tập hợp tự gọi là *Coalition for a Realistic Foreign Policy* gồm những người tả lẫn hữu, chẳng hạn như Christopher Layne (nhóm của Buchanan), John Mearsheimer (một nhà chính trị học hàng đầu của đại học Chicago, tự hào là đã bỏ phiếu cho Bush năm 2000) và bên tả thì có Anatol Lieven của *The Nation*. Hai thành viên khác cũng khá nổi tiếng là Jessica Mathews (cầm đầu *Carnegie Endowment for International Peace*, sếp của Robert Kagan) và Andrew Bacevich (xem bài của Trần Hữu Dũng trong *Thời Đại Mới* số 2). Nhóm này ghét nhất những hô hào của bọn tân bảo thủ là Mỹ nên chấp nhận vai trò đế quốc.

Nhưng nói chính trị mãi cũng mệt. Mùa thu ở đây thì phải kể đến ba chuyện khác : tự trường, football (Mỹ), và sách mới. Hai vụ đầu thì để dịp khác, hôm nay chỉ xin nói về sinh hoạt thứ ba, về vài quyển sách đáng kể đối với người Việt chúng ta.

Kiên Nguyễn vừa xuất bản *Le Colonial*, một tiểu thuyết đã sử thời Trịnh Nguyễn phân tranh mà nhân vật chính là Bá Đa Lộc và hai người Pháp mà vị giám mục này dẫn theo sang Đàng Trong. Đa số các nhà phê bình Mỹ không hào hứng với quyển này như với quyển (tự truyện) đầu tay (*The Unwanted*) của Kiên Nguyễn. Song *Le Colonial* có vẻ được đánh giá cao hơn quyển *Tapestries*, ra ngay sau *The Unwanted*. Cũng có người (như Wayne Karlin, đồng chủ biên *Love after War* với Hồ Anh Thái) so sánh Kiên Nguyễn với James Clavell và Joseph Conrad. Clavell thì còn xem lại, nhưng so sánh Kiên Nguyễn với Conrad thì có lẽ hơi ... quá sớm, nhất là khi Graham Greene (xem dưới đây) cũng còn bị cho là chưa bằng Conrad ! Tôi cũng ngạc nhiên Kiên Nguyễn lại chọn con đường đã sử, nhưng tôi nghĩ anh ấy chủ đích viết cho độc giả ngoại quốc hơn là Việt Nam. Phan Nhiên Hạo có bài điểm cuốn *The Unwanted* dưới mắt một người Việt, rất đáng xem.

Nói thêm về hoạt động mùa thu này của các nhà văn gốc Á viết tiếng Anh thì có Ha Jin ra cuốn *War Trash* (về tù binh Trung Quốc trong chiến tranh Triều Tiên) và Anita Desai với quyển *The Zigzag Way* về một sử gia Mỹ sang Mexico để tìm tổ tiên mình. Cả hai cuốn đều được khen. *War Trash* được lên bìa phụ trang sách của tờ *New York Times*, được Russell Banks phán [tác phẩm ấy] “không phải là một tiểu thuyết lớn, song gần như là một tiểu thuyết toàn hảo”. Mà Ha Jin giỏi thiệt ! Mới sang Mỹ từ 1985, nói tiếng Anh còn ngọng nghịu vậy mà viết tiếng Anh thâm sâu ! Anita Desai (cha Ấn, mẹ Đức, sống nhiều năm ở Anh và Mỹ) cũng phiêu lưu khi viết về đề tài mới, không liên hệ đến sở trường xưa nay của bà, nhưng cũng được nhiều người khen. Một nhà văn trẻ gốc Á nữa cũng vừa xuất hiện, có nhiều triển vọng, đó là cô Gish Jen. Tôi sẽ nói sau.

Tháng 10 này cũng là tròn trăm năm sinh nhật của Graham Greene, tác giả quyển *Người Mỹ Trầm Lặng* (*The Quiet American*), có lẽ là tiểu thuyết nổi tiếng nhất về Việt Nam viết bằng tiếng nước ngoài. (Một liên hệ

thứ vị : chính tuần báo *The New Republic* – xem đoạn trên – đã đặc phái Graham Greene sang Việt Nam năm 1954, từ kinh nghiệm đó ông viết *The Quiet American*). Nhân dịp này, *The Quiet American* được tái bản với lời dẫn nhập của nhà văn nữ Zadie Smith (một Vệ Tuệ, nhưng đậm thắm hơn, của Anh Quốc !). Bộ tiểu sử vĩ đại của Greene (ba cuốn hơn hai ngàn rưỡi trang) cũng vừa được Norman Sherry hoàn tất sau 27 năm. Sherry cho biết (như đã hứa trước khi Greene từ trần năm 1991) là để hiểu tâm trạng tác giả, ông viếng mọi nơi mà Greene đã dùng làm bối cảnh cho tiểu thuyết. Đáng chú ý là năm 1974, không hiểu vì lẽ gì, Greene đã cảnh cáo Sherry “Dù anh có muốn sang Việt Nam anh cũng không vào nước ấy được đâu !”, nhưng rốt cuộc Sherry cũng thu xếp sang Việt Nam khoảng cuối thập niên 80, viết sáu chương (trong quyển II xuất bản năm 1994) nói về bối cảnh cuốn *Người Mỹ Trầm Lặng*, đáng đọc. Nhưng đó là trong quyển II, rất được khen, còn quyển (III) này thì hầu hết các nhà phê bình đều chê. Sherry có vẻ hết xí quách, xuất bản cho rảnh nợ, trút hết vào quyển này mọi chi tiết thượng vàng hạ cám về Greene, ngay cả danh sách 47 gái làng chơi mà Greene cho là có “kĩ năng” ấn tượng nhất (trong số nhiều ngàn mà Greene đã “biết”). (Greene viết tay, rất khó đọc, Sherry phải nhờ ba chuyên gia giúp giải mã danh sách này, thật là hết nước !)

Trên giao diện giữa chính trị và văn chương, Philip Roth (mà nhiều người cho là nhà văn Mỹ số một hiện nay) vừa xuất bản cuốn *The Plot Against America* (“Âm Mưu Chống Mỹ”) trong đó ông tưởng tượng nước Mỹ (và nhất là dân Mỹ gốc Do Thái) sẽ ra sao nếu Charles Lindbergh (phi công “anh hùng” đầu tiên bay qua Đại Tây Dương, cũng là một người công khai tôn sùng Hitler, bài Do Thái hạng nặng) đắc cử tổng thống năm 1941. Đến nay, đây có lẽ là quyển tiểu thuyết “nặng kí” nhất, nhiều giá trị văn chương, lấy cảm hứng từ chính sách của Bush. Roth là một nhà văn “giận dữ”, dùng sự đàn áp giả tưởng của một tổng thống phát xít độc tài để chỉ trích chính quyền Bush hiện thực. Nhưng Roth biết tự chế, gói ghém những phần nộ sôi sục của ông trong văn chương chất lượng cao, được nhiều người cho là tuyệt tác.

Vài tháng trước, Nicholson Baker, một nhà văn được nhiều người đọc ở Mỹ, cũng viết một tiểu thuyết (*Checkpoint*) chống Bush, nhưng ông này cầm lòng không đặt, cho nhân vật chính mưu toan hạ sát Bush. Vì thiếu bình tĩnh, ngấm hô hào “sử dụng bạo lực” như vậy nên Baker bị các nhà phê bình huýt sáo thổi còi. (Nicholson Baker cũng là tác giả quyển *Vox*, toàn về chuyện “phone sex”). Quyển này nổi tiếng vì nghe đầu Monica Lewinsky đã học cái “trò ấy” từ nó, đem ra áp dụng với Bill Clinton !)

Hẹn bạn thư sau,

Tiểu Hằng Ngôn

TRẦN ĐỘ

Nhật Ký Rồng Rắn

Lời toà soạn : Một năm rưỡi trước khi từ trần (ngày 8.2002), tướng Trần Độ đã hoàn thành một tập nhật ký mà ông đặt tên là NHẬT KÝ RỒNG RẮN : bắt đầu từ cuối năm Thìn 2000, viết xong tháng 5 năm Tỵ 2001. Đó cũng là thời gian trước và sau Đại hội IX của Đảng cộng sản Việt Nam. Nhật ký Rồng Rắn là một bút kí chính trị (tác phẩm cuối cùng của Trần Độ) trong đó, với tất cả tâm huyết, tác giả trình bày suy nghĩ của ông về các vấn đề chính trị của đất nước. Tháng 6.2001, ông vào Thành phố Hồ Chí Minh thăm con và nhờ người đánh máy bản thảo. Ngày 10.6, ông đi lấy lại bản thảo, bản vi tính và sao chụp thành 15 bản. Trên đường về nhà, ông bị Công an Quận Tân Bình chặn xe, áp tải về trụ sở và tịch thu toàn bộ các bản thảo và bản in chụp, coi đó là "tang chứng" của tội "viết và lưu hành tài liệu xấu".

Lâm bệnh nặng, Trần Độ được gia đình đưa trở ra Hà Nội điều trị. Trong tháng 7.2001, từ bệnh viện quân y 108, ông gửi liên tiếp hai lá thư thông báo và phản đối cho các ông Nông Đức Mạnh (tổng bí thư ĐCS), Nguyễn Văn An (chủ tịch quốc hội) và Phan Văn Khải (thủ tướng) song không hề được phúc đáp (ông Nguyễn Văn An có bệnh viện thăm "xã giao" với "tư cách đồng sự cũ ở quốc hội"). Từ đó cho đến ngày từ trần (9.8.2002), ông Trần Độ không hề được trả lại nhật kí của mình.

Tuy nhiên, theo các nguồn tin "nội bộ" đáng tin cậy, mỗi uỷ viên Bộ chính trị ĐCS đều có trong tay một bản *Nhật ký Rồng Rắn*. Trong thời đại internet, cuối cùng, cũng như lá thư của các tướng Võ Nguyên Giáp và Nguyễn Nam Khánh (tuy chậm hơn), *Nhật ký Rồng Rắn* đã được phổ biến trong nước và ngoài nước.

Được viết như một nhật kí, các suy nghĩ của tác giả trải dài theo ngày tháng và nhiều chỗ lặp đi lặp lại. Diễn Đàn chọn trích đăng phần III (Thư gửi anh Lữ Phương) cô đúc những ý tưởng chính của Trần Độ vào năm cuối cùng của đời ông.

Thư gửi anh Lữ Phương

Tết Tân Tỵ ngày 5 tháng giêng, (ngày 28.1.2001)

Nhân dịp Tết, tôi lục các bài viết cũ, đọc lại chơi, tiện thể lục được bức thư anh viết cho tôi từ đầu năm 1999, sau khi anh đã đọc xong 2 bài bút ký *Một cái nhìn trở lại* của tôi, và biết tin tôi đã bị (hay được) khai trừ.

Ngay từ trang đầu của thư anh, tôi thấy anh đã hiểu rõ tâm

can tôi. Anh viết rằng : “ Nếu có một cái gì đó có ý nghĩa mà Đảng cho anh, thì đó là cái lý tưởng cực kỳ tươi đẹp để anh đi vào tù đầy và chết chóc thôi. Anh có bảo vệ Đảng thì cũng chỉ bảo vệ cái lý tưởng đã trả bằng máu ấy. Chính là với lý tưởng ấy, thái độ của anh là nhất quán trước sau. Trước đây Đảng có một thời đẹp đẽ thì bây giờ anh muốn Đảng giữ gìn mãi mãi điều đẹp đẽ ấy ”. Anh đã nói rất trúng tâm tư của tôi.

Tôi không có điều kiện để nghiên cứu sâu vào các vấn đề lý thuyết, tuy rằng tôi cũng đọc được và được nghe giảng khá nhiều nhưng tôi chỉ “ vận dụng những ý tưởng có trong sách vào cuộc đời ”, và nhìn vào thực tiễn của cuộc đời mà suy ngẫm. Tôi đọc lại bút ký của tôi, tôi lại càng thấy rõ tế ra hơn chục năm nay, có thể cả mấy chục năm nay, tôi cứ trần trụi chỉ có một điều, và vẫn cứ tiếp tục trần trụi về cái điều đó, càng ngày càng sâu sắc, càng ngày càng day dứt đau đớn. Cái điều đó tôi đã khái quát vào bốn câu mà anh có nhắc đến :

Những mơ xoá ác ở trên đời

Ta phó thân ta với đất trời

Ác xoá đi thay bằng Cực Thiện

Tháng ngày biến hoá, Ác luân hồi.

Với tâm trạng ấy tôi rất tâm đắc với mấy câu trong bài thơ *Cay đắng thay* của Bùi Minh Quốc.

Cái guồng máy nhục mạ con người

Mang bộ mặt hiền lành của người cuốc đất

.....

Cay đắng thay

Mia mai thay

Trọn tuổi xuân ta hiến dâng cuồng nhiệt

Lại đúc nên chính bộ máy này.

Tôi cứ nghiền ngẫm mãi cái cay đắng và mìa mai đó và ngày ngày, tháng ngày đau khổ về cái cay đắng ấy.

Không biết đã bao nhiêu lần, tôi muốn giải đáp mấy câu hỏi... cay đắng ấy :

Cuộc cách mạng ở Việt Nam, rút cục đã xoá được cái gì, đập tan được cái gì ? và đã lập nên được cái gì, xây dựng được cái gì ?

Rõ ràng ta đã xoá được cuộc đời nô lệ mất nước, nhục nhã. Đời sống nhân dân giảm được đói nghèo dốt nát. Mới giảm được thôi, chứ chưa thoát được hẳn đói nghèo và “ dốt nát ”, nghĩa là ta còn quá lạc hậu.

Ta đã đập tan được bộ máy đàn áp, nô dịch, bóc lột, xoá được nỗi nhục mất nước và ta đã xây dựng được một bộ máy như thế nào ? và một xã hội như thế nào ? Những tiêu ngữ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc, Dân chủ Cộng hoà, và mục tiêu một nước độc lập, thống nhất, hoà bình, dân chủ giàu mạnh, đã thực hiện được đến đâu ?

Trong các mục tiêu lý tưởng của ta thì lý tưởng lớn nhất, tha thiết nhất, bao trùm nhất là tự do dân chủ.

Nhưng hiện nay, ta đã có một bộ máy nhà nước có mấy đặc điểm :

– To lớn, cồng kềnh, chồng chéo và do đó ít hiệu quả, nhiều mặt bất lực.

– Làm được một số việc xoá đói giảm nghèo, đền ơn đáp

nghĩa, nhưng quá kém trong việc đưa đất nước phát triển nhanh. Đất nước ngày càng phát triển chậm chạp và tụt hậu xa so với các nước láng giềng trong khu vực.

– Nổi bật lên là một bộ máy độc đoán, độc tài toàn trị, đàn áp thẳng tay các ý kiến khác. Có một đội ngũ “lưỡi gổ” rất ông đão, chuyên nguy biện, nói lấy được, nói bừa bãi, trắng trợn bất chấp lẽ phải, đạo lý và cả luật pháp, và có lúc dùng nhiều thủ đoạn như lưu manh.

Trong khi ấy, bộ máy đã tạo nên một xã hội không có tự do dân chủ, đầy tệ nạn tham nhũng, đầy tệ nạn xã hội, làm tất cả mọi người trong xã hội không lúc nào được yên tâm và thường xuyên lo lắng, sợ hãi. Đó, ta đã xây dựng nên một bộ máy như vậy và một xã hội như vậy đó.

Bao nhiêu những điều tốt đẹp xuất hiện sau cách mạng tháng Tám, ta tưởng nó sẽ mở rộng và nâng cao thì nay tình hình lại phát triển ngược lại.

Từ một Đảng chịu gian khổ hy sinh để giải phóng nhân dân, nay trở thành một Đảng cầm quyền xa rời nhân dân, cai trị nhân dân, bắt nhân dân phải sống hết thảy theo ý của Đảng : nhân dân bị tước hết mọi quyền tự do dân chủ. Tất cả quyền và lợi trong xã hội, thu tóm trong tay Đảng và cụ thể là trong tay một nhóm đảng viên có địa vị ở các cấp. Đảng tự do yêu cầu dân đóng góp và tự do sử dụng mọi sự đóng góp của dân, không có tổ chức và lực lượng nào giám sát và kiểm chế.

Đảng nói những lời hay, làm ra Hiến pháp và luật pháp có nhiều điều hợp lý, nhưng bộ máy của Đảng đều làm ngược lại Hiến pháp và luật pháp, bất chấp đạo lý.

Đảng còn làm ngược lại cả Điều lệ của chính mình như tự nhiên đẻ ra chế độ có vấn đề ; Bộ chính trị và Trung ương quyết định những điều cấm đoán đảng viên ngoài quy định của Điều lệ như là tước cả quyền công dân của đảng viên.

Đảng luôn tạo ra một không khí khủng bố đối với bất cứ ai có chính kiến độc lập, làm cho xã hội khô cứng, Đảng bùng bít và cấm tất cả những ý kiến dòi dào phong phú để đưa đất nước tiến lên.

Thế là Đảng đã tạo ra ở Việt Nam một xã hội đầy tham nhũng, phản dân chủ (vì độc tài độc đoán và toàn trị), đầy dối trá lừa bịp (vì nói một đằng làm một nẻo), đầy thủ đoạn (nịnh nhau, hắt nhau và hại nhau). Bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu, ở bất cứ người nào, ta cũng nghe thấy được những lời phàn nàn về sự không dân chủ, tàn bạo, lừa bịp, dối trá ; về những hiện tượng lưu manh, hãnh tiến. Trong bút ký của tôi, tôi đã nói nhiều lần.

Trước 1945, xã hội ta có một bộ máy của thực dân phong kiến có đủ các đặc điểm của sự tàn bạo, dã man, của sự vơ vét, bóc lột và xa hoa hưởng thụ, của sự lừa bịp, dối trá, thủ đoạn đều giả.

Tôi “trọn tuổi xuân hiến dâng cuồng nhiệt” để tham gia đập tan bộ máy đó và tích cực tham gia xây dựng bộ máy mới, mà ngày nay ta gọi là “của dân, do dân, vì dân”, có những nét đẹp như trong những ngày đầu sau cách mạng tháng Tám 1945 và một xã hội, mọi người thương yêu nhau, tôn trọng nhau. Tôi đã mơ ước những nét đẹp ấy sẽ được mở rộng và nâng cao tạo nên một xã hội lý tưởng.

Nhưng rồi.....

Cái không giống với mơ ước thì nhiều và những cái giống với cái đã được đánh đổ thì lại càng ngày càng nhiều.

Và những gì trước đây ta khinh bỉ, chửi rủa và chống phá thì ngày nay những cái đó lại xuất hiện nhiều và ngày càng nâng cao.

Như vậy là ta lại xây nên chính cái mà ta đã đập tan. Ta đã làm cho xã hội hiện nay lại có đủ các đặc điểm của bộ máy ta đã đập tan, của cái xã hội ta đã phá bỏ.



Bộ máy cai trị bây giờ ngày đêm chỉ lo xây dựng bộ máy tuyên truyền, lo cổ động rầm rộ, dùng những “lưỡi gổ” xây dựng và truyền lan các thứ “lý luận” “nói lấy được”, dùng mọi thủ đoạn lừa bịp, dối trá, nguy biện để nhằm một mục đích duy nhất là duy trì và giữ vững bộ máy cai trị mà họ gọi là “sự lãnh đạo của Đảng”. Suốt năm suốt tháng họ tổ chức đủ thứ đại hội, kỷ niệm, lễ hội... để làm cho mọi người đều thấy đang sống trên những thắng lợi, và mọi thắng lợi từ trước đến nay đều do bộ máy này tạo nên, dân phải biết ơn bộ máy này. Tất cả những ý nghĩ, tư tưởng chệch chút ít so với tư tưởng chính thống đều bị kết tội “chống đối” nặng nề.

Do đó, ***trong thực tế bộ máy này là bộ máy phá dân chủ, phá dân chủ một cách trắng trợn, tinh vi và tàn bạo.***



5.2.2001

Như thế là tôi cũng như anh, ta đứng trước một sự biến động, một sự biến chuyển và biến dạng, là một Đảng từ một tổ chức gồm những con người chịu hy sinh gian khổ, phấn đấu để đập tan một bộ máy thống trị gian ác, giải phóng nhân dân, rồi sau khi đập tan được bộ máy ấy thì lại trở thành một bộ máy cai trị, thống trị nhân dân. Nói thật gọn, là từ người giải phóng biến thành kẻ thống trị. Khi là người giải phóng thì mọi nguyện vọng, mục tiêu, tâm lý và tình cảm là của người giải phóng, và khi là kẻ thống trị thì sẽ có đầy đủ nguyện vọng, mục tiêu, tình cảm và tâm lý của kẻ thống trị. Đó là “cổ giữ vững địa vị thống trị của mình”, tình hình ấy hình như không phải của riêng Việt Nam. Đó là một biến chuyển tất yếu. Xem ra không ai cố ý, không ai có ý kiến trong việc này, không ai (kể cả những người chủ chốt) tự giác được trong quá trình chuyển biến này, tất cả đều bị cuốn vào sự vận hành của một cỗ máy khổng lồ.

Vậy đâu là nguồn gốc của sự biến chuyển này. Có thể nói sự chuyển biến này có nhiều nguồn gốc :

Có nguồn gốc thứ nhất là từ ở những học thuyết.

Rõ nhất là học thuyết về đấu tranh giai cấp và chuyên chính vô sản. Học thuyết này được người vận dụng nó đưa tới những chủ nghĩa kinh khủng như chủ nghĩa thành phần, chủ nghĩa công nông, chủ nghĩa lý lịch... Các thứ chủ nghĩa ấy làm cho học thuyết giai cấp bị méo mó thành bất nhân bất nghĩa. Ta có thể tin một cách chắc chắn rằng nếu Marx và Lenin (là những trí thức lớn) còn sống đến bây giờ thì các ông tổ đó cũng không thể chấp nhận các thứ chủ nghĩa “vô học” đó.

Học thuyết ấy bị méo mó ngày càng lớn, càng cực đoan, nó thành ra kiểu Mao-ít, cao hơn nữa là kiểu Pôn Pốt và trở thành những tội phạm ghê tởm của loài người.

May mà Việt Nam ta chưa đi tới chỗ đó.

Còn nhiều vấn đề học thuyết khác, nhiều cách lý giải những khái niệm không theo kịp sự biến đổi tiến bộ của nhân loại, vì không theo kịp mà thành ra sai lầm, thiếu sót. Những khái niệm cơ bản như lao động, bóc lột, sở hữu... cứ bị quan niệm như cũ, như thế tất phải đưa tới những cách xử lý cứng nhắc, không đúng và nhiều tai hại. Phải thấy rõ rằng những đầu óc giáo điều đáng ghê tởm biết là chừng nào !

Về nguyên lý tổ chức của Đảng.

Khi cần tổ chức Đảng thành một Đảng chiến đấu thì cần có những nguyên lý tổ chức thích hợp với hoàn cảnh chiến tranh và cách mạng. Những nguyên lý ấy không thể thích hợp với thời hoà bình xây dựng. Nhưng khôn thay, vẫn không có sự phân tích lại để điều chỉnh cho hợp lý. Vì vậy Đảng cộng sản Việt Nam vẫn cứ như mắc trong mớ bong bóng những mâu thuẫn khi đề ra yêu cầu cho đảng viên của Đảng : lúc thì đảng viên phải làm giàu để làm gương cho mọi người, và cũng để bảo đảm cho cuộc sống gia đình, lúc thì lại cấm đảng viên làm kinh tế tư nhân. Cho nên có những đảng viên làm kinh tế đã phải thốt lên : “ Tôi phải ra khỏi Đảng thôi ”. Cái kiểu gò bó bảo thủ, giáo điều tạo nên một lớp người khá đông đảo chỉ biết “ **ngu trung** ” (nghĩa là trung thành một cách ngu xuẩn), mất hết óc xét đoán để tìm hiểu thực tiễn đời sống mới đang tiến triển mạnh mẽ, làm cho cả Đảng bị rơi vào trạng thái tê liệt, tư duy ngày càng xa cuộc sống và do đó càng xa dân.

Xa dân mà lại cai trị dân thì ngày càng đối lập với dân.

Nguồn gốc thứ hai của tình hình biến đổi xã hội, đó là vai trò của những người có trách nhiệm chủ chốt.

Những người này càng về sau càng là những người ít học, lại ít được bồi dưỡng, thành ra những người thô sơ đơn giản. Những người đó có trách nhiệm lớn, nhưng lại mang đủ trong mình những tính chất tiêu cực của người bình thường : hám lợi, hám danh, thích quyền, ích kỷ vv... Vì thế, họ trở thành thủ phạm của mọi tội lỗi : đốt nát, quan liêu, tham nhũng, mất đoàn kết, bè phái. Đó là những tội không sao xoá bỏ được, chỉ có ngày càng nặng thêm, và kết cục là toàn bộ cơ chế quyền lực không có một sức mạnh nào làm phanh hãm và giám sát nó. Sức mạnh giám sát ấy chỉ có thể là sức mạnh của một chế độ dân chủ. **Dân chủ phải là vấn đề của một chế độ**, chứ không phải chỉ là mấy cái công tác lật vật như “ dân chủ cơ sở ”, “ lấy ý kiến việc nọ việc kia ”, “ ghi điều nọ điều kia vào Hiến pháp, nghị quyết và luật pháp ” v. v. ...

Ta không thể mơ tưởng có những ông Thánh để thực hiện những học thuyết và nguyên lý. Rút cục thì vẫn là những con người trần tục phải thực hiện các học thuyết ấy, mà con người trần tục thì có đầy đủ những “ cái trần tục ”, làm hỏng học thuyết. Phải có một chế độ, một cơ chế, một chiến lược dân chủ, có tác dụng hạn chế các tệ nạn quan liêu độc đoán và tùy tiện.

Sự vận dụng các nguyên lý của học thuyết và của tổ chức, tùy thuộc vào cá tính của những con người chủ chốt. Người lãnh đạo như Hồ Chí Minh vận dụng các nguyên lý của học thuyết và nguyên tắc tổ chức có lẽ sẽ mang lại những hệ quả kém xấu hơn. Ngược lại những người không đủ trình độ và

hiều ham muốn cá nhân sẽ đưa đến những hậu quả ngày càng tệ hại.

Nguồn gốc là ở trình độ cộng với lòng ham muốn quyền và lợi của cá nhân, hai cái đó có lẽ là nguyên nhân quan trọng nhất.

Những tình trạng yếu kém và khuyết điểm trong quản lý, cai trị và tình trạng xã hội không tốt đẹp. Không thể tìm nguyên nhân gần được, mà phải tìm từ nguồn gốc xa, ở chỗ **Đảng đã xây dựng nên một thể chế phản dân chủ và trọng quyền lực**. Những câu chữ tốt đẹp như “ nhà nước của dân, vì dân, do dân ” và “ cán bộ nhà nước phải là đầy tớ trung thành của nhân dân ” chỉ còn là những câu nói mịa mai, những cái màn mỏng manh che giấu các thói hám quyền tham lợi, chia chác và giành giật nhau ghế ngồi và danh vị.

Thật ra, cuộc cách mạng với những lý tưởng cao đẹp của nó đã bị phản bội. Trotsky là người đã nhận ra điều này ở Liên xô từ năm 1936. Tôi cũng dần dần thấy ra điều này từ vài chục năm nay.

Tôi không thể trung thành với sự biến dạng này.

Tôi vẫn cầu mong Đảng này tự phê bình mà nhận ra sự thật. Như thế tốt cho Đảng, và quan trọng hơn là tốt cho đất nước. Nhưng tôi lại cũng thấy rằng cái Đảng này, với thể chế và trình độ của nó hiện nay, không thể, không dám, và không muốn tự phê bình. Cuộc vận động chỉnh đốn Đảng có tự phê bình chỉ là một sự “ gãi ghe ” thôi.

Tôi không thể không trung thành với lý tưởng tốt đẹp của thời tuổi trẻ, thời Đảng là người giải phóng. Phải chăng quy luật của lịch sử các triều đại là cứ lúc bắt đầu thì nhiều tốt đẹp, tiến bộ thông minh, sáng suốt ? Thế rồi có những thắng lợi được ca ngợi nhưng dần dần cứ sa sút, kém cỏi, dốt nát, sa đoạ, xuống cấp dần, đi đến phản bội.

Cái triều đại Đảng cộng sản này cũng đang thể chẳng ? Đảng cộng sản cứ để mình bị sa vào cái quy luật suy thoái ấy hay muốn cứu mình thoát khỏi sự suy thoái ?

Ngày nay Đảng này muốn bước ra khỏi con đường phản bội cách mạng thì phải :

1. Xác định cho đúng vị trí khiêm tốn của mình là một bộ phận của dân tộc, thực hiện lãnh đạo đất nước bằng cách tôn trọng tất cả mọi người, nhất là những người trí thức, những người tài năng có chính kiến độc lập.

2. Phải thực hiện đúng Hiến pháp, thực thi đầy đủ các quyền dân chủ, đặc biệt là dân chủ về tự do ngôn luận và tự do bầu cử, nhân dân được tự do làm ăn.

3. Phải để cho mọi tổ chức, từ Chính phủ, Quốc hội, Toà án, cho đến các tổ chức xã hội như Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức của nó có quyền độc lập quyết định những vấn đề và hoạt động của mình. Phải để cho công dân, nhất là thanh niên, được suy nghĩ độc lập, có tư cách độc lập. Muốn thế phải xoá bỏ quyền lực của cơ quan tư tưởng và văn hoá của Đảng, thu hẹp quy mô, ảnh hưởng và định chức năng rõ rệt của các lực lượng Công an.

Nhà nước phải được chỉnh huấn về tư tưởng và tác phong “ đầy tớ của nhân dân ”.

Đảng phải tách khỏi nhà nước, không làm những việc thay cho nhà nước, thay Chính phủ, Quốc hội phải được thành lập bởi những người thực sự có đức, có tài và do dân thực sự lựa

chọn vô tư, không có bất cứ sự “ sắp xếp ” và “ hiệp thương ” nào.

4. Cụ thể là phải sửa ngay Luật báo chí, xuất bản, công nhận quyền có báo và xuất bản tư nhân. Các báo chí có quyền độc lập của mình, không chịu sự “ chỉ đạo ” và kiểm soát của bất cứ cơ quan nào.

21.2.2001

Đúng như anh nói, tôi có một quãng đời tươi đẹp, sống với những lý tưởng cao thượng, tốt đẹp và ở trong một Đảng cũng rất cao đẹp.

Và tôi mong muốn cho những cao đẹp đó cứ tiếp tục mãi mãi và ngày càng cao lên.

Nhưng thực tiễn cuộc sống lại diễn ra ngược lại.

Đảng cộng sản từ một Đảng người-giải-phóng đã trở thành một Đảng cai trị, thực hiện một nền thống trị không dân chủ và phản dân chủ. Đảng thực hiện độc tài và toàn trị. Đảng thực hiện đúng cái mà Đảng đã từng phê phán, đó là chế độ Đảng trị. Có người không thích chữ Đảng trị, nhưng chữ đó chỉ là phản ánh và diễn tả đúng cái thực trạng mà Đảng đã tạo ra, không hơn không kém.

Đảng đang thực hiện một nền thống trị khe khắt, kiểm tra từng người trong toàn xã hội, kiểm soát và can thiệp mọi chi tiết trong cuộc sống của xã hội, và điều dã man và tàn bạo nhất là độc tài về ý thức hệ. Bất cứ một khác biệt nào đều bị quy vào là chống đối, là phản động, là tội phạm. Hệ quả của chế độ này là trong xã hội không ai dám nói khác, không ai dám có ý nghĩ khác, hoặc ít nhất thì dù có nghĩ một đảng cũng phải nói một nẻo. Như vậy, xã hội bao trùm một sự giả dối, lừa bịp, bao trùm một sự sợ hãi, bao trùm một sự tê liệt, về tư duy và cả về tình cảm. Đã có một xã hội và một chế độ, mà tôi biết có người đã khái quát (chưa thật đúng nhưng cũng không sai).

Lưu manh hoá xã hội

Bần cùng hoá nhân dân

Nô lệ hoá con người

Bình quân hoá cá tính.

Như vậy, văn hoá chỉ còn ngày càng tàn tạ và hư hỏng. Buồn thay ! Điều đó không chỉ có tai hại trước mắt, mà còn có tác hại làm suy thoái đời sống tinh thần của cả một dân tộc, một giống nòi.

Thực ra, chắc chắn giống nòi sẽ không để cho có sự sa sút và suy thoái ấy. Nhưng cái chế độ thống trị của Đảng cộng sản để ra hậu quả như thế. **Đảng không nhận ra điều này mà tự đổi mới, tự cách mạng, tôn trọng chế độ dân chủ và sinh hoạt dân chủ thì Đảng sẽ bị giống nòi và dân tộc loại trừ**, Đảng không thể cứ ngoan cố và đi sâu vào vũng lầy tội ác được. Đảng đã từng coi quyền lợi dân tộc và đất nước cao hơn sinh mệnh của mình, chính vì vậy mà Đảng làm cho dân tộc thất bại. Thế mà ngày nay, Đảng lại coi sinh mệnh và vai trò của mình quan trọng hơn cả sự phát triển của đất nước, hơn cả cuộc sống của nhân dân, hơn cả sự nghèo khổ và tụt hậu của đất nước. Chắc chắn là Đảng sẽ đi vào ngõ cụt của sự tàn lụi.

Tôi nhìn thấy rõ điều này, tôi lo và buồn cho Đảng nhiều. Đảng đã phản lại cả nguyên lý của Marx và của Lenin. Lenin

chuẩn bị cho nhà nước đi đến chỗ tiêu vong, để nhân dân tự tổ chức quản lý. Còn Đảng cộng sản Việt Nam thì ngày càng tăng cường mở rộng quyền lực của nhà nước và bó khuôn tất cả nhân dân vào khuôn phép và ý nghĩ của mình, làm cái việc triệt tiêu mọi sức sống tinh thần của xã hội.

Anh có chia sẻ với tôi nỗi buồn và lo ấy không ?

13.3.2001

Có người nói : Đảng là một dòng nước chảy, cái dòng nước Cách mạng Tháng 8 và kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ đã chảy ra biển Đông mất rồi. Giữa hai bờ của Đảng hiện nay là dòng nước khác, những người lớn tuổi chúng ta chỉ có thể trung thành với cái dòng nước “ ngày xưa ” ấy. Tôi thấy hình ảnh ấy khá đúng.

Tôi vẫn không ân hận gì về tuổi trẻ và lý tưởng của tuổi trẻ, tôi vẫn tự hào với lý tưởng đó và tôi thấy tôi vẫn trung thành với lý tưởng đó, cũng như tôi tự hào và trung thành với cái Đảng của thời xưa mà có người gọi là Đảng của Hồ Chí Minh. Tôi không phân vân chút nào với cái lòng trung thành và tự hào ấy. Tôi cho rằng bất kể sau này ai viết lịch sử Việt Nam thế nào cũng không thể không có những trang đẹp nói về quãng 30 năm và 70 năm ấy.

Còn ngày nay thì cứ phải trần trụi day dứt với hiện tình, không thể nào yên được.

Cũng có người trách tôi là sao không đưa ra được một đường hướng gì, có những biện pháp gì để khắc phục tình hình ngày nay mà đưa đất nước phát triển mạnh mẽ lên. Còn nói về những mất dân chủ và những tệ nạn khác thì mọi người biết cả rồi, mọi người đều “ biết rồi, khổ lắm, nói mãi ”.

Ai đó mà cứ mong có người nào đó đưa ra được một đường hướng và những biện pháp nào có hiệu lực ngay để tác động vào tình hình đất nước thì đó cũng là một điều ảo tưởng.

Tôi cũng đã được nghe và đọc nhiều những ý kiến đề nghị với Đại hội IX. Tôi thấy rất nhiều ý kiến hay, nhưng ngay như riêng tôi muốn chấp nhận một ý kiến nào cũng khó lắm. Mỗi ý kiến đều có những điều phải trao đổi lại.

Tôi vẫn mơ ước có một sinh hoạt dân chủ thực sự, gạt bỏ mọi cấm kỵ, mọi khuôn phép, bỏ qua những gì gọi là “ vấn đề nguyên tắc ” mà tổ chức nhiều cuộc hội thảo nghe hết những ý kiến ngược nhau rồi tổ chức tranh luận. Cuộc phát biểu và tranh luận phải được tổ chức trên các báo, phải cho xuất hiện những tờ báo độc lập có những cây bút độc lập đề xuất và tranh luận. Có những cuộc tranh luận công khai và độc lập trên truyền hình.

Làm như vậy để cả nước nghe, cả nước bộc lộ ý kiến của mình.

Tôi thấy rõ như bản thân tôi, tôi có nhiều nhận xét về tình hình, nhưng tôi thấy có những người có những nhận xét hay hơn tôi và tôi cũng thấy rõ có nhiều nhận xét khác nhau thì thế nào cũng tìm ra được một đường lối, một chiến lược cho đất nước đi lên, và chắc chắn nó sẽ hay hơn nhiều cái văn kiện Đại hội IX mà báo chí đang làm rùm beng.

Tôi tin là như thế, anh Lữ Phương ạ !

TRẦN ĐỘ

Địa vị Vũ Trọng Phụng trong văn học Việt Nam cận đại

Trương Tửu

Diễn Đàn : Năm nay, chúng ta kỉ niệm lần thứ 65 ngày Vũ Trọng Phụng từ trần (13.10.1939). Một cuộc đời ngắn ngủi (27 năm), một sự nghiệp văn học đồ sộ, độc đáo. Vậy mà chết rồi, ông còn bị « treo bút » trong suốt mấy chục năm như các nhà văn Nhân văn Giai phẩm. Mãi đến thời « đổi mới », Vũ mới được « phục hồi », tác phẩm mới bắt đầu được tái bản. Độc giả Việt Nam muốn đọc lại Vũ Trọng Phụng và ở thời điểm « kinh tế thị trường » và « hội nhập » ngày nay, với bao nhiêu Xuân Tóc Đỏ, Mìn Oong Mìn Đơ, Nghị Hách và Bà Phó Đoan của thời đại, người ta mong chờ một, hai, nhiều Vũ Trọng Phụng nữa.

Ở nước ngoài, phải đợi đến năm 2003, **Số Đỏ** mới được dịch ra tiếng Anh dưới ngòi bút của Peter Zinoman và Nguyễn Nguyệt Cẩm (Michigan University Press).

Để tưởng nhớ Vũ Trọng Phụng, Diễn Đàn đăng trong số này bài của Trương Tửu viết khi họ Vũ từ trần. Bài này được đăng trên tạp chí Tao Đàn (tháng 11.1939), một số đoạn bị chính quyền thực dân kiểm duyệt.

Vũ Trọng Phụng là một trong cái phiên lớp nhà văn bắt đầu thí nghiệm ngòi bút vào khoảng 1929-1930. Nhưng, khác hẳn các nhà văn đồng thời, ông không xu hướng về chủ nghĩa lãng mạn. Những cái êm đẹp của mây khói tình (Tản Đà), những cái ni non của *Giọt lệ thu* (Tuong Phổ), những mộng ảo não nùng của Tố-Tâm (Song An) và tất cả cái bếp núc văn chương của môn phái Từ Trầm Á không để lại một ấn tượng nào trong tâm hồn gai góc của Vũ Trọng Phụng. Tác giả *Chống nạng lên đường*, *Cạm bẫy người*, *Không một tiếng vang*, *Giống tổ...* không phải là kết quả của văn chương tiền bối. Ông là đứa con trực tiếp của cuộc đời. Tài nghệ ông không làm bằng sự bắt chước. Nó làm bằng kinh nghiệm cá nhân và nỗ lực cá nhân. Bởi vậy, trong đô thành văn học Việt nam hiện đại, ông giữ riêng một ngọn cờ mà chính tay ông đã dệt thành. Ông đã chiếm riêng được một ghế ngồi – ở góc tận cùng bên trái. Nghệ thuật tả chân phải nhận ông là một thần tử tiên phong và can đảm.

Được vậy là nhờ cái tính khí riêng, cái não trạng riêng, cái tài năng riêng, cái xu thế sáng tạo riêng của ông. Và tất cả những cái này bắt rễ ở cái vị trí xã hội của ông nó cắt đứt trong tâm hồn ông các thứ tình cảm có họ hàng với chủ nghĩa lãng mạn. Ông đã bị hoàn cảnh đúc thành một người thiết thực, thiết thực đến phũ phàng và tàn nhẫn. Muốn hiểu con người Vũ Trọng Phụng, muốn

hiểu văn chương Vũ Trọng Phụng, phải truy cứu đến ảnh hưởng quyết định của hoàn cảnh ấy.

*

Vũ Trọng Phụng sinh trưởng trong một gia đình nghèo và bỏ cha từ nhỏ. Không được hưởng cái ấm cúng của những gia đình phú quý, không được cái diễm phúc theo học ở các trường cao cấp như các con nhà phong lưu, ông mang nặng trong lòng từ lúc thiếu thời, toàn những căm hờn, thù ghét và buồn tủi. Lớn lên, ở cái độ tuổi mà người khác được thông dong học tập và đùa nghịch, ông phải lặn lội vào cuộc đời, đổi bát mồ hôi lấy bát cơm... Làm thư ký ở một hiệu buôn lớn của người Pháp..., lại làm thư ký ở một hiệu buôn lớn khác... cho đến lúc ông đoạn tuyệt với đời viên chức. Trong lúc mưu sinh, cái linh hồn ngây thơ của ông bị tẩm gội trong những hoàn cảnh phức tạp, ở đó sự va chạm bi đát và trào phúng của các hạng người thường diễn ra hàng ngày, hàng giờ, hàng phút - cùng với những cái gì có thể gọi là đối tộ cực điểm của các thứ phong tục và tâm lý hạ đẳng. Ông bị bắt buộc phải nhìn và hiểu cái thực trạng của thân thể mình và cái thực trạng của xã hội... Ông nhìn thấy rất những cái giả dối, những cái bẩn thỉu ở chỗ này bị che lấp dưới một màu sắc huy hoàng, ở chỗ kia bộc lộ một cách vô sỉ và bi ối. Chỗ nào ông cũng thấy mưu cơ xu nịnh, lừa đảo. Chỗ nào ông cũng thấy cá nhón vuốt cá bé, kẻ khoẻ đè kẻ yếu. Chỗ nào cũng có tội ác và truy lạc.

Ông ghê tởm. Tâm hồn ông không chịu được những cảnh đời ô trọc ấy. Cũng như tất cả các bạn trẻ trung lưu còn trong sạch, ông là một người yêu đời, thèm biết và mến chuộng công lý - nhất là mến chuộng công lý. Cuộc đời mà ông nhìn thấy mâu thuẫn hẳn với linh hồn ông. Và đã nhiều lần ông tê tái trước những cảnh trái mắt của xã hội. Ông già trước tuổi. Sự thực, cái sự thực vì nó mà ông sống và làm việc, sự thực đã cướp mất của ông cái trẻ trung tin cậy. Muốn thích hợp với hoàn cảnh để khỏi bị giạt mất bát cơm thường nhật, ông phải lấy một thái độ xù thế: thái độ bi quan và hoài nghi.

Dần dần, thái độ ấy, vì nó giúp ông sống và hiểu mâu thuẫn hơn tất cả, được ông nhận làm triết lý nhân sinh, được ông vun xới thành một não trạng bền chắc. Từ đó, ông nhìn đời, hiểu đời xét đời toàn theo não trạng bi quan và hoài nghi. Não trạng này chính thực ra, chỉ là cái biểu thị tự vệ của một lòng yêu đời nồng nàn và ngây dại. Quả vậy, ông bi quan nhưng không yếm thế, hoài nghi nhưng không tuyệt vọng. Trong cuộc sống cũng như trong văn chương, ông luôn luôn sốt sắng tìm phương thức sau khi trình bày bệnh căn của người đời. Ông còn tin ở sự tiến bộ, không phải cái tiến bộ điều tra của phong tục và pháp luật mà là cái tiến bộ luân lý của con người.

Tuy vậy, ở đời hay ở văn chương ông, cũng chỉ có cái não trạng kia được đem ra ứng dụng sáng suốt nhất, công phu nhất, nhiều nhất. Nó là căn bản tâm lý của người ông. Nó đã giúp ông nhìn rõ cái thực và cái trào phúng của cuộc đời. Nhưng nhìn thấy là một việc mà sống lại là một việc khác. Ông phải sống như trăm nghìn người khác. Và ông cũng phải tìm lối sống như họ. Ông thêm khí giới, thêm ánh sáng, thêm yên ổn, thêm tự do.

Ông phải đạt được cái thêm ấy. Đạt cho ông trước tiên rồi sau đạt cho các người cùng số kiếp.

Đã đi qua những tầng dưới của xã hội, đã nhìn thấy cái sống bi thảm của hạng người bị mệnh danh là tối hạ đẳng, ông kinh sợ tự biết không thể chịu nhận cái số kiếp trầm luân ấy được. Kinh sợ tức là đề phòng. Ông đề phòng cho ông, cho thân quyến ông rồi sau đề phòng cho các người cùng cảnh ngộ như ông, đề phòng sự rơi xuống tầng lớp cận bã của xã hội. Ông liền can đảm trình bày ra trước mắt mọi người cái đòi tiêu tụy trụy lạc của tầng lớp ấy. Ông làm phóng sự về con bạc, làm phóng sự về đĩ tở, làm phóng sự về gái điếm, làm phóng sự về mẹ tây. Ông viết ra bốn quyển kiệt tác : *Cạm bẫy người, Com thầy com cô, Lục si, Kỹ nghệ lấy tây*, - nền móng đầu tiên của nghệ thuật phóng sự trong văn giới Việt nam hiện đại. Viết bốn quyển ấy ông muốn lột trần cái hạ đẳng của xã hội. Trong các trang giấy đó, không có sự khinh bỉ, không có lòng thương hại, không có ý mỉa mai. Ngòi bút ông thật là khách quan và vô tư. Ông sợ cái đòi hạ đẳng ấy. Cái sợ này rất chính đáng. Ông đã thừa biết bọn người khốn nạn kia không bao giờ chờ được ở xã hội một cứu tế thiết thực. Đó là hạng người mà xã hội muốn tiêu trừ hơn là cứu vớt. Rơi xuống cái đẳng cấp ấy tức là trầm luân mãi kiếp và bị diệt vong... không để lại tiếng vang nào.

Ông không muốn thế, không muốn người đời bị như thế. Nhưng than ôi ! Mỗi ngày ông lại được thấy một người từ tế rơi xuống tầng lớp dưới. Ông biết nhiều việc đời quá ! Mỗi ngày ông gặp một thiếu nữ rơi xuống đời gái điếm, một thanh niên rơi xuống đời bài bạc, một người rơi xuống đời com thầy com cô hay đời trộm cướp. Ông rùng mình. Ông chăm chỉ tìm nguyên nhân của sự sa ngã ấy. Ông đã thấy. Eureka ! Đời ông, trí não ông, ý nguyện ông, ngòi bút ông liền nhập làm một sức mạnh để đứng dậy cứu vớt...

Ông nhận thấy rằng sự sa ngã kia có hai nguồn gốc chính. Một là hạng người giàu sang trong xã hội được đủ quyền để gây ra nó. Hai là hạng người đã lầm đường muốn theo gót bà giàu sang để đến nỗi chóng mặt té nhào. Cái giàu sang, ở mỗi thời, phát hiện ra một hình thức khác.

(Kiểm duyệt bỏ)

Vũ Trọng Phụng liền can đảm đứng ra chống phong trào lãng mạn, chống quyền lực của những kẻ giàu sang đầy tội lỗi. Ông công kích khiêu vũ, công kích y phục phụ nữ tân thời, công kích sự đi xe đạp của đàn bà, công kích các cuộc vui xã hội, công kích tự do luyện ái, công kích tự do kết hôn. Theo ý ông, trong tất cả những danh từ đẹp ấy, chỉ có tội ác và trụy lạc. Căm hờn, ở người Vũ Trọng Phụng, thành một ham mê. Tố giác thành một bổn phận. Che chở đạo đức, công lý, cao vọng, văn hoá... thành một sứ mệnh của Vũ Trọng Phụng. Với tâm hồn căm hận này, ông tự thấy ngòi bút không thể vô tư được nữa. Ông liền bỏ địa hạt phóng sự, nhảy sang phạm vi tiểu thuyết, để sống các vai trò và cũng để tiết hết cái hăm hực của ông.

Cái căm hờn của Vũ Trọng Phụng là cái căm hờn của tất cả lương gia tử đệ bất bình với sự hỗn loạn thê thảm của xã hội hiện thời. Tố giác là tâm lý chung của họ. Và

nghệ thuật tả chân đã được họ dùng làm khí giới độc nhất để tiết lộ cái căm hờn của họ. Vũ Trọng Phụng đã nhân danh cái tầng lớp xã hội phần uất ấy, phát ngọn cờ tả chân trên văn đàn hiện đại. Cho nên văn chương Vũ Trọng Phụng đầy những tố cáo, đầy những căm hờn, đầy những trả thù (*Giông tố, Làm đĩ, Số đỏ, Trúng số độc đắc*), đầy những ý định phá hoại. Văn chương ấy không thể làm bằng ảo tưởng và mơ mộng. Nó chỉ làm bằng sự thực, toàn sự thực - sự thực ghê tởm, sự thực kinh khủng.

(Kiểm duyệt bỏ)

Phải tố giác, tố giác và tố giác. Sự căm hờn giúp ông nhìn rõ. Ý định tố giác bắt ông nhìn đúng. Ông đã nhìn rõ, ông đã nhìn đúng. Ông phải nói toạc móng heo sự thực ra. Cho nên văn chương Vũ Trọng Phụng sắc mùi tiêu ớt. Nó ăn các ảo tưởng, ăn các mơ mộng, ăn các lưỡng lự - như át xít ăn các thớ thịt lẻo xẻo và lem lém. Nó thực một cách ma quỷ. Ông viết « *Giông tố* », viết « *Làm đĩ* », viết « *Số đỏ* », viết « *Trúng số độc đắc* », hai cái tiểu thuyết tả chân đến tàn ác, hai cái tiểu thuyết trào phúng đến chua xót. Ông viết truyện ngắn thì là « *Hàm răng vàng* » ; ông viết kịch thì là « *Không một tiếng vang* ». Ông dịch sách thì là quyển kịch *Lucrece Borgia* của V. Hugo - một tích truyện đầy dâm loạn và giết chóc.

Viết để tố giác, viết để trả thù cho công lý, viết để làm hết bốn phận đối với lương tâm, viết để chống đỡ con nhà lương gia đệ tử khỏi sa ngã xuống trầm luân và tội ác ; đó là tất cả chí nguyện Vũ Trọng Phụng.

*

Nhưng ông đã đứng ở vị trí nào để làm những việc nói trên ? Chỗ này ta lại càng thấy Vũ Trọng Phụng là ý thức trung thành của bọn người gọi là lương gia tử đệ. Ông đã đứng trên lập trường bảo thủ để quan sát và hành động bằng ngòi bút. Ông bảo thủ về các phương diện nhất là phương diện luân lý. Ông không nhìn rõ được các triển vọng của luật tiến bộ. Ông chỉ nhìn có hiện tại, ông tự giam ông trong hiện tại và có khuynh hướng nhảy một bước lùi. Đó là kết quả của não trạng bi quan và hoài nghi. Đó cũng là kết quả của một quan niệm xã hội học eo hẹp và sai lầm. Bởi vậy, ông tin rằng sự sa ngã là ảnh hưởng của các phong tục tư sản. Ông quên rằng còn có những cội rễ của các phong tục ấy. Phong tục, luân lý chỉ là phản ảnh của những nền móng khác cụ thể hơn.

Dù sao mặc lòng, những quan niệm của ông nếu không ích gì cho giai cấp ông thì cũng đã làm lợi rất nhiều cho văn học nước nhà. Chính những quan niệm hẹp hòi ấy lại càng làm sắc mắc thêm trí quan sát đã tinh tế của ông. Cũng như Balzac đã theo đạo Gia tô, theo chủ nghĩa bảo hoàng mà vẫn nhìn đúng cái đương thời của ông, Vũ Trọng Phụng bảo thủ về luân lý, cũng vẫn trông rõ hiện trạng xã hội, nhất là cái hiện trạng nguy kịch của con nhà từ tế. Long trong « *Giông tố* », Huyền trong « *Làm đĩ* » đã hình dung rõ rệt cái hiện tượng ấy.

« Từ một anh hàn sĩ đầy lòng thương đời ghét cay ghét độc những cái xa hoa vật chất và căm hờn sự vô tình của bọn trưởng giả đối với nỗi giống, Long đã trở nên một kẻ hư hỏng có tư cách con nhà phá

của đem tuổi thanh xuân ra miệt mài trong các cao lầu từu quán. Cái tâm hồn trong sạch, cái chí khí cao cả, những tư tưởng hy sinh cho nòi giống đã đầu mất cả ! Ngày nay, Long cũng đã hoá ra người ích kỷ, khốn nạn... mà vì lẽ gì, Long nào có hiểu ! Long hình như không phải chịu trách nhiệm những cử chỉ của mình. Long đã bị hoàn cảnh sai khiến. Có một tâm hồn vững chãi, mấy ai mà có được ! Mấy ai là chống chọi nổi với hoàn cảnh ? Thật vậy, sự phù hoa giả dối của một xã hội chỉ trọng những cái bề ngoài, một nền luân lý ích kỷ, sự tín ngưỡng thế lực hoàng kim... đã làm hại tâm thuật người đời » (*Giông tố*, trang 248-249).

Đó là về phần con trai, còn về phần con gái :

« Em đương yên hưởng lạc thú gia đình... thì cuộc đời mới của xã hội này đem cái ảnh hưởng xấu đến khuấy rối mất cái phần đức hạnh của em... Hồi ấy, một trận cuồng phong dữ dội thổi đến xã hội ta. Cái phong trào vật chất đến với ta bằng những danh từ điều trá : tiến bộ, duy tân, tân sinh hoạt... nó có một sức mâu nhiệm là lường gạt nổi hầu hết mọi người. Một trật tự của một xã hội thuần tuý trọng tinh thần đã bị vật chất đảo ngược cả... Những ai không nhắm mắt chạy theo vật chất đều bị gọi là gàn, là hủ... Thanh niên không còn lý tưởng nào mà thờ nếu không công nhận lý tưởng vật chất... Ở những nơi thành thị, chỗ nào cũng có tiếng gọi của xác thịt, cũng có sức cám dỗ của dâm thần... Khi nhắm mắt theo cuộc đời mới, em vẫn tưởng thế là hợp thời, là văn minh. Kịp đến lúc tỉnh ngộ thì đã muộn quá rồi. Đến lúc biết mình lầm thì đã... làm đi » (*Làm đi*, trang 87,88,89).

Thật là rõ ! Thật là sáng như ban ngày.

(*Kiểm duyệt bỏ*)

Với ngòi bút tả chân bén như dao, ông Vũ Trọng Phụng đã khắc cái truy lạc ấy vào những trang tiểu thuyết để cảnh cáo mọi người. Đời ông là một hành vi tốt. Ông đã liên kết với cái lo sợ của những người đạo đức để bài trừ một hiểm họa. Nhưng khác mấy nhà đạo đức kia (kiểu Thái Phi) ông đã dùng nghệ thuật tả chân chứ không dùng phương pháp giảng dạy luân lý suông. Vũ Trọng Phụng đã xứng với nhiệm vụ mình. Ông đáng cho ta yêu mến và kỷ niệm.

Tóm lại. Vũ Trọng Phụng tượng hình một giác ngộ tiêu cực của bọn lương gia tử đệ. Ông biết rõ hơn ai hết những cái không theo nên tin của giai cấp ấy. Gần đây ông đã có xu hướng về chủ nghĩa xã hội. Tiếc thay ! giữa lúc tâm hồn ông và ngòi bút ông sắp đưa văn nghiệp ông lên một địa vị đẹp đẽ hơn, xứng đáng hơn, thì từ thần cướp mất ông đi. Mắt ông, văn học Việt Nam mất hẳn một đặc sắc, một chiến sĩ tiên phong và can đảm. Cái ngậm ngùi của văn giới, của bầu bạn, của họ hàng quyến thuộc không đủ rửa cái hận to lớn của người khuất bóng - con người yêu sống mà phải chết sớm, ưa chiến đấu mà phải vắng mặt, khao khát công lý mà phải nhắm mắt.

Trương Tửu
(Novembre 1939)

Tản mạn về đại học Mỹ

Nguyễn Lộc

Bây giờ là khoảng thời gian các bố mẹ có con chuẩn bị xin học đại học ở Mỹ bận rộn và quan tâm về một số khía cạnh của đại học Mỹ, xin ghi ra đây đôi điều vụn vặt, thu lượm được qua kinh nghiệm riêng. Tôi không nhằm chứng minh một luận điểm gì, cho nên xin tản mạn, nhớ việc gì thì ghi việc ấy.

Công và Tư : Nói đến "public university", tôi xin lấy California làm thí dụ ; nơi khác có thể giống đôi chỗ, khác nhiều chỗ, tôi không có ý khái quát kinh nghiệm California hoàn toàn.

Cali có ba cấp đại học "public" : Viện đại học (University of) California (UC), Calif. State University System (CSU) và các Community Colleges (CC). Sự khác biệt giữa ba cấp thì rất phong phú, không thể nói đầy đủ ở đây, chỉ xin nêu vài nét :

UC : đa số là các trường uy tín, lâu năm ; thường kén chọn học sinh hơn ; cấp bằng : Bachelor, Master's, Ph.D ; có các trường chuyên nghiệp (professional) như : y, dược, nha, luật, quản trị, kiến trúc. Còn là những trung tâm nghiên cứu. Các trường hay được nói đến : UC Berkeley (còn gọi là Cal), UC San Francisco (UCSF), UC San Diego (UCSD), UC Davis, UC Los Angeles (UCLA), UC Santa Barbara, UC Santa Cruz ; tương đối mới hơn : UC Irvine (UCI), UC Riverside (UCR) và UC Merced (mới nhất) ...

CSU : hệ các trường thu hút phần lớn sinh viên đại học 4 năm của Cali. Cấp bằng Bachelor là chính, một số bằng Master's. Tuyển sinh với điều kiện tương đối "nhẹ" hơn UC. Các trường lớn nằm ở San José, Los Angeles, Long Beach, Fullerton,... Hai trường trong hệ thống, lại có tên là California State Polytechnic U. nằm ở San Luis Obispo (giữa Cali) và Pomona (Nam Cali). Có thể nói (không có số liệu thống kê) nhóm các trường CSU cung ứng một số lượng đáng kể chuyên viên, kỹ sư, cô thầy giáo,... cho xã hội. Một số người tốt nghiệp khác tiếp tục học thêm lên cao (qua hệ thống UC và nhiều đường khác nhau).

CC : Hệ các trường cộng đồng, học trình hai năm, cấp bằng Associate's ; điều kiện nhập học dễ. Cung cấp một phần sinh viên các năm sau cho CSU và UC. Có cả các lớp chuyên ngành chuẩn bị người đi làm trong nhiều nghề khác nhau. Càng ngày, các UC càng có khuynh hướng khuyến khích ứng viên của UC hoàn tất hai năm học đầu ở các CC, một phần nào vì các trường UC không thu nhận hết số sinh viên xin theo học. Một vài CC ở Cali được chuộng hơn trường khác, vì sinh viên của họ xin chuyển sang UC thuận lợi hơn (Nói khác hơn, không phải các CC đều sinh ra bình đẳng).

Tôi không đi vào các loại Continuing Education, Extension,... cũng thu hút khá nhiều người (lớn) theo học các lớp ngoài giờ (chiều, tối, cuối tuần).

Về học phí – vâng tất cả các Public schools này đều thu phí –, CC là "nhẹ nhàng" hơn cả, CSU cao hơn (vài nghìn đô-la một niên khóa – ~9 tháng), UC nặng kí hơn (6000 – 7000/NK cho cấp 4 năm đại học). Các trường chuyên ngành (y, luật,...) UC chém mạnh hơn nhiều; học luật ở Cal có thể phải đóng đến khoảng 16,000/NK. Đó là phí dành cho diện "cư dân của tiểu bang" (state resident – có một thời gian cư trú tối thiểu ở tiểu bang, tức bố mẹ có đóng thuế tại đó).

Sinh viên đến từ nơi khác, kể cả sinh viên nước ngoài, đóng tiền khá nặng. Thí dụ, vào "Cal" thì họ đóng tiền cũng không sai biệt hơn vào các "trường tư" là bao nhiêu. Để học xong Master's ở CSU Fullerton, một du học sinh phải nộp phí tổng cộng khoảng 15,000 đô. Do đó, nhân dịp "thu hút nhân tài", các đại học cũng thu hút thêm chút tài chính. Gần đây, do "an ninh quốc gia", số sinh viên nước ngoài có bị giảm, vài trường cũng hơi bị tiếc (khi các nhà giáo dục chịu hạ mình xuống nhìn tới "kết toán chi thu" vào hàng năm).

[Gần đây, UCLA lên tiếng than vãn rằng, do thu phí thấp, ngân sách không đủ mạnh để mời thuê các giáo sư giỏi về giảng dạy và làm nghiên cứu. Cho nên, trường hi vọng là trong mấy năm tới sẽ có cơ hội tăng phí lên khoảng 50%. Vài năm qua, chuyện tăng học phí "trường công" là chuyện phổ biến, không riêng cho California.]

Như vậy, một "công dân Cali" như tôi, nếu "may mắn" có con "giỏi đủ" để xin và được nhận vào Cal, hàng năm có thể chỉ khoảng từ 17,000 đến 20,000 đô-la, cho mọi phí tổn. Nếu cô chiêu, cậu ấm chịu học gần nhà, ăn nhờ ở đậu bố mẹ (= chấp nhận chuyên chế) thêm vài năm, thì tiết kiệm được cho bố mẹ 5,7 nghìn. Nếu học CSU, và ăn cơm mẹ nấu, ngủ nán lại trong phòng mình (cho Mẹ đỡ nhớ), thì có thể tốn chừng 5,000/năm. Học CC hai năm, xong xin vào CSU hay UC thì tiết kiệm khá nhiều. Nhưng, khi xin (cho con) đi học, phí tổn chỉ là một yếu tố.

Phải nói thật, cầm cái bằng BS của CSU, và cái BS của UCLA, rồi cái BS của một "trường tư" như California Institute of Technology (CalTech, Pasadena), hoặc Stanford (Cali) hay Yale, cùng đi tìm việc, thì với "thói tục" (lạc hậu ??) của xã hội, hình như người cầm tấm giấy lộn ấy cũng có bị "đôi xử phân biệt". Hóa cho nên, nếu con học khá và cha mẹ còn "gồng" lên được, thì không ít cha mẹ lại chen nhau xin cho con vào ba cái "trường tư" như : MIT. Harvard, Yale (của cả Bush lẫn Kerry), Princeton, Columbia, Cornell,... Hay "trường công" của NewYork (và đóng tiền non-resident, vì "ở quê ra"). Có kiểu nói đùa ở đây, đối với các bà mẹ ông bố Đài Loan, Đại Hàn, Ấn Độ, (và phần nào) Việt Nam : Mĩ chỉ có vài trường đại học thôi, đó là MIT, Harvard, Yale, Stanford và bết hạng là (public school) Berkeley. Còn lại là ... không phải đại học. Cũng là chuyện "best buy" (?) trong giáo dục cả mà.

Nói chung, có tiền để học nổi một trường tốt vẫn là một "vấn nạn". Số người thật giỏi và có điều kiện (đôi khi là "hoàn cảnh") để được học bổng cũng khá đông, nhưng vẫn thiếu số. (Xin chú ý : Tài trợ của các đại học cũng nhiều loại, từ học bổng (cho không) cho đến vay nợ. Nhiều sinh viên vay nợ – lãi tương đối nhẹ).

Các trường "tư" ở Cali cũng không ít, từ những trường "lớn", "đanh giá" như CalTech, Stanford, USC,... còn có nhiều trường "nhỏ" ít người biết hơn, nhưng lại rất "đắt tiền", dành cho những người thật kén chọn, hoặc (bố mẹ) có nhiều tiền. Sau hết là rất nhiều trường "tư" chuyên môn (công nghệ, mỹ thuật, nghệ thuật,...), cũng có thể cấp đến Master's. Một số có thể chỉ là các trường "distant learning". Và sẽ không thiếu các trường chuyên cấp bằng mà khỏi cần học cho mệt. Một vài ông bà hải ngoại, hình như đột nhiên thành GSTS cũng nhờ nền giáo dục *học đại* này. Đây cũng là khúc ruột ngoài nghìn dặm của một mô GSTS trong nước chẳng ? Chỉ dấu của sự thống nhất tư tưởng.

Tôi nói dài dòng về trường, đôi lúc còn nói tới "đanh giá" các trường. Tuy nhiên, không phải ở đâu và lúc nào chuyện ấy cũng đeo đẳng người đi học. Học hành lom côm, bỏ học, ra đi làm thợ đã lâu, tôi dần dà "tiếp thu" một số cách nhìn và cách nghĩ phổ biến trong sinh hoạt nghề nghiệp của mình. Cũng xin thành thật khai báo cho vui.

Ngành Information Technology (IT) như cách gọi bây giờ, hai mươi ba mươi năm trước là một ngành mới, nếu nhìn từ phía ứng dụng xã hội của nó. Hồi đó, người ta hay gọi nó là data processing (DP – xử lí dữ liệu). Ở bước phôi thai của một chuyên ngành, số người hành nghề DP rất là đa tạp. Nhìn một tập thể làm DP ta sẽ gặp hăm bà lằng lằng mọi thứ "background" (từ người vốn làm thư kí văn phòng, học văn chương, nhà thơ (!), kĩ sư cơ khí, kĩ sư hóa, sinh học, giáo viên, nhà buôn lỗ vắn, và khá nhiều người học toán. Quên, triết và tâm lí nữa. Tôi có "duyên", làm việc một thời gian với một anh chàng tốt nghiệp tiến sĩ toán ứng dụng ở CalTech, một tay cực kì thông minh, làm việc với ông ta hơi bị khó. Ông ấy thích chứng minh một công việc là "có lời giải", hơn là đưa ra lời giải.

Làm việc với nhau một lúc, không ai "truy tầm" lí lịch (trích ngang hoặc đọc) của nhau về chuyện bằng cấp, học hành. Tuy tâm tính, sở nguyện, tài và tài vật, ... mỗi người leo vào chỗ ngồi của mình. Anh chị nào làm tốt chức năng, hoặc có tài riêng gì đó, thì sống còn. Ai lơ mơ thì vắng ra, bay vào quỹ đạo một ngành nghề khác. Hay trở về đi học làm luật sư, lấy bằng tiến sĩ, học làm đầu bếp, hoặc hành nghề tự do như đi bán hotdog, bong bóng, v.v. Bỏ học ngang mà... thành Biu Ghét là hiếm, nhưng gương sáng vẫn ngời ngời. "Hèn" hơn Biu một chút, phải nói tới cậu Dell. Có thể nhờ đó thiên hạ cũng đỡ mê bằng cấp (hơn mê làm giàu). Đỡ, nhưng chưa khỏi bệnh hoàn toàn.

Trong một xã hội mà người ta có thể bán được thực tài, kiếm sống được bằng cách thoả mãn một nhu cầu tài nguyên lao động nào đó của xã hội, cái chuyện yêu bằng cấp, thờ bằng cấp, và nghĩ cách "ngồi" trên cái bằng cấp cao của mình, nó cũng nhạt dần. Thương các cụ, các bác, các anh chị, các cháu ở VN, cho đến nay chuyện bán bằng cấp vẫn là một loại hình mưu sinh, cho nên vẫn cứ phải quanh quẩn, vướng víu trong khuôn khổ mấy tờ giấy.

Ước chi, khi nói tới giáo dục, người ta cũng nói tới... thợ. Nhưng trong cõi mịt mù của bằng cấp và học thuật ở quê nhà, tôi thấy mơ ước của mình (tuy không cao nhưng) sao mà xa (lạ) quá !

Nguyễn Lộc

Gần Xa, Sagan

Đặng Tiến



Nữ văn hào Pháp Françoise Sagan, tên thật là Quoirez, đã qua đời ngày 24 tháng 9-2004, tại bệnh viện Honfleur, hưởng thọ 69 tuổi, sau mấy ngày nhập viện vì nghẹt đường hô hấp. Nguồn tin, không đáng ngạc nhiên, vẫn gây bất ngờ và xao xuyến trong dư luận Pháp và giới văn học thế giới. Báo giới Pháp, nhất là các tạp chí, đã dành cho bà nhiều trang tường niệm thắm thiết, chứng tỏ tình cảm thiết tha của quần chúng đối với một nhà văn, không thuộc vào hàng chủ đạo hoặc thời thượng. Nhiệt tình quần chúng là do cuộc đời sôi nổi của Françoise Sagan, lúc nào cũng chân thành và trong sáng.

Bà sinh trong một gia đình trường giả, ngày "đoan ngo" 21.6.1935, tại làng Cajarc, tỉnh Lot, và đã được đưa về an táng gần đây. Bà đã thành danh rất sớm với tiểu thuyết ngắn *Buồn Ở Bất Tay* (**Bonjour Tristesse**) viết năm 17 tuổi, trong bảy tuần lễ, được nhà Julliard xuất bản giữa tháng ba năm 1954, in lần đầu 5.000 bản. Tác phẩm gây chấn động, và cuối năm, nhà xuất bản đã bán được nửa triệu cuốn, dịch ra 20 thứ tiếng. Chân dung cô bé xuất hiện thường xuyên trên báo chí, phì phèo thuốc, đôi mắt sắc sảo và thách thức, thân xác cân nặng 46 kí lô và cao 1,66 mét.

Sách được giới thiệu và ca ngợi tại Miền Nam Việt Nam. Những người viết sớm nhất và nhiệt tình nhất có lẽ là các giáo sư Nguyễn văn Trung, dưới bút danh Hoàng thái Linh, trên báo Sáng Tạo, Sài Gòn, và Nguyễn Nam Châu, trong tác phẩm Những Nhà Văn Hóa Mới, 1959. Ngoài ra trên báo Bách Khoa 1958, có bài giới thiệu của Vũ Đình Lưu, dưới bút danh Cô Liêu.

Truyện phổ biến nhanh và rộng nhờ có Nguyễn Vỹ dịch đăng nhiều kỳ trên báo nguyệt san Phổ Thông, 1959, với tựa đề *Buồn Ở Chào Mi*, và Lê Huy Oanh dịch *Buồn Ở Xin Chào*; có người khác gọi *Buồn Ở Bất Tay*. Hai chữ "Buồn

Ở" mang âm vang thơ Thế Lữ "buồn ời xa vắng, mênh mông là buồn", trong khi chính tựa đề tiếng Pháp, Sagan lấy từ thơ Eluard.

Truyện **Un Certain Sourire** được Nguyễn Minh Hoàng dịch *Có Một Nụ Cười*; ai đó dịch thành *Nụ Cười Xuân*. Năm 1973, Bửu Ý dịch truyện **Dans un mois dans un an**, tên sách mượn từ kịch Racine, *Một Tháng nữa Một Năm nữa*; Đinh Bá Kha dịch **Les Merveilleux Nuages**, tên sách lấy từ thơ văn xuôi của Baudelaire, *Những đám Mây huyền diệu*. Ngoài ra còn: **Aimez-vous Brahms ?** *Có thích nhạc Brahms ?*; **Un peu de soleil dans l'eau froide**, *Một ít mặt trời trong giá lạnh*, Kiều Diễm Hồng dịch.

Về âm vang của **Bonjour Tristesse** đã có nhiều người viết và phân tích những lý do văn học, đạo lý và xã hội. Nhưng chính xác nhất vẫn là Françoise Sagan tự giải thích "hiện tượng" của bản thân:

" Năm 1953, tôi viết **Bonjour Tristesse**, ra mắt tại Pháp năm 1954 và đã gây xì căng đan. Xì căng đan mà lúc đầu, tôi không hiểu nguyên do, bây giờ thì tôi có thể đưa ra hai nguyên nhân phi lý. Người ta không chấp nhận được một cô gái mười bảy mười tám tuổi làm tình, mà không yêu đương gì với một cậu trai đồng lứa, mà không bị trừng phạt. Điều không chấp nhận được là cô gái không yêu đương say đắm và cũng không thụ thai vào cuối mùa hè. Tóm lại một cô gái thời đó có thể làm chủ thân xác, hưởng thụ khoái lạc, mà không bị một trừng phạt nào. Đó là chuyện bất khả. Điều thứ hai không thể tắt được là chuyện cô gái (mồ cô mẹ) biết rõ những nhân tình, nhân ngã lằng nhằng của bố, và trò chuyện với bố và như vậy là đồng lõa trong những đề tài được xem như là cấm kỵ giữa cha mẹ và con cái. Phần còn lại, theo tôi, không có gì đáng chê trách " .

Nhưng ngay sau khi sách xuất bản và bị phê phán, thì Francois Mauriac đã lên tiếng bênh vực, gọi Sagan là một "tiểu quý diễm kiều" (charmant petit monstre), một thành ngữ sau này sẽ lừng danh. Mauriac, Nobel 1952, là một nhà văn lỗi lạc, sâu sắc, có uy tín lớn về mặt văn chương, đạo đức, tôn giáo và chính trị. Trên trang 1 báo Figaro, ngày 1.6.1954, Mauriac đã gọi Sagan là "cô phù thủy tí hon đang cầm cán chổi đúc bằng vàng mười", và viết lời bình phẩm sau đây, có giá trị không những cho **Bonjour Tristesse** của Françoise Sagan mà cho bất cứ một tác phẩm, tác giả nào:

" Điều làm nên một tác phẩm độc đáo, là giọng nói nào đó, một rung động nào đó, nghệ thuật làm cho người ta nghe mà không cần phải lên giọng, mà cũng chẳng cần xuống giọng " .

Người đọc trân trọng tư cách và độ lượng của một nhà văn lớn, uy thế lớn, đối với một đàn em mới chập chững bước vào nghề, một cô bé ngơ ngáo ngáo. Mà Mauriac cũng không làm việc "hạ cổ": câu nói của ông đã trở thành kinh điển cho giới văn chương nói chung - chẳng hạn cho các văn hào Việt Nam, vốn thường to tiếng để nói lên những điều không lấy gì làm to tát.

* *
*

1954... nên gọi là năm mươi bốn, hay năm tư ? Tính đến hôm nay, giờ đây, là tròn nửa thế kỷ. Một khúc quanh của nước Pháp. Của Việt Nam. Điện Biên, Genève, Di Cự, ...

Cộng Hòa Pháp, 1954, bốn khuôn mặt lớn trần át thời sự : Linh mục (abbé) Pierre thống thiết kêu gọi cứu trợ người nghèo vô gia cư chết còng trên hè phố ; thủ tướng Mendès France chấp chính để tìm giải pháp cho chiến tranh Đông Dương đang sa lầy thành thảm kịch quốc gia ; cô Geneviève de Galard, thiên thần Điện Biên Phủ, nữ y tá trên trận địa bùn lửa với bàn tay tiên nữ đã băng bó vết thương thể xác và tâm thần cho những chiến sĩ cùng đồ ; và Francoise Sagan, cô học trò 18 tuổi, thanh tươi và tình nghịch phát phơ tà áo, vô tư lự đi băng qua thảm kịch của thời đại. *Buồn ơi chào mi...* Vu vơ khói thuốc buồn ghê lắm...Nhẹ nhàng như một áng mây bay - les Merveilleux Nuages.

Vô tư, lặng lẽ, không nổi loạn, không phá phách, không tham vọng, không lý tưởng và ảo tưởng, với nụ cười nào đó (un certain sourire) Sagan đã tham dự vào cuộc hóa thân của xã hội. Xuất hiện vài năm sau cuốn *Phái Thứ Hai* (Le Deuxieme Sexe) của Simone de Beauvoir, **Bonjour Tristesse** báo hiệu cho Brigitte Bardot, qua những phim của Roger Vadim, quay ở Saint Tropez, trở nên thời thượng, và các phong trào giải phóng phụ nữ, qua những tự do cụ thể : sử dụng thuốc ngừa thai, quyền phá thai...

Quốc gia Việt Nam 1954 : lúc đó chưa có Cộng Hòa, miền Nam Việt Nam trở thành một thực thể chính trị độc lập, thật sự mở cửa đón nhận ảnh hưởng văn hóa Phương Tây. Sách báo phương Tây du nhập ồ ạt : sách tiếng Anh (của Usis), tiếng Đức (của viện Goethe) và nhất là sách tiếng Pháp nhập khẩu với giá rẻ nhờ có tài trợ (sách AC, Action Culturelle) cước phí rẻ, giá ân huệ, tràn ngập các hiệu sách Xuân Thu, Lê Phan và các nhà sách trên đường Lê Lợi. Tại Sài Gòn, 1954 người đọc tiếp nhận **Bonjour Tristesse** cùng một lúc với Paris, mà giá rẻ hơn (tương đối với ngoại tệ). Và cùng một lúc với sách báo, quần chúng Việt Nam tiếp xúc với âm nhạc, điện ảnh Tây Phương. Bản thân tôi đã xem vở kịch **Château en Suède** (Lâu đài Thụy Điển), 1960, của Sagan tại Sài Gòn, một lần với Paris, do Pháp Văn Đồng Minh Hội (Alliance Francaise) hay Trung Tâm văn hóa Pháp gì đó, tổ chức. Tại Paris, Philippe Noiret thủ vai chính, tại Sài Gòn là Eric Robin, cổ vấn văn hóa Tòa Đại Sứ Pháp.

Do đó, với quần chúng Việt Nam thời đó, Sagan là gương mặt thân thuộc, thậm chí thân thương. Trong văn học Pháp trước đó, chúng tôi chỉ biết có Racine, Molière và những tác giả kinh điển, mới nhất cũng chỉ là Gide, Valéry, những bậc thầy lụ khụ.

Với Françoise Sagan, chúng tôi có thể hát nhảm và hát nhảm : Ngày đó có em đi nhẹ vào đời, và mang theo trăng sao... Gặp nhau bên hè phố, chúng tôi có thể chào nhau, snob, dóm dáng : Bonjour Tristesse theo Sagan ; hay nhại theo Bùi Giáng Xin chào nhau giữa con đường / Mùa xuân phía trước, miền trường phía sau... Một Sagan trẻ trung hiện đại, gần gũi : thuốc hút liên tu, rượu uống lu bù, xe lái vù vù, xem ba sinh nhẹ tựa hồng mao.

Về văn học, Sagan - đồng thời với nhiều tác gia khác - góp phần, không nhiều thì ít, vào phong trào văn học nữ lưu trong đề tài tự do luyến ái, bắt đầu là Vòng tay Học Trò của Nguyễn thị Hoàng, cũng đã từng gây chấn động. Sau đó là tác phẩm của Nhã Ca, Túy Hồng, Thụy Vũ, Trùng Dương, Lê Hằng, Trần thị NGH, mà độc giả gọi đùa là các " nữ quái " không biết có dây dưa gì đến tên " tiểu quái diễm kiều " mà Mauriac đã đặt cho Sagan, năm 1954. Đây là thời kỳ Nguyễn văn Trung viết Ca Tụng Thân Xác.

Nhà nghiên cứu Nguyễn văn Lục, vào đời lúc đó, đã viết rất hay, đầy đủ và chính xác về thời kỳ này : " *Françoise Sagan là một hiện tượng trong văn học dịch của miền Nam thời bấy giờ. Lối viết thật ngắn, lối sống, lối nghĩ thẳng băng đến thần nhiên, đến vô tình. Quan hệ tình dục ngang trái, khác đời thường của một nữ sinh còn trên ghế nhà trường, trực tiếp tác động trên đời sống thanh thiếu niên thành thị miền nam. Nó quyến rũ lạ thường, vì nó mới quá, điều mà trước đây không ai nghĩ tới, mà nghĩ tới được thì cũng cho là những liên hệ ngang trái hay bất thường. Các nhà văn trong nhóm Sáng Tạo, Bách Khoa, Hiện Đại, Thế Kỷ Hai Mươi, cộng lại cũng không có được một ảnh hưởng đậm nét như thế. Những nhân vật truyện của Sagan như Dominique, nữ sinh còn trẻ, Luc người đàn ông đã bốn mươi tuổi, là những nhân vật sống động, quyến rũ giới trẻ " , anh còn tinh tế nhận xét : truyện Yêu thời thượng lúc đó của Chu Tử cũng " có cái gì hao hao giống với những nhân vật truyện của Sagan " . Khác nhau ở chỗ : Sagan không làm đáng trí thức.*

Họa sĩ Đinh Cường sau khi đọc sơ thảo bài này có nhắc thêm : " *nhạc Trịnh Công Sơn cũng mang hơi hướm Françoise Sagan : Từng người tình bỏ ta đi, như những giong sông nhỏ...* "

* *
*

Sau **Bonjour Tristesse**, Sagan đã sáng tác khoảng 40 tác phẩm : truyện, kịch, kịch bản phim, bút ký, hồi ký.

Cuộc đời Françoise Sagan sôi nổi : lái xe bạt mạng, tiêu thụ ma túy, cờ bạc rượu chè, vi phạm luật pháp vì chuyện nợ chuyện kia. Tuy nhiên, công luận ái mộ, bệnh vực bà, một phụ nữ được số phận ưu đãi, nhưng dám sống hết mình, dám liều lĩnh, xem phú quý, danh vọng như phù vân, les merveilleux nuages...

Bà nổi danh về tội lái xe nhanh, lái xe ẩu. Năm 1957 tưởng đã chết trong một tai nạn thập tử nhất sinh do chính bà gây ra. Nhưng bà vẫn sống còn và qua đời đúng ngày khai mạc cuộc triển lãm xe hơi quốc tế tại Paris. Cuộc đời nó khi thế.

Vĩnh Biệt Buồn Oi,
Adieu Tristesse.

Đặng Tiến
Orléans, 17.10.2004

Thơ La Quốc Tiến

Trích e-văn, Nguyễn Hữu Hồng Minh tuyển chọn

Lục Vân Tiên thọ nạn

Có một lão già mù ăn xin ngân nga các đoạn Lục Vân
Tiên
trên những chuyến phà ngang Rạch Miễu
Có một gã thanh niên say rượu ghếch chân lên thành
lan can đứng tiếu
Có cô con gái móc bóp lấy chiếc gương soi và tô lại mặt
mình
cùng lúc lão già mù bắt đầu ngân nga
“Trước đèn xem truyện Tây Minh...”
Có đứa bé gái mãi mê với chiếc chong chóng giấy màu
sặc sỡ
Có một bà già thọt chân gánh bó củi dứa ngồi than thở
chuyện củi nặng... đường lầy... gạo đắt
Có gã trung niên vận jean ngồi nhóp nhép kẹo cao su
Có những chị bạn hàng thân nhiên bóc vỏ những trái
chuối
nhét vào cổ chú gà tơ đến nỗi trợn trừng
Không có ai
cam đoan là không ai hay tin
“Lục Vân Tiên đang thọ nạn giữa rừng”
để tỏ chút âu lo cho con người trung nghĩa
Tôi móc gói thuốc ra
tôi hút
điếu thuốc đen tắp ngóm nửa chừng
mẹ nó ! Thuốc dỏm
Phà vẫn chạy
máy vẫn nổ
sóng vẫn vỗ
tôi dựa vào ghế ngủ gà ngủ gật
khi giật mình mở mắt
lại nghe :
Lục Vân Tiên đang thọ nạn giữa rừng
Rừng ở đâu mà dày thế nhỉ ?
trên chuyến phà tôi đi
đường như cũng có một khóm rừng
mà những cái cây sao mà trơ trọi
những cái cây đã phai mất hơi rừng
Phà vẫn chạy khàn giọng
lão già mù vẫn ngân nga
gã thanh niên say rượu vẫn cảm râm điều gì như là oan
ức
cô gái vẫn tiếp tục soi gương
như cố khám phá một điều gì đang lẩn trốn trên khuôn
mặt
đứa bé gái đã ngủ
chiếc chong chóng vẫn xoay
bà già thọt chân vẫn ngồi than thở
gã trung niên vẫn lau bầu với kẹo cao su
những con gà tơ vẫn ngủ gà ngủ gật
sau khi nuốt xong bữa tiệc chiều dài cuối cùng...

Không có ai
cam đoan là không ai hay tin
“Lục Vân Tiên đang thọ nạn giữa rừng”

Nợ bút nghiên

Về Ba Tri nghe người làng đồn rằng
Cụ Đồ Chiểu dù sớm mù đôi mắt
Về già, tai lại còn bị điếc
Nhưng mỗi khi muốn viết
Người đều bảo : “Hãy để ta tự tay mài mực
Các con múc cho thấy gạo nước
Ta cần rửa và lau mặt
Trước khi soi vào nghiên gương mặt của mình”
Cụ Đồ gọi đó là chút nợ bút nghiên

Hú khan khan...!

Có vài chiếc lá rụng nghịch mùa
Nhu như mấy cánh cò ma trên mộ người uống tử
Sông Bảo Định chiều nay cả gió
Hú ba hồn
bảy vía Nguyễn Chi ơi !
Hú khan khan như nhấp rượu không môi !

Nhớ Cao Chu Thần

Người một đời chỉ tạ bông mai
Nửa kiếp phù sinh ô hô !
Nhát chém
Người nguyện “luân giao cầu cổ kiếm”
Lại gục bởi đao trảm
Xót cội bông gầy vườn cũ
rừng mình
rụng nhón một đài xanh

Gò Công

Tôi về Gò Công
Ngày vừa xiêu xiêu khu phố cổ
Chiều đã mọc meo mái ngói âm dương
Dây leo nở hoa ngó xuống
sân đình
Tôi soi bóng thấy mặt mình oan khuất
Chợt nghi ngờ cả hồ nước trong xanh
Có phải tôi mang niềm lưu tán
Về đây cũng không giáp mặt mình !
Gò Công ơi !
Chuyện cũ
tích xưa
ngậm mồm con hổ đá
vẫn phục trước đền chờ ngoạm phiến trắng non

Thơ Ngô Thị Hạnh

Trích e-văn, Nguyễn Hữu Hồng Minh tuyển chọn

Đôi khi Sài Gòn

Gió nấn ná giọt tình trên tóc
Em bàng hoàng tắm trắng dòng ký ức
Bồi bộn bề tháng năm
Ngôi nhà tạm bợ
Cỏ hoa ngủ nhờ
Có bông hoa đi lạc giữa hư không
Em cất sợi nhớ vào xa vắng
Giang tay ôm nắng vào lòng.
Đôi khi Sài Gòn em đi lạc, bỗng giật mình thấy lòng
bớt chật hơn.
Sợi thương nơi đáy giếng từ muôn ngàn năm trước,
chợt dâng lên sau một trận mưa rào.
Anh ở nơi nào?
Em muốn anh trở về. Rất thật !

Cảm xúc chiều

Em say cà phê đen
chiều nghiêng theo nắng
bức bối
định nói với anh điều gì
chợt nghĩ đã cũ nên thôi...

Ôm vào lòng nỗi mê sảng dòng sông
bàn tay đổ mồ hôi, rung rẩy...
cô đơn như điều không thể nói
Ước gì có thể viết như cũ mà không ngại với lòng
Đêm đầy tiếng cười
Ngày im ắng
như thế là em đã lột xác rồi.

Con đường không nghiêng không thẳng
Mà em chao như chiếu rách giường tầng
Muốn sẻ chia những điều đang nghĩ
Chợt chạm vào cửa kính màu trong (không biết có phải
của chính mình!)
Em hay anh là Hamlet, mà hoài nghi nên bỏ quên tình
đôi khi phủ định mình em muốn đôi khi anh như
nhồi lang thang
đôi khi...

Những giọt mưa

Ngày nào cũng mưa
Những giọt mưa từ ngực em xuyên qua ngực anh –
lạnh buốt!
Dù áo mưa không rời khỏi chiếc xe.
Cụ già, miệng vẫn cười tươi, chào hàng dưới mưa –
nóng ấm

Xuyên qua những đám sương nhạt nhòa cửa kính,
đến với ước mơ con.

Chúng ta hiểu về sự hy sinh.
Anh và em trong chăn
Hân hoan cùng thịt da nóng bỏng
Vẫn có những tủi hờn, hằn học...
Đứa bé co ro trong manh áo mỏng nơi mái hiên –
đêm vắng – giọt sương rơi.
Chúng ta hiểu cái giá của sự thiếu thốn.

...
Ngày nào cũng mưa
Những giọt mưa chảy vào nỗi nhớ em, xuyên qua
vùng trời vàng rực đến bên cầu ao nơi chị giặt áo
hôm nào.

Tắm thân mỏng dưới đáy ao khao khát
Chị ép tình yêu mình bằng những cọng cỏ khô.
Em nhặt cỏ khô vàng úa, đốt, tung tro bụi lên trời.
Gió bay!

Chị khóc.
Ngày nào cũng mưa
Những giọt mưa từ ngực em xuyên qua ngực anh –
nóng ấm.

Ước

Những bức tường nhìn nhau
xuyên qua em
nghỉ ngơi và hờn ghen xâm chiếm
quên uống cốc rượu tình đã chờ sẵn.
Em và những đồ vỡ của anh
sao cứ hoài như mưa và nước mắt
để nỗi buồn ngấm thẳm.
Con hẻm gây làm nên hồn của phố
Em mỏng manh như ngọn nắng hanh vàng
Chẳng biết níu giữ anh bằng gì khi trời tối
Phố có là anh, em có phải hẻm gây?
Ước gì có thể yêu anh như khi mười sáu tuổi
Sứ dâng hương khi phố ngả về chiều...

Rượu tình

Em và tình yêu leo cầu thang say khướt nỗi buồn
Nỗi nhớ liêu xiêu
Hàng cây tiêu điều, xơ xác...
Em thoát khỏi cuộc đời anh
Như thoát khỏi con mê thời thiếu nữ
Ngày dài
như nỗi buồn của chữ
không thể hiện nỗi mình.
Đọc thơ anh vào một chiều nắng gắt
những con chữ đổ mồ hôi...

Thương quá rau răm

Nguyễn Ngọc Tư

Ông Tư Mốt chỉ cái dải xanh mù mù trong mưa, bảo cù lao Mút Cà Tha kia. Vần ở, nói thấy xa quá chú ha. Ông cười, gạt ngang, xa gì, đây tới đó mấy hồi. Rồi chiếc xuồng máy nhỏ mong manh rập rờn đi trong giông gió. Người thành phố ngồi ngắm cái "mây hồi" của ông già, mừng tui thấy màu xanh cây cù lao đã thắm trước mắt (mà sau mới biết mình mừng hụt). Mưa dịu lại, hạt nhỏ rức nhưng gió mạnh lên, thổi xà quần, không biết đâu là chiều hướng. Ông Tư quăng cho Vần cái can nhựa còn ít xăng, bảo, tới khúc "mút" nghen, coi chừng lật xuồng. Mà, có kịp coi gì, Vần thấy mình ngã áp xuống nước, hành lý trôi mất, lên tới bờ anh chỉ còn trụi tro bộ đồ đang mặc. Ông Tư kè chiếc xuồng vô sau, dậm chân dậm cẳng bứt đầu gãi tóc như thể mình vừa lỡ tay làm nên cơn giông chiều nay. Bởi ông biết rằng, mưa gió kia, sóng nước mênh mông kia và cả màu chiều đang lịm dần kia sẽ làm cho người bác sỹ trẻ này thất vọng. Bác sỹ thứ sáu về làm việc ở trạm xá cù lao. Năm người trước đã ra đi, đi vì không chịu nổi thiếu thốn. Và buồn.

Cù lao Mút Cà Tha nằm gần cuối sông Dài, trên nó một chút có một nhánh sông khác rẽ về phía mặt trời, rợn rợn được đoạn đó rồi thôi. Mút Cà Tha nằm hiu hắt, lâu lâu mới thấy bóng dáng một con tàu lớn ngớ chạy vào rồi lại tèn tèn quay ra vì lầm đường, vì không biết đường sau cù lao, sông cạn. Ngó sông vắng vẻ quá trời buồn, nhìn cánh cù lao còn buồn hơn. Buồn từ mùi ôi chín phảng phất trong vườn, từ giọng người ới lên một tiếng rồi bật, dư âm còn thâm u trên các ngọn cây, tiếng cạo com cháy xa vắng trong nắng chiều... Từ mé rừng mắm chống lở đất phía bên này, đi hết vườn cây này gặp được một căn nhà thì lại tiếp đến vườn cây trái khác. Cuối cùng là bãi bồi, dây khoai lang bò xum xòa phủ kín đất. Bóng người ẩn hiện dọn cỏ dưới các gốc cây. Bên đường thấp thoáng nhiều nấm đất con con của những đứa trẻ kiệt sức vì bị đẹn mà chỉ được rơ miệng bằng cỏ mực, những đứa trẻ bệnh sốt xuất huyết chỉ chữa bằng cạo gió, uống nước mía lau, rế tranh, những đứa trẻ mắc thương hàn bị thủng ruột vì tự do chạy ra vườn ăn ổi chua, ổi chát... Những gò đất ấy đã cũ mèm rồi, bây giờ người cù lao hiểu biết nhiều, nhưng vẫn còn chuyện rủi may, còn người bị rắn độc cắn, chết trên đường ra bệnh viện huyện. Hôm ấy, trưởng ấp Tư Mốt tuyệt vọng nắm chặt hơi thở cuối của ông bạn lẳng giềng trong tay, tuyệt vọng thấy nó tan đi, ông về nhà viết lên tường trạm xá " *Cương quyết chỉ chết vì già* ".

Nhân viên y tế nào mới về ngó câu khẩu hiệu ấy cũng cười, cũng thương. Nhưng rồi nửa khuya ngồi ăn mì gói, nghe cú kêu lẩn tiếng radio khọt khẹt (để chút âm thanh đây cho đỡ quạnh), vạch đi vạch lại tờ báo cũ mèm, họ sức nhớ phải về quê lấy vợ, lấy chồng, sức nhớ vợ mình mới sinh, sức nhớ tội

nghiệp ba má đã già... Và họ từ già cù lao. Ông Tư Mốt ở ở ra chiều thông cảm, về mặt cổ tử ra không buồn nhưng hàm râu xuôi xị. Họ ngoắc đờ đi rồi chú còn đứng mãi trên bến, nghĩ giận đám trẻ cù lao đã được học hành nhưng chẳng đứa nào chịu quay về.

Nên chú bảo với bốn mươi ba nóc gia sống trên Mút Cà Tha, " *Bất cứ người xứ lạ nào đến làm việc ở đất cù lao đều quý, mình phải đối xử cho tử tế, thiệt tử tế* ". Gặp Vần lần đầu tiên, ông nghĩ ngay, phải giữ thằng nhỏ này ở lại cù lao, thấy cái mặt buồn buồn, ngó bộ dáng hoàng. Ông nghĩ là mình có cách, không có gì sâu nặng bằng tình cảm người với người. Thì ông đã rịt chân mấy thầy cô giáo cho đám trẻ cù lao đầy thôi. Hôm Vần đến, bà con ôm lại cho một đồng áo quần, góp gạo đồ vô thùng, câu cá đem rọng. Rồi mấy con cá ồm nhom, trắng dờ con mắt, lội vật vờ tới lui chờ hoá kiếp mà Vần vẫn còn ngợp trong mớ lời mời, hết nhà này đến nhà khác, bữa thì cháo vịt, cháo rắn, bữa khác tôm nướng, lươn um...

Mà, trông Vần vẫn buồn, buồn chen giữa hai cái cười, nó tranh thủ cả khi Vần đưa ly rượu lên môi và để ly không xuống (còn lúc uống thì mặt Vần nhăn nhúm lại, vẻ buồn không rõ ràng). Hỏi làm sao buồn thì Vần cười, ủa, cháu có buồn gì đâu. Hỏi nhớ thành phố à, Vần cũng cười, không, thành phố có gì mà nhớ. Hỏi nghĩ sao mà tình nguyện về đất cù lao này, nghe tên Mút Cà Tha bộ không ớn sao, Vần (lại) cười, không, có nghĩ gì đâu, cháu chọn nơi nào hẻo lánh ít người... Nghe cái giọng như đời ta là lục bình, trôi đâu cũng được, càng xa càng tốt.

Nhưng trưởng ấp Tư Mốt phải làm cho anh chàng hiểu đời anh có ý nghĩa với đất này như thế nào, thiếu anh người cù lao sống không nổi chớ chơi à. Buổi sáng có người chạy lại than nhức đầu, sổ mũi, buổi chiều thêm chứng chóng mặt, đau mình. Vài ba chị phụ nữ đỏ mặt thập thò ngoài cửa, trong bụng rủa thầm ông già Tư Mốt, đau bụng kinh cũng bắt đi trạm xá, mắc cỡ gần chết. Trưởng ấp tà tà dài theo xóm, thấy ai rảnh rỗi là kêu, đứng đó làm gì, sao hông lại trạm xá cho bác sỹ người ta khám. Trời đất, bệnh gì mà khám chú Tư. Ông nói tình bơ, khều khều bộ râu, " *Có chứ sao không, hể mấy nhậu xin là ới, để vậy không tốt, lại kiếm thằng Vần đi* ". Mới đầu thì Vần không biết, nên thấy có bà cụ chống gậy lại bảo bác sỹ coi bệnh giùm, Vần hỏi bà bị gì, bà cười, tui suy nghĩ chưa ra. Thuốc hết, huyện chưa kịp gởi, Vần áy náy, tằn ngần đưa mấy thứ B1, B6 cho con bệnh đau bao tử, uống xong, ông này phờn phơ đứng dậy, tươi rói bảo, trời đất ơi, thuốc chú mầy quá chừng hay. Vần đâm ra lạ. Cho tới bữa đám con nít khiêng một thằng bé ở trường lại, nhao nhác nói chim của thằng Út Chót bị còng kẹp rồi, nó sưng chù vù nè chú bác sỹ ơi. Vần mắc cười quá, hỏi sao tới nông nỗi vậy, thằng Út Chót khom rộm lấy tay bụm chỗ đau, phều phào nói trong nước mắt, " *Tại bác Tư biểu ai cũng phải đi khám cho chú bác sỹ vui, chú không bỏ về thành phố. Con đâu có bệnh, tính bắt còng kẹp chơi...* ". Vần chỉ kêu được hai tiếng trời ơi.

Và anh hiểu tại sao ông già ấy lại quan tâm tới mình. Chiều nào ông cũng lại chỗ Vần, rừ rừ rừ rừ. Ông biết giờ đó, bà mẹ Năm, nhân viên thứ hai của trạm xá đã về nhà, có thể Vần thấy cô đơn. Ông kêu đám thanh niên lại chỗ Vần đàn hát tăng tăng tăng, dẫn Vần đi câu cá hay soi ếch trong "mà".

Văn tham gia nhiệt tình nhưng không tha thiết, như người đi đường thấy vật lạ thì cầm lên, rồi lại bỏ xuống, đi tiếp. Có lần ông Tư hỏi nhà Văn ở khúc nào, Văn bảo ở chỗ ấy chỗ ấy mà trong bụng buồn cười, nghĩ nói cho có chứ chắc gì ông biết, nghe cái giọng như thể thành phố nhỏ bằng cù lao. Không ngờ ông biết thật, nói hỏi giải phóng, trung đội ông đánh vô đường đó. Ban quân quản còn cấp cho ông căn nhà đảng trước có khoảng sân ngập tràn bông giấy rụng. Văn hỏi, rồi sao bác lại ra sống ở đây. Ông cười, vì cái đất này cần mình. Nói xong câu này, ông lén dò xét coi thằng nhỏ có bắt được cái ý nghĩa ngầm mà ông gợi gắm không, chỉ thấy Văn ngó lên trời, ngó xa xôi, hỏi nhìn gì, Văn ù ờ, bảo nhìn chim bay, không biết tụi nó bay tới đâu, về tận đâu. Trường áp Tư Một thấy bất an, về nhà biểu con gái sốt nửa nồi bí hầm dừa bung qua trạm xá. Con Nga dạ rồi tong tã đi.

Nó thường được ông Tư sai bung thức ăn đến trạm xá cho Văn. Nhiều nhất, thường nhất là món khoai luộc nóng hổi, thơm bùng. Bung rỏ khoai từ nhà đến chỗ Văn, khói mềm cả ống tay áo Nga. Trời trở chướng, gió rảo hanh nhưng nước lên, sân trước trạm xá ngập lênh láng, con Nga xoắn quăn quá gối lội qua, thấy Văn, nó thừa thê thọt “*Ba em gọi anh ít khoai*” rồi về. Lần sau, nó xoắn quăn thấp một chút, bảo ăn khoai đi anh. Sau nữa nó cứ để ống quần bết nước, lọng cọng đứng ngoài cửa, hai gò má rưng lên, gọi “*Ấn khoai nè*”. Lúc đấy thì nói ít, thẹn thò nhưng ở lại lâu, dọn dẹp lảng xảng, quét trên quét dưới, bắc nồi com lên bếp, làm cá nấu canh chua trái giắc, sung sướng thấy mình bận rộn giống hệt mấy nhỏ bạn mới lấy chồng (tụi con gái thường hay điên vậy, tới khi xà quần chồng con thật, lại than số mình cực như trâu). Rồi sức nhớ bếp ở nhà lạnh tanh, nó chạy về. Ông Tư ngồi trước cửa, giấu sự thắc thom (Và một chút lưỡng lự, mình tạo điều kiện cho hai đứa gần gũi vậy có sao không ta). Cô tươi tỉnh, ông hỏi ngay, “*Con Nga lo cho anh bận xong chưa? Mắc gì mà mày cười suốt từ ngoài đường vào đây?*”. Dạ, con Nga chối bay, con đâu có cười, tại ba má sanh cái miệng con vậy mà. Nói rồi nó chạy vô bếp, băng khuôn cười thêm một hồi nữa...

Chủ nhật, Văn mượn xe đạp chở con Nga đi chơi lòng vòng cù lao. Nga ngồi đằng sau, khép nép, sợng trân, sợ ai đó thấy hai đứa vậy, một hồi lại sợ không ai thấy, nó tiếc nuốt chẹp miệng:

- Bữa nay người ta đi đâu hết trơn rồi cà, vắng dễ sợ.

Quẹo qua quẹo lại, nói đất nói trời (chỉ thiếu nói lời thương yêu), cuối cùng hai đứa ra bãi đào khoai. Văn hỏi má Nga đâu, nó cười, chết rồi, chết hồi sanh em, chết trên xuống. Văn về ngó cái khẩu hiệu ông Tư vẽ trên tường. Thấy nó đỏ như một lời thề.

Bữa nọ Nga đem mấy cần xé ỏi ra chợ huyện cân cho vừa thì gặp đám bạn Văn xốc xếch đứng trên bến. Nga cho quá giang về Mút Cà Tha (mà không hiểu sao trong bụng muốn nhận chìm xuống cho tụi này bỏ ý định ra cù lao cho rồi). Ngồi dưới xuống, ba thằng trai cứ khen Nga đẹp, nhìn là muốn ở lại đất cù lao này hoài, hai đứa gái bĩu môi, tùm tùm cười, nói bữa nay đề thả tùm lum ngoài đường. Nga không để ý, những lời nói ngọt ngào càng không để ý. Xuống cập bến,

Nga xăm xăm đi trước dẫn đường, tong tã xộc vào phòng sau của trạm xá, cần nhả cử như, sao anh Văn bày tùm lum như vậy (cho tụi kia biết, ta đây đã thân thuộc với anh ấy đến mức nào).

Văn từ nhà tắm vào, nước trên tóc còn rỏ tong tong. Năm người họ sà vô ôm, nhẩy tung tung, nói tui nhớ ông em nhớ anh quá chừng. Văn ngộp thở vì cái mùi thành thị quen thuộc của nước hoa, của son, của phấn, của khói thuốc lá, của những hơi thở gấp, của sự chen chúc, xô đẩy nhau... Và những kỷ niệm ủa về, nhớ quán cà phê chỗ mình ngồi không, bây giờ đổi tên khác rồi. Văn sôi nổi hỏi, vậy con nhỏ phục vụ bốc lửa còn không. Còn, mà chi, tụi con gái ở Phố Xưa còn dữ dội hơn, nhớ bar đó không? Nhớ không, nhớ không... Đã vậy đã khác. Mà Hương của mày có con rồi, mày đã quên chưa. Không khí chùng xuống. Một đứa bạn cười, kín đáo liếc ra đằng sau, giọng xùng xoảng như ly chén bể, “*Sao anh không chịu để em bù vô nhỏ Hương, ra đây trốn tình chi cho cực, em nhớ anh thấy mờ*”. Đuôi mắt quét tận chỗ Nga, thấy con gái cù lao đứng thừ lừ. Nga nói thôi em về, luộc khoai đem qua anh Văn đãi bạn.

Nga qua khoảng sân đầy nước thì có ông con trai chạy theo, lảng xảng nói trời ơi mắt khủng khiếp, yên tĩnh tuyệt vời quá, cảnh thiết là thơ mộng rồi hỏi, ủa, sao không thấy em gái nói gì. Nói gì bây giờ, Nga đi lẹ lẹ đằng trước, nỗi sợ cuộn lên, mong manh, Văn dễ tin lắm, hôm trước con chồn chạy ngang Nga nói con mèo Văn cũng tin, Nga bảo cây cò trên cù lao này đều do chim ỉa mà mọc lên Văn tưởng thiệt, bây giờ người ta nói yêu này yêu nọ, không biết Văn của mình có tin không. Nó cố kìm để khỏi kêu lên, trời ơi, sao người ta nói chuyện yêu thương dễ ợt, giòn rụm vậy cà.

Bận quay lại trạm xá, Nga còn đi nhanh hơn, đầu nó có một mớ tro lá dừa đậu hồi thổi lửa. Anh chàng nọ rút lại dọc đường. Bước vô cửa thấy ba bốn người nằm ngủ nghiêng ngửa, Nga nói ngay, “*Ủa, anh kia chưa về hả, cha, ảnh ở đâu ta? Em hông có đi chung?*” (cho anh đừng suy diễn lung tung, rồi hiểu lầm lòng dạ em). Ngó bộ Văn không để ý, Nga nhẹ lòng, thở ra cái phù, hỏi, anh đang làm gì đó, Văn cười coi nằng cù lao. Trời, nằng có gì mà coi, anh?

Hôm ấy Văn không trả lời, hôm sau không kịp trả lời vì Văn đưa bạn ra về rồi không trở lại. Lặng lẽ, như trốn chạy. Trường áp Tư Một đứng ở trạm xá, thấy sau trước trống không, trong lòng nghe đau tiếc như vừa thua một ván bài lớn. Văn không từ già ông một lời, để nói cháu về vì má cháu đang đau, hoặc cháu ra ngoài trung tâm y tế huyện một tí, rồi lên xe đi luôn cũng được, dù nhìn vào đôi mắt đang sụp xuống kia, biết người ta nói dối, dù trong tâm ông đã vậy tay để chào xa mãi.

Trong một thoáng, ông thấy mình chùng chình, vớ được khúc cây bình bát, ông chống vào đất. Bên ngoài cái đất Mút Cà Tha dường như đã có sự thay đổi lớn. Thí dụ như con cá, lá rau, hạt gạo mến thương của người cù lao không ràng buộc được một con người (như đã từng rít chân ông lại), thì cái bóng nhỏ nhoi của đứa con gái đang tuyệt vọng đứng ngóng chờ dưới bến không có ý nghĩa gì sao? Tuyệt không đáng gì à?

Nguyễn Ngọc Tư

Champa và di sản

(2)

Nguyễn Đức Hiệp

4. Vài nét về văn hóa và văn học Champa

4.1 Người Lâm Ấp, tổ tiên của người Chăm

Mã Đoan Lâm (Ma Tuan-Lin), sử gia người Trung Hoa thế kỷ 13 viết về các dân tộc phía Nam Trung quốc dựa vào sử của nhà Lương, Hán và Tùy đã miêu tả như sau về những người và phong tục dân Lâm Ấp vào thế kỷ thứ 4. Đây có thể coi là tài liệu dân tộc học bằng tiếng Hán cổ nhất và lý thú nhất về người Đông Nam Á. (Trích từ G. Coedes⁽¹⁾, dịch sang Anh ngữ từ bản dịch tiếng Pháp "Ethnographie des peuples étrangers à la Chine, ouvrage composé au XIIIe siècle de notre ère", Marquis d' Hervey, Genève, 1883) :

"Cư dân ở đây xây tường nhà bằng gạch nung quét vôi. Nhà được xây trên một nền hay sân gọi là kan-lan(...). Đàn ông và đàn bà không có một y phục nào khác ngoài một đoạn vải ki-peh quấn quanh người. Họ đục lỗ tai để đeo các vòng trang sức nhỏ. Những người có chức sắc đều đi chân đất. Vương quốc Phù Nam và tất cả các vương quốc khác phía xa quá Lâm Ấp đều như vậy. Vua đội nón cao trang trí với hoa màu vàng và chung quanh viền nón được tía gọn với núp tua bằng lụa. Khi ra ngoài nhà vua cỡi voi; đi trước là các kèn tù và và trống, vua được che lọng bằng vải ki-peh, chung quanh là nô tì cầm cờ xí cũng bằng vải ki-peh.

Đám cưới lúc nào cũng được tổ chức vào ngày thứ tám của trăng. Chính người con gái đi hỏi con trai (...) Vũ khí của họ gồm có cung, tên, kiếm, giáo, và nỏ làm bằng gỗ tre. Nhạc cụ họ dùng rất giống nhạc cụ của chúng ta : đàn tì bà, đàn bầu 5 dây, sáo v.v... Họ cũng dùng kèn tù và và trống để báo hiệu cho dân chúng.

Họ có mắt to và sâu, mũi thẳng và cao, tóc quấn đen. Đàn bà búi tóc trên đỉnh đầu thành hình như búa rìu "

Những điều Mã Đoan Lâm viết về người Lâm Ấp (Lin-yi) ở thế kỷ thứ 4 cho biết họ là người nói tiếng Indonesian và là tổ tiên của người Chăm hiện nay. Người Chăm lúc này đã biết khai thác trầm hương, quế, ngà voi (vùng họ cư ngụ rất nhiều voi), sừng tê, vàng..

Đặc biệt họ biết dùng cát trắng để nấu thủy tinh làm bát và đồ trang sức. Tất cả các đặc sản vùng này đã có mang sang Trung Quốc trong những hành trình của các sứ giả Chăm - Lâm Ấp. Sử sách Trung Hoa gọi những thủy tinh này là "lưu li" (từ chữ Phạn (sanskrit) verula).

4.2 Tục lệ và tư tưởng

Mình sử viết như sau về một số tục lệ và tư tưởng của người Chăm, đầu thế kỷ 16 (2):

"Xứ sở này không giàu lắm, nhưng tê giác và voi thì rất nhiều. Họ lấy gỗ mun và gỗ kala để dùng làm củi đốt. Còn kỳ nam thì chỉ có ở một nơi trong núi, các thủ lãnh đều gởi người đến đó để bảo vệ. Người thường không được phép lấy, nếu vi phạm thì sẽ bị cắt mất tay.

Nếu một vụ xử án không giải quyết được thì hai người trong cuộc được ra lệnh cỡi con trâu nước qua một hồ cá sấu. Cá sấu sẽ nhảy lên và ăn sống người có lỗi, còn người đúng thì dù có cỡi trâu qua lại nhiều lần cũng không hề hấn gì."

Truyền thuyết "ma lai rút ruột" của người Chăm tương tự như truyền thuyết "pontianak" của các dân tộc Mã Lai, Nam Dương và Phi Luật Tân ở hải đảo.

Cũng như nhiều dân tộc ở Đông Nam Á, người Chăm thích ăn trâu. Theo các tư liệu cổ, vua đi đâu cũng có vị quan bưng trâu đi sát bên.

Ngoài các bia ký, văn học Chăm có nhiều thể loại gồm có các sử thi (Akayet) như Akayet Deva Munro, các trường ca như Ariya Cam-Bini, Ariya Sah Pakei, các giai thoại, cổ tích cổ điển... Akayet Deva Munro là thi phẩm nổi tiếng, đóng vai trò quan trọng trong văn học Chăm và được phổ biến rất rộng rãi. Có lẽ đây là tác phẩm đầu tiên được sáng tác bằng chữ akhar thrah (chữ viết Chăm thông dụng). Tác phẩm kể về cuộc chiến đấu cam go anh hùng của Deva Munro chống lại Deva Samulaik, cứu công chúa Ratna và mang lại hòa bình cho trần gian. Năm 1975, G. Moussay đã xác định nguồn gốc Mã Lai của thi phẩm Akayet Deva Munro. Bản in sử thi này đã được dịch ra các tiếng Pháp, Việt, Mã Lai. Gần đây, Inrasara⁽³⁾ trong một bài nghiên cứu đã hiệu đính một số sai lầm trong các bản dịch.

Sau thời đại Po Rome vào thế kỷ 18, có hai tác phẩm Ariya Sah Pakei và Ariya Bini-Cam xuất hiện. Ariya Sah Pakei là một chuyện tình phản ánh nhân sinh quan Chăm. Ariya Bini-Cam nói lên sự xung đột giữa hai tôn giáo Balamôn Ấn Độ và Hồi giáo qua một chuyện tình đổ vỡ giữa một hoàng thân Chăm và một công chúa Hồi giáo.

4.3 Nghệ thuật

Từ một số các tháp và đền đã biết được niên đại qua bia ký hay tư liệu lịch sử làm chuẩn, các nhà nghiên cứu nghệ thuật Chăm như H. Parmentier, P. Stein, J. Boisselier, ở thế kỷ trước đã phác họa quá trình phát triển nghệ thuật Chăm. Hiện nay cách phân loại phong cách nghệ thuật tạo hình của P. Stein (được Boisselier cải tiến năm 1963) vẫn được coi là khuôn mẫu cho những nghiên cứu về nghệ thuật Chăm.

Trong quần thể Mỹ Sơn, đền Mỹ Sơn E1 là xưa nhất, xây dưới thời vua Prakasadharmā (Vikrantavarman I) vào thế kỷ 7. Điều khắc ở cửa đền bằng đá rất đẹp với hoa văn trang trí thật phong phú điệu nghệ. Tượng ở đền Mỹ Sơn E1 ít nhưng đều là các kiệt tác. Phong cách Mỹ Sơn E1 bắt đầu sắc thái bản địa trong nghệ thuật, thoát khỏi sự sao chép máy móc phong cách Ấn độ, và được coi là phong cách cổ điển Champa. Tính cách lý tưởng của truyền thống Gupta Ấn độ kết hợp hài hòa với sức sống tự nhiên bản địa. Các điều khắc tượng, thú vật được thể hiện rất sống động. Ở đây có sự tương tự với nghệ thuật Dvaravati của người Mon (vùng Miến điện và Thái Lan hiện nay) và

nghệ thuật Indonesia. Ảnh hưởng của nghệ thuật Khmer tiền-Angkor cũng được nhận rõ. Điều này cho phép các học giả xác định niên đại của chúng bằng cách so sánh với các tác phẩm điêu khắc Khmer mà niên đại đã được biết. Ảnh hưởng giữa hai phong cách nghệ thuật Mỹ Sơn E1 và Khmer tiền-Angkor là do liên hệ gia đình giữa vua Champa và hậu duệ vua Khmer Ishanavarman I, người xây dựng Sambor Prei Kut.

Vào thời Hoàn Vương (758-859), các kiến trúc Chăm được xây dựng theo phong cách Hòa Lai. Phong cách Hòa Lai bắt nguồn ở phía nam có những sắc thái khác với phong cách Mỹ Sơn E1 trong thế kỷ 7, phía bắc. Đặc trưng của nó là chú trọng về kiến trúc hơn trang trí. Di tích Hoà Lai có ba tháp lớn, thon cao rất đẹp, thể hiện ưu thế nổi bật của kiến trúc. Đền Mỹ Sơn C7 cũng thuộc phong cách Hòa Lai. Nhiều tượng đồng thời kỳ này chịu ảnh hưởng của Phật giáo đại thừa. Các tượng này có thể là từ Java mang đến Champa, hay được đúc lại ở địa phương phỏng theo tượng đồng Java của phong cách nghệ thuật Nalanda. Sự hiện diện của chúng dĩ nhiên có liên quan đến những cuộc tấn công của Java vào Champa và khắp Đông Nam Á lục địa ở cuối thế kỷ thứ 8. Mặc dầu không nhiều nhưng các tượng này có ảnh hưởng đến nghệ thuật Chăm suốt một thế kỷ rưỡi sau⁽⁴⁾. Không những nghệ thuật tạo hình bị ảnh hưởng từ Java mà cả tín ngưỡng Phật giáo đại thừa từ Java đã được các vua Chăm cuối thế kỷ 9 áp dụng.

Sau phong cách Hòa Lai là phong cách Đồng Dương. Các tượng ở đền A13 và B4 trong quần thể Mỹ Sơn đều bắt nguồn từ phong cách Đồng Dương. Các đền ở Đồng Dương rất đồ sộ, nhưng khác với Hòa Lai là trang trí trên đền rất dày đặc và nổi bật chứ không bị kiến trúc đền lấn át. Đa số các mô típ trang trí Đồng Dương có ảnh hưởng từ Indonesia và các tượng điêu khắc thể hiện rõ ràng tín ngưỡng Phật giáo đại thừa. Khuôn mặt trên tượng được điêu khắc với những nét phóng đại các đặc tính chủng tộc của người Chăm (như môi dày, mũi rộng).

Kế tiếp phong cách Đồng Dương là phong cách Khương Mỹ. Phong cách Khương Mỹ thể hiện sự chuyển tiếp từ Đồng Dương đến phong cách Mỹ Sơn A1 và Trà Kiệu (thế kỷ 10). Nghệ thuật và kiến trúc Chăm theo phong cách Mỹ Sơn A1 và Trà Kiệu được coi là thời kỳ hoàng kim của nghệ thuật Chăm. Kiến trúc đền Mỹ Sơn A1 có sức sống mạnh mẽ, tinh tế, trang nhã, thể hiện sự cân bằng, quý phái về hình dáng, với các trang trí kín đáo thanh tao, không có quá nhiều chạm trổ chi tiết không cần thiết. Các cửa và mặt đền có những cột tạo thành khuôn chứa tượng rất trang nhã. Về điêu khắc, tượng ở Mỹ Sơn A1 và Trà Kiệu mặc dù có chút ảnh hưởng Indonesian nhưng rất đặc thù Chăm. Các tượng thú vật rất thật và sống động. Tượng vũ công apsara có thân hình uốn cong cân xứng với khuôn mặt trầm tĩnh, đẹp đẽ và mỉm cười thoát trần (như tượng vũ công Trà Kiệu ở viện bảo tàng Đà Nẵng). Sự quý phái và trang nhã của các tượng vũ công đạt đến tuyệt đỉnh của nghệ thuật Chăm.

Sau phong cách Mỹ Sơn A1 và Trà Kiệu là phong cách Chánh Lộ, thể hiện thời kỳ biến động trong chiến tranh với Đại Việt khi Champa dời đô về Vijaya (Bình Định). Tháp Chánh Lộ (Quảng Ngãi), đền Mỹ Sơn E4 và khu tháp

Chiên Đàn (Quảng Nam) tiêu biểu cho phong cách Chánh Lộ vào thế kỷ 11. Tinh tự tin trong nghệ thuật kiến trúc và tạo hình có vẻ mất đi. Như ở Trà Kiệu, các điêu khắc người (như vũ nữ, nhạc công) của Chánh Lộ vẫn còn các động tác cân xứng với thân mình thường cong lại. Nhưng cái mỉm cười thần bí hấp dẫn của Trà Kiệu không còn. Đồ trang sức ít, miệng lớn và nét chạm khô khan hơn. Chỉ có điêu khắc các thú vật huyền bí là còn có thể ngang hàng với Trà Kiệu. Các tượng Gajasimha (đầu voi người sư tử) ở các tháp Bằng An và Thu Bồn cũng thuộc phong cách Chánh Lộ. Sau Chánh Lộ, điêu khắc Chăm có tính trang trọng và thô cứng, thể hiện trong các quần thể kiến trúc Vijaya ở các tháp Po Nagar, Bình Lâm, Thủ Thiện, Cánh Tiên (tháp Đồng), Dương Long, Hưng Thạnh, Phước Lộc (Tháp Vàng). Ảnh hưởng kiến trúc Khmer (như prasat) được nhận thấy ở một số tháp, đánh dấu sự chuyển tiếp đến phong cách đặc sắc cuối cùng của nghệ thuật Chăm : phong cách Tháp Mắm Bình Định.

Tháp Mắm không còn, nhưng những tượng thần, môn thần, bệ đá điêu khắc, các mảng trang trí đền, hầu như còn được giữ khá toàn vẹn và đầy đủ. Tên *tháp Mắm* được nhà khảo cổ Pháp J.Y. Claeys đặt khi ông khai quật chung quanh một cái tháp đã bị tàn phá, theo tên ông Nguyễn Mắm chủ nhân khu đất khai quật⁽⁵⁾.

Phong cách Tháp Mắm (giữa thế kỷ 12) đặc sắc ở điêu khắc những tượng môn thần và thú vật huyền thoại. Dường như những tượng này chủ yếu là để trang trí. Cảm tưởng chung trước điêu khắc tượng là rất dày đặc, nặng nề, quá nhiều chi tiết, chạm trổ chi li. Tượng động vật có nét chung là có xu hướng huyền thoại hơn là hiện thực. Các con gajasimha, cá sấu makara, chim garuda, rồng, đã biến thành những trang trí kiến trúc đẹp. Tượng chim thần garuda trang trí các góc tháp với hai tay đưa cao cho thấy ảnh hưởng của nghệ thuật Angkor. Phong cách Bayon của kiến trúc và nghệ thuật Angkor nói chung có ảnh hưởng nhiều đến phong cách Tháp Mắm (như tháp Hưng Thạnh có dáng của một đền thờ Khmer). Phong cách Tháp Mắm nổi bật không kém Đồng Dương và Trà Kiệu.

5. Một vài di sản

Ngoài di sản văn hoá và kiến trúc, người Champa đã để lại các di sản địa vật và kinh tế.

Quảng Nam có lụa Phú Bông
Có khoai Trà Đoá có sông Thu Bồn

Như Mã Đoan Lâm đã viết về "vải bông ki-peì", "trồng bông", người Chăm rất giỏi dệt vải màu và sản xuất nhiều. Người ta đã tìm thấy ở nhiều di tích Sa Huỳnh những "con lặn" bằng đất nung là cùng với màu sắc hoa văn trên vải và nhiều dọi xe sợi bằng đất nung. Trong 31 đồ triều cống cho nhà Minh, có tới 13 đồ vật bằng vải bông như vải in hoa đỏ, vải in hoa cải củ, vải bông trắng, vải bông đen, khăn tay, khăn vấn đầu...

"Khoai đất lạ", thịnh hành với đất cát ven biển, sông, cũng như mía, vốn có nguồn gốc từ hải đảo Thái Bình Dương và Châu Mỹ, được cư dân Nam Đảo Mã Lai du nhập vào khu vực hàng hải Đông Nam Á. Quê hương của cây bông là Ấn Độ. Cư dân cổ Sa Huỳnh, cư dân Chăm cổ

thường xuyên có mặt ngoài khơi, ngoài đảo xa. Vì thế họ đã có sự giao lưu kinh tế văn hoá với thế giới hải đảo Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Họ đã nhập và thuần hóa các thực vật để trồng trọt như khoai, mía, bông và xây dựng được các vùng đặc sản mà ngày sau người Việt thừa kế : Khoai Trà Đoá, đường mía Quảng Ngãi, bông Điện Bàn, Phan Rang, Phan Rí... (6).

Lúa Chiêm từ Champa đã được đưa vào Việt Nam từ thế kỷ 10. Theo Lê Quý Đôn⁽⁷⁾, có nhiều loại lúa từ Chiêm Thành đã được mang vào Trung Quốc như lúa tẻ có lông, lúa tẻ chín sớm (lúa tiên), lúa tiền tử (lúa 60 ngày, lúa chín trễ hơn gọi là lúa 80 ngày, lúa 100 ngày). Lúa Chiêm từ Việt Nam đã lan qua Trung Quốc tạo nên một cuộc cách mạng kinh tế lớn lao. Có thể so sánh đây là cuộc cách mạng xanh (green revolution) đầu tiên trước cuộc cách mạng xanh sau này ở thế kỷ 20. Lúa Chiêm Thành, theo sử Trung Quốc, được nhà Tống mang áp dụng vào đầu thế kỷ 11, bắt đầu từ tỉnh Phúc Kiến, mang đến Triết Giang để cấy trồng sau những vụ mất mùa do hạn hán. Lúa Chiêm Thành tăng trưởng và chín rất nhanh nên có thể trồng hai vụ, năng suất vì thế rất cao. Đến thời nhà Minh thì các tỉnh phía nam sông Dương Tử từ Triết Giang, Phúc Kiến đến Hải Nam đều dùng lúa Chiêm Thành. Cuộc cách mạng sản xuất nông nghiệp đã đưa đến sự tăng trưởng nhanh chóng về dân số và kinh tế với sự bành trướng và xuất hiện của các trung tâm đô thị mới. Người Trung Quốc còn gọi lúa Chiêm Thành là lúa do trời ban cho (lúa tiên). Đại Việt và Trung Quốc lớn mạnh cũng một phần do sự phát triển nông nghiệp qua lúa Chiêm.

Văn hóa Chăm, nhất là về âm nhạc, triết lý, có ảnh hưởng sâu rộng trong xã hội, văn hóa Việt Nam trong các triều đại Lý, Trần. Chiêu văn vương Trần Nhật Duật là một thí dụ điển hình. Giỏi âm nhạc, Trần Nhật Duật cũng có niềm say mê đặc biệt các ngôn ngữ nước ngoài, rất thích chơi với người nước ngoài, tìm hiểu phong tục, tập quán, văn hóa và triết lý của họ. Từ Thăng Long, ông thường cưỡi voi đến chơi thôn Da-da-li - một thôn gồm người Việt gốc từ binh Chiêm Thành, sau gọi trệch là thôn Bà Già, có lẽ ở mạn Cổ Nhuế, Từ Liêm - có khi ba bốn ngày mới về. Các điệu nhạc cung đình, chèo và quan họ trong dân gian đều có ảnh hưởng từ văn hóa Chăm^{(1),(8)}. Một số kiến trúc chùa đình thời Lý-Trần trong giai đoạn này cũng mang nét kiến trúc Chiêm Thành như hình tượng chim thần Garuda⁽⁸⁾. Thái thượng hoàng Trần Nhân Tông đã không ngại đường xa thân hành qua Chiêm Thành để bàn bạc, trao đổi, học hỏi văn hóa đạo Phật và sống chung như anh em với vua quan Chiêm Thành trong một thời gian⁽¹⁾.

Theo An Nam Chí lược của Lê Tắc, tháp Báo Thiên 11 tầng ở hồ Hoàn Kiếm là do tù binh Chăm xây dựng. Nhiều chùa ở Hà Nội như chùa Châu Lâm, quận Ba Đình có các tượng "bà banh", một số tượng đứng trên bệ đá có điêu khắc chim thần Garuda. Ngay cả ở Thanh Hóa, Nghệ An người Chăm đã cư ngụ từ thế kỷ 7-9 để lại di tích "nhạn tháp" ở Nghệ An. Dọc sông và bờ biển Thanh Hóa đã tìm thấy các di tích điêu khắc Chăm. Mai Hắc Đế nổi dậy chống Trung Quốc ở thế kỷ thứ 8 có cha là người Chăm, mẹ Việt.

Ngôn ngữ Chăm còn để dấu vết trên các dân tộc Tây nguyên. Từ thuở xưa, người Chăm ở bờ biển đã tiến vào vùng Tây nguyên nơi các dân tộc nói tiếng Mon-Khmer (nhánh Bahnaric) cư ngụ. Qua đó một số các dân tộc chuyển ngữ và nói các ngôn ngữ mà ngày nay ta gọi là Jarai, Rhade, Roglai... Những ngôn ngữ này, cùng với tiếng Chăm, được gọi chung là ngôn ngữ Chamic. Vào thế kỷ 12, vua Jaya Harivarman đánh chiếm vùng Tây nguyên của người Thượng mà các bia ký Chăm thường gọi là người Kiratas. Rải rác trên Tây nguyên có các tháp (như Yang Prong, Đắc Lắc), các tượng, tác phẩm điêu khắc tìm được ở Yang Kum (Kontum), Drang-Lai (Đắc Lắc).

6. Người Chăm hiện nay

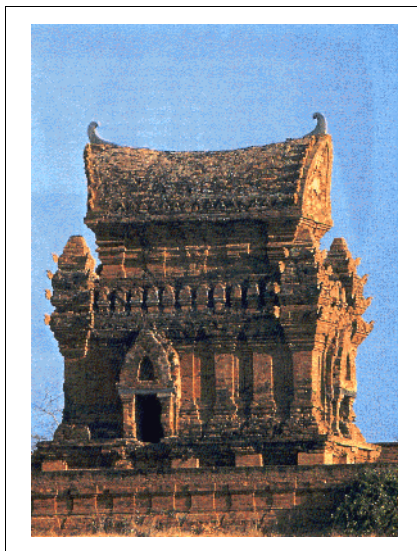
Hiện nay người Chăm còn ở rải rác các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, An Giang. Nghiên cứu về văn hoá và văn minh Champa được chú ý hơn gần đây ở trong nước qua các công trình của Inrasara, Ngô Đăng Doanh, Trần Kỳ Phương ... Kho tàng văn minh và văn hóa Chăm bắt đầu được khai thác trở lại. Ngoài ra ở các thôn Chăm còn có những văn tự viết trên lá buông truyền từ nhiều đời, hiện chưa được xử dụng thiết thực. Ngoài Inrasara có những bài viết giá trị về văn hoá Chăm, đầu năm 2004, báo chí ở Việt Nam có nói về ông Lâm Gia Tịnh, người Chăm, trước đây là thành viên biên soạn từ điển Chăm-Việt-Pháp, xuất bản năm 1971, nay đã về hưu ở Ninh Thuận. Ông đã bỏ cả đời sưu tầm thư tịch cổ trên lá buông và chữ viết của người Chăm. Theo ông, thư tịch cổ trên lá buông là vật gia bảo nên rất khó sưu tầm. Truyền nhau qua nhiều đời cho đến lúc mỗi một đực nát thì đem ra thả sông hoàn trả về đất trời chứ không mua bán hoặc biếu tặng. Người ta không hiểu nội dung thư tịch nói gì nhưng phải giữ lại vì sợ mang tội với người xưa. Phần lớn thư tịch cổ trên lá buông chép lại các chuyện cổ tích, các sự kiện, đạo bùa, sấm truyền, tập tục xưa... Những bó lá buông thường được cất giữ trên mái nhà. Dù chiến tranh loạn lạc hay bất trắc người Chăm cũng nghĩ đến lá buông trước tiên. Hy vọng trong nay mai, kho tàng này sẽ được sử dụng đúng mức và nhân lực nghiên cứu văn hóa Chăm sẽ được tăng cường và hỗ trợ thêm.

Nguyễn Đức Hiệp

Tham khảo

- (1) G. Coedes, The Indianized states of South East Asia, East West Center Press, University of Hawaii, Honolulu, 1968,
- (2) G. Wade, The Ming shi account of Champa, Asia Research Institute, Singapore, Working papers Series 3, June 2003
- (3) Inrasara, Văn hoá - xã hội Chăm, nghiên cứu và đối thoại, Nhà Xuất bản Văn học, 2003.(2) D.G.E Hall, History of South East Asia, Macmillan, London, 1968
- (4) Emmanuel Guillon, Cham Art - Treasures from the Da Nang museum, Vietnam, River Books Ltd, Bangkok, Thailand, 2001.
- (5) Ngô Văn Doanh, Văn hoá cổ Chăm-pa, Nhà Xuất bản Văn hoá Dân tộc, 2002.
- (6) Trần Quốc Vượng - "Theo dòng lịch sử", Nhà xuất bản Văn Hoá, 1996.
- (7) Lê Quý Đôn, Văn đài loại ngữ, Nhà xuất bản văn hóa thông tin, 1995.
- (8) Cao Xuân Phổ, Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á, Hội nghị Sử học Đông Nam Á, Kualua Lumpur 1982.

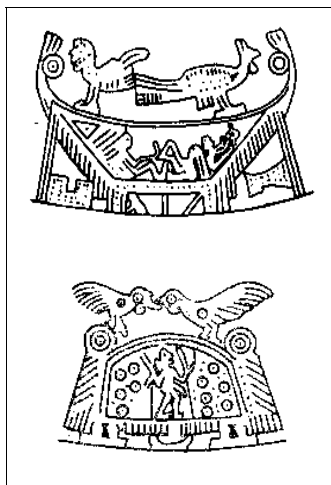
Ngôi đền Pô-Kluang Garai ở Phan Rang một dấu tích giao thoa văn hoá ?



Văn

Ngọc

Trên đỉnh của một trong ba ngọn tháp Chăm ở đền Pô-Kluang Garai (Phan Rang, Quảng Nam – thế kỷ 14), có một hình khối kiến trúc khá xa lạ với kiến trúc của những ngôi tháp Chăm, nói chung, thường mang đậm ảnh hưởng của nghệ thuật tôn giáo Ấn Độ, từ Trà Kiệu đến Mỹ Sơn. Hình khối kiến trúc xây bằng gạch đá nói trên có dáng vẻ của một ngôi nhà sàn mái hình thuyền, sóng võng, mặt cắt hình vòm cuốn, hai đầu mái hồi tròn, hơi cong lên và nhô ra như kiểu nhà sàn mái hình thuyền của một vài dân tộc ở Papoua, Tân Guinée (Đại dương châu), hoặc của người Nhật Bản cổ đại.



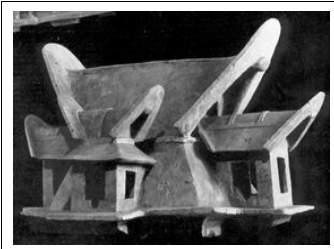
Hai kiểu nhà sàn trên trống đồng Đông Sơn, với mái vòm và mái lồi.

Kiểu nhà sàn này là một biến thể của kiểu nhà sàn khắc trên trống đồng Đông Sơn, mà phiên bản trung thực nhất là kiểu nhà sàn bằng tre gỗ hiện vẫn tồn tại và được người Toradja sử dụng trong đời sống hàng ngày ở đảo Célèbes (ngày nay gọi là Sulawesi, thuộc Indonesia).

Hiện tượng này có ý nghĩa gì, nếu quả thật khối kiến trúc nói trên thể hiện hình tượng của một ngôi nhà sàn mái hình thuyền biến thể thuộc nền văn hoá Đông Sơn ?

Chúng ta biết rằng, về mặt lịch sử và văn hoá, dân tộc Chăm có quan hệ mật thiết với một vài dân tộc Tây Nguyên thuộc ngữ hệ Nam đảo (Mã Lai-Đa đảo) : Giarai, Êđê, Churu, Raglai. Mà những dân tộc này đều là những dân tộc thuộc nền văn hoá

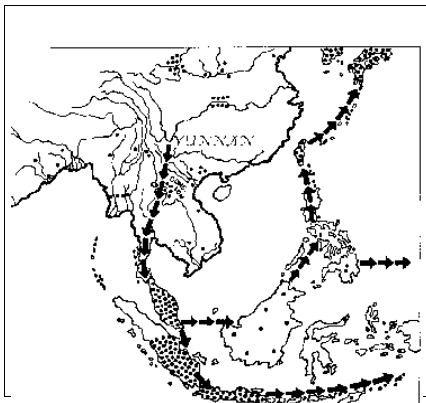
Đông Sơn - theo nghĩa một nền văn hoá cổ, mà địa bàn là một vùng rộng lớn ở Đông Nam Á, có liên quan tới những chiếc trống đồng tìm thấy ở địa điểm Đông Sơn - nền văn hoá này được thể hiện qua một số biểu hiện văn hoá vật chất và tinh thần cụ thể, từ hoa văn trang trí trên y phục, đồ dùng trong nhà, đến kiến trúc, đến những tục lệ, truyền thống lễ hội, huyền thoại, v.v.



Mô hình nhà cổ đại Nhật Bản mái hình thuyền bằng đất nung.

Bản thân dân tộc Chăm - theo giả thuyết của nhà tiền sử học Heine-Geldern về lộ trình của chiếc riu đá có móng - có thể có cùng nguồn gốc Nam đảo với những dân tộc kể trên, mà tổ tiên, trong khoảng thời gian 1000 năm, giữa 2500 -1500 tr. C.N., đã di cư từ vùng Vân Nam xuống (cư dân Bách Việt ?), xuyên qua bán đảo Mã Lai, quần đảo Indonesia, các đảo thuộc Đại dương châu, vòng lên đến Đài Loan, Nhật Bản. Một bộ phận của những tộc người này có thể đã xâm nhập vùng Tây Nguyên Việt Nam, nhưng đã bị những tộc người thuộc ngữ hệ Môn-Khmer có mặt ở đây từ trước xua đuổi đi.

Một số nhà nghiên cứu khác lại cho rằng, ở vào một thời điểm có thể cũng không muộn hơn, những tộc người gốc Mã Lai - Đa đảo kể trên, trong đó có tổ tiên của người Chăm, đã từ biển đông xâm nhập vào vùng ven biển miền trung Việt Nam. Sau đó, do tiếp thu văn hoá Ấn Độ, bắt đầu từ những thế kỷ đầu Công

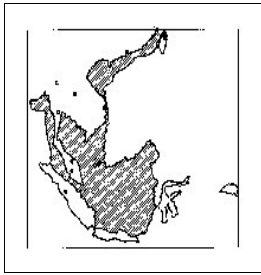


Con đường truyền bá của chiếc riu đá có móng (khoảng từ 2500 đến 1500 trước C.N., theo nhà tiền sử học Heine-Geldern).

Nguyên, người Chăm đã phát triển lên thành một quốc gia lớn mạnh (vương quốc Lâm Ấp), và đã dẫn những tộc người gốc Nam đảo kém phát triển hơn lên vùng Tây Nguyên. « Có thể người Giarai đã tràn lên vùng cao nguyên Pleiku và vùng bình nguyên Ayun Pa Cheo Reo theo đường đèo An Khê và đường Cung Sơn. Người Êđê và người Churu thì lên cao nguyên Đắc Lắc bằng đường đèo Phụng Hoàng hiện nay. Những nhóm người tràn lên đã chế dôi khối người Môn-Khmer có trên Tây Nguyên từ trước : một khối cư trú từ nửa tỉnh Gia Lai trở ra phía bắc, gồm người Bana, Xơđăng, Giẻ Triêng, Brâu, Rơmâm, v.v., và một khối từ nửa tỉnh Đắc Lắc trở vào phía nam, gồm người Momông, Mạ, Koho, v.v. » (theo Nguyễn Ngọc, Một số vấn đề văn hoá xã hội, Tập san nghiên cứu NGOK LINH, số 1 – 2001)

Gần đây, nhà nghiên cứu Stephen Oppenheimer đưa ra một giả thuyết độc đáo về sự kiện lục địa Sunda bị ngập chìm do trận Đại Hồng Thủy gây nên cách đây khoảng 8000 năm, do đó, tổ tiên của người Chăm và một vài tộc người ở Tây Nguyên, thuộc ngữ hệ Nam đảo, không phải là từ miền nam Trung Quốc, hoặc từ Đài Loan di chuyển xuống phía nam vào thiên niên kỷ II trước Công Nguyên, như theo giả thuyết của Bellwood/Blust, hoặc của Heine-Geldern, mà ngược lại, đã xuất phát từ vùng tây bắc đảo Bornéo (Indonesia), một mặt đi ngược trở lên phía bắc (ngược lên các con sông lớn) đến Phi Luật Tân, miền trung Việt Nam (Lâm Ấp, Chiêm Thành) và Đài Loan ; một mặt đi sang phía tây : đến các

Lục địa Sunda trước khi bị ngập chìm trong trận Đại Hồng Thủy cách đây khoảng 8000 năm, theo giả thuyết của Stephen Oppenheimer.



vùng miền tây Indonesia, Mã Lai, v.v. ; một mặt đi về phía nam : các đảo ở Đại dương châu...(theo Nguyễn Quang Trọng, *Địa đàng ở phương Đông*, ĐĐ, số 127, 3-2003).

Cho đến nay, người ta biết rằng người Chăm, cũng như các cư dân của vương quốc Phù Nam, thuộc nền văn hoá Sa Huỳnh, có niên đại từ 500 tr. C.N. đến 100 sau C.N., mà địa bàn trải dài từ Quảng Nam đến Nam bộ (Đồng Nai, Cần Giò). Nhưng người Chăm đến vùng đất này có thể đã cả ngàn năm trước đó rồi (xem các giả thuyết đã dẫn), vậy chắc hẳn họ đã có

cả một nền văn hoá cổ khác nữa ? Nếu đem so sánh các biểu hiện văn hoá nghệ thuật của người Chăm với một số dân tộc Tây Nguyên, người ta có thể khẳng định được rằng người Chăm đã từng thuộc cùng một nền văn hoá với họ : văn hoá Đông Sơn.

Qua những phát hiện khảo cổ học mới đây ở Gò Mả Vôi (xem Nguyễn Quang Trọng, *Những phát hiện mới về văn hoá Sa Huỳnh...*, ĐĐ số 140, 4-2004). , người ta có thể thấy được rằng nền văn hoá Sa Huỳnh khác hẳn với nền văn hoá Đông Sơn trên nhiều điểm : sự phong phú của các hiện vật bằng sắt, trình độ kỹ thuật sản xuất đồ trang sức, và nhất là đồ thủy tinh rất tinh xảo, v.v. Tuy nhiên, cho tới nay, người ta vẫn chưa biết gì mấy về những truyền thống kiến trúc cổ trong nền văn hoá này, ngoại trừ những dấu tích cột chống đã mục nát của những ngôi nhà sàn. Người ta chỉ biết đến những di tích kiến trúc đền đài bằng gạch đá của người Chăm : Mỹ Sơn, Trà Kiệu, Đồng Dương, Hoà Lai, Tháp Mắm, v.v. Đó là những sản phẩm văn hoá mang đậm ảnh hưởng của nghệ thuật Ấn Độ. Nhưng trước khi có nền kiến trúc bằng gạch đá, chắc hẳn dân tộc này cũng đã phải trải qua thời kỳ xây cất bằng tre, gỗ ? Người Chăm không để lại những ngôi nhà sàn mái nhô, hoặc sống vông, hay sống lồi, như một số dân tộc Tây Nguyên, có lẽ vì họ đã đi vào sản xuất nông nghiệp ngay từ sớm ở các vùng đồng bằng (lúa Chiêm), nhưng người ta biết chắc chắn rằng dân tộc Chăm có một truyền thống ở nhà sàn từ lâu đời : dấu tích những ngôi nhà sàn ở Hội An được ghi lại bằng hình vẽ trong sử liệu *Giao Chỉ Độ Hải Đồ* của Chaya Shinoku, người Nhật Bản, thế kỷ 17 - xem Văn Ngọc, *Từ trong lũ lụt nghĩ đến tương lai đô thị cổ Hội An*, ĐĐ số tháng 1-2000). Truyền thống ở nhà sàn này vẫn được tiếp tục một cách mạnh mẽ và bền bỉ bởi những người Chăm hiện đang cư ngụ tại một số vùng ngập trũng, hoặc gần sông nước ở Việt Nam (chủ yếu là để tránh lũ lụt !).

Người Giarai và người Êđê cho tới gần đây vẫn còn giữ truyền thống xây nhà dài, nhà rông, nhà kho, và nhà ở theo kiểu « hạ thu thượng khuếch », nhưng mái nhà của họ là kiểu mái có sống lồi, cũng giống như ngôi nhà làng của người Bana, Xơđăng, v.v. Tuy nhiên, kiểu nhà này, cũng như kiểu nhà có mái hồi tròn của người Cotu, Stiêng, vẫn được coi như thuộc kiểu nhà khởi nguyên thuộc nền văn hoá Đông Sơn. Người Dayak (Indonesia) cho rằng hai dạng nhà sàn khắc trên trống đồng Đông Sơn (*nhà sàn hình thuyền mái vồng* và *nhà cầu mưa* mái lồi) đều thuộc dạng nhà khởi nguyên : nhà sống vông gắn với các biểu tượng chim - núi - thế giới bên trên - mặt trời - đàn ông..., còn nhà sống lồi gắn với các biểu tượng rắn nước - sông - thế giới bên dưới - mặt trăng - đàn bà, v.v. Ngôi nhà cổ truyền của người Toradja (đảo Célèbes, Indonesia) được coi là biểu tượng của con thuyền, với mô típ trang trí chủ yếu là đầu con trâu, tuy nhiên mô típ chim/gà vẫn được chạm khắc hoặc vẽ ở mặt trước nhà cùng với mô típ mặt trời như trên trống đồng Đông Sơn (theo Tạ Đức, *Truyền thống Đông*

Son... Tập san nghiên cứu NGOK LINH, số 2 , 6-2001).

Hình dáng ngôi nhà sàn mái hình thuyền trên đỉnh ngọn tháp Chăm ở đền Pô-Kluang Garai gợi nghĩ đến những ngôi nhà sàn Đông Sơn có mái hồi tròn của người Cơ tu, Stiêng, của người Nhật Bản cổ đại, và của những tộc người ở Papoua, Tân Guinée, v.v.

Vậy, với ý nghĩa gì, và với động cơ nào, Chế Mân (tức Jaya Simhavarman III), vị vua Chăm ở thế kỷ 14, hôn phu của Huyền Trân Công chúa, đã cho xây ngôi đền này, với hình tượng ngôi nhà sàn mái hình thuyền trên đỉnh một trong ba ngọn tháp ? Đây không thể là một sự tình cờ, mà chỉ có thể là do một sự liên tưởng nào đó tới nền văn hoá cổ của người Chăm ? Cũng có thể, đây chỉ là một ý tưởng thâm mỹ, một nét chấm phá nghệ thuật ? Hoặc giả, đằng sau tác phẩm kiến trúc, còn có một giai thoại nào khác, một môi tình cảm động, như trường hợp cung Tadj Mahal (Ấn Độ) ? Còn cái tên của ngôi đền : Pô-Kluang Garai, không biết có liên quan gì với tộc người Giarai không ?... Dẫu sao, đây cũng là biểu hiện của một cuộc giao thoa văn hoá độc đáo, ít nhất giữa ba nền văn hoá cổ đã từng có mặt trên mảnh đất miền trung này : đó là văn hoá Đông Sơn, văn hoá Sa Huỳnh, và văn hoá Ấn Độ.



Quần thể đền Pô-Kluang Garai ở Phan Rang (thế kỷ 14), với ngôi nhà hình thuyền nằm ngang trên một trong ba ngọn tháp.

Đồng thời, về mặt mỹ thuật, Pô-Kluang Garai là biểu hiện của một nền nghệ thuật đã đạt đến độ chín muồi ở thế kỷ 14 : rất có thể là nó đang manh nha tìm cách thoát khỏi những ràng buộc về qui ước của nghệ thuật tôn giáo Ấn Độ, mà nó đã chịu ảnh hưởng trong nhiều thế kỷ. Đáng tiếc thay, đây cũng là một trong những biểu hiện cuối cùng của nghệ thuật Chăm, trước khi vương quốc này đi vào suy vong.

Văn Ngọc

Diễn Đàn Forum

Directeur de publication: Nguyễn Quang Đổ

Imprimé par Point Concept, Vitry sur Seine

Dépôt légal: 178/91 * Commission Paritaire: AS 73 324 * Prix: 6 €

Địa chỉ bưu điện:

BP 50, F-92340 Bourg la Reine (FRANCE)

Địa chỉ điện tử (E-mail):

diendan@diendan.org

Trang nhà : <http://www.dienndan.org>

Đại diện các nước: xin coi thẻ lệ mua báo (trang 3)

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa PC (phông Unicode, VNI, TCVN, VPS, ...) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)